
Di Cảo Giáo Sư

NGUYỄN NGỌC HUY

1990



Vận Động Quốc Tế
Yểm Trợ
VIỆT NAM TỰ DO

*Dâng Anh kỹ vật để đời
Tâm tang xin khắc, vạ lời xin nghe.*

Huy Phong TRẦN MINH XUÂN

*In và phát hành:
đúng lễ truy điệu cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy
ngày 26-8-1990
tại Trường Đại Học San Jose State University
San Jose, Bắc California
Hoa Kỳ.*

Copyright by Mekong-Tynan

DC I / 1990

Di Cảo Gláo Sư

NGUYỄN NGỌC HUY



Vận Động Quốc Tế Yểm Trợ
VIỆT NAM TỰ DO

TỰA

Ngày Thứ Bảy 28 tháng 7 năm 1990, lúc 2 giờ chiều, tôi bàng hoàng nhận được điện thoại báo tin Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy vừa mệnh chung trước đó hơn 2 giờ, tại Paris, Pháp Quốc, nơi Giáo Sư đến mấy ngày trước đó để cùng anh em trong Liên Minh Dân Chủ Việt Nam chuẩn bị Đại Hội Liên Minh Dân Chủ Việt Nam toàn thế giới kỳ I, sẽ được tổ chức tại Hòa Lan vào ngày 2 tháng 8 năm 1990.

Ông nói từ bên kia đầu dây gác xuống kết thúc hung tin, nhưng tôi vẫn còn cảm ống nghe áp bên tai trái và nghe như trộn lẫn với thứ tiếng động đều nhịp phát ra có tiếng nói nghèn nghẹn của Giáo Sư gọi cho tôi hơn tuần lễ trước đó, trước khi Giáo Sư rời nơi cư ngụ ở Revere bắt đầu cuộc hành trình chuẩn bị Đại Hội được Giáo Sư coi như thành tựu quan trọng đầu tiên của nhiều năm bôn ba khắp thế giới vận động kết hợp anh em, vận động "Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do", mưu cầu quang phục đất nước và dân tộc Việt Nam đang bị cộng sản cai trị bằng chuyên chính vô sản.

Tôi làm sao ngờ được đó là lần sau cùng tôi nghe được tiếng nói của Giáo Sư, lần sau cùng tôi nghe

Giáo Sư lưu ý một số việc cần phải chú tâm theo dõi thực hiện trong cuộc vận động "Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do", với vài uẩn khúc bên trong nội tình vài cường quốc, cùng một số thủ đoạn đang được Việt Cộng tiến hành trong thế lừa đảo mới, khi bị áp lực từ nhiều phía bắt buộc phải chấp nhận đòi hỏi "đa nguyên chính trị", đòi hỏi có một "chính phủ liên hiệp" và đòi hỏi một cuộc "bầu cử tự do" nơi quê nhà: đó là thủ đoạn trình làng một thứ "đa nguyên trong đảng cộng sản", thứ "liên hiệp những thành phần theo cộng sản" và "bầu cử những người do cộng sản dựng lên", để trước bạ chiếc mặt nạ mới của Việt Cộng trước dư luận quốc tế trong cuộc vận động thế giới giải tỏa chúng khỏi vòng vây bị Hoa Kỳ và nhiều quốc gia Tây Phương bao kín đến nghẹt thở trong hơn 15 năm qua.

Trước đó hơn một tháng, trong một lá thư viết cho tôi từ Houston, Texas, nơi Giáo Sư thường đến chỉ đạo công tác cho văn phòng trung ương Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, ngày 11 tháng 6 năm 1990, Giáo Sư lưu ý tôi xúc tiến việc in và phát hành các sách vở tài liệu, trong đó có hai cuốn sách Giáo Sư cho tôi được vinh dự viết chung là "Hồ Chí Minh, tội phạm nhân quyền tại Việt Nam" và "Hiệu đính và chú thích quyển Lục Súc Tranh Công" mà phần Giáo Sư coi như đã hoàn tất.

Trong lúc linh hài Giáo Sư còn nằm tại tư gia của

người trưởng nam tại Pháp Quốc, trong lúc Đại Hội Liên Minh Dân Chủ toàn thế giới kỳ I đang được anh em trách nhiệm chuẩn bị tiến hành tại Hòa Lan theo đúng di chúc của Giáo Sư, thì tại Hoa Kỳ, anh em trong và ngoài tổ chức Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, vẫn dành cho Giáo Sư nhiều kính mến, thúc giục tôi cố gắng sao cho kịp ra mắt một phần di cảo của Giáo Sư trong ngày lễ truy điệu Giáo Sư, được anh em trong Liên Minh Dân Chủ Việt Nam Phân Khu Bộ Bắc California tổ chức tại San Jose vào cuối tháng 8 năm 1990.

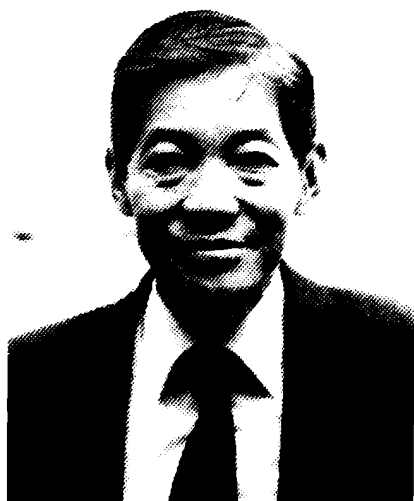
Tôi nhận lời, sưu tập ngay các tài liệu có trong tay (có ít nhiều thiếu sót), quyết định cho tập trung một số bài viết của Giáo Sư liên quan đến công cuộc "Vận động Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do" và cho ấn hành thành tập di cảo đầu tiên này, vừa như thực hiện một phần lời dặn dò của Giáo Sư, vừa như một lễ vật kính dâng Giáo Sư trong ngày truy điệu, đồng thời trình bày thêm một lần nữa trước dư luận cách thế vận động "Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do" của Giáo Sư, những suy nghĩ từng được Giáo Sư ấp ủ để biến thành công trình Giáo Sư đạt được trong tiến trình quang phục đất nước khỏi ách độc tài cộng sản, bên cạnh nhiều nỗ lực của nhiều cá nhân và đoàn thể quốc gia chống cộng khác.

Những diễn biến thời cuộc được ghi nhận trong các tài liệu và bài viết của Giáo Sư trong tập di cảo này

xây ra trước đây cả nửa thập niên, từ cuối năm 1985 cho đến hết năm 1987, nên có một số sự kiện bị thời cuộc lướt qua - như là sau biến cố Thiên An Môn đẫm máu tại Trung Cộng cùng những chuyển đổi quá mau, quá bất ngờ và quá ngoạn mục tại Liên Xô và các quốc gia Đông Âu trong thời gian gần đây - nhưng những dự kiến và lập trường của Giáo Sư vẫn còn là những vấn đề cần suy nghĩ cho mọi người hằng ưu tu đến việc quang phục đất nước khỏi bạo quyền Việt cộng.

Nếu tất cả không được là một gương sáng cho mọi người noi theo thì tôi cũng tin rằng phần di cảo này sẽ là ngọn đuốc thấp sáng phần nào con đường phục quốc được nhiều cá nhân và đoàn thể trong cộng đồng lưu dân Việt hải ngoại nối bước đi tới, con đường đang mau chóng thu ngắn lại trong tầm chân của mọi người, và thời gian chắc cũng không còn xa hơn lòng mong đợi của nhiều vị cao niên muốn được vùi chôn thân xác trong lòng đất mẹ không còn bị cộng sản cai trị.

California ngày 11 tháng 8 năm 1990
(Tuần tang thứ hai cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy)
TRẦN MINH XUÂN



Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy

*Vườn Nam hoa lá muôn loài
Hiếm hoi dị thảo sáng ngời nét xuân*

Phạm Hải Hồ

TIỂU SỬ

Tên thật: NGUYỄN NGỌC HUY

Bí danh: HÙNG NGUYỄN

Bút hiệu: ĐĂNG PHƯƠNG và nhiều bút hiệu khác

Địa chỉ: 72-72 Shirley Avenue, MA. 02151, USA, Tel.
(617)289-0466

Chi tiết cá nhân:

- Sinh ngày 2 tháng 11 năm 1924 tại Chợ Lớn (Nam Việt)

- Qua đời: 9 giờ 30 tối (giờ Paris, Pháp Quốc) ngày 28-7-1990 tại Paris, Pháp Quốc.

Văn bằng:

- 1963: Tiến Sĩ Chánh Trị Học, Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Kinh Tế, Viện Đại Học Paris. Luận án: "Đề tài người ưu tú trong tư tưởng chánh trị Trung Quốc cổ thời"

- 1960: Cao Học Chánh Trị, Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Kinh Tế, Viện Đại Học Paris, Luận văn: "Lẽ trong tư tưởng chánh trị Trung Quốc cổ thời".

- 1959: Cử Nhơn Luật Khoa và Khoa Học Kinh Tế, Viện Đại Học Paris.

- Tổ nghiệp Viện Nghiên Cứu Chánh Trị (Ban Bang Giao Quốc Tế), Viện Đại Học Paris.

Chức vụ:**TRONG NGÀNH GIẢNG HUẤN:**

Từ 1976: Phụ Khảo tại Trường Đại Học Luật Khoa Harvard (Viện Đại Học Harvard)

1965-1975: Giáo Sư Chánh Trị Học và Luật Hiến Pháp ở:

- Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, Sài Gòn.

- Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội, Viện Đại Học Cần Thơ.

- Trường Đại Học Sư Phạm, Viện Đại Học Sài Gòn

- Trường Đại Học Luật Khoa, Viện Đại Học Huế.

- Các Trường Đại Học tư: Đà Lạt, Vạn Hạnh, Minh Đức, Minh Trí...

Đồng thời, giảng viên ở:

- Trường Cao Đẳng Quốc Phòng

- Trường Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp.

- Trường Đại Học Chiến Tranh Chánh Trị.

1967-1968: Khoa Trưởng Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội, Viện Đại Học Cần Thơ.

TRONG CHÁNH QUYỀN:

1973: Nhon viên phái đoàn V.N.C.H. tham dự cuộc thương thuyết La Celle Saint Cloud.

1968-1970: Nhon viên Phái đoàn V.N.C.H. tham dự Hòa Đàm Paris.

1967: Hội viên Hội Đồng Dân Quân.

1964: Đồng Lý Văn Phòng Phủ Phó Thủ Tướng Đặc Trách Bình Định.

HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ:

Từ 1986: Hội Viên Ủy Ban Danh Dự của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do.

Từ 1981: Chủ Tịch Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương Liên Minh Dân Chủ Việt Nam.

1973-1975: Đồng Chủ Tịch Liên Minh Quốc Gia Dân Chủ Xã Hội, một mặt trận gồm sáu chính đảng đối lập theo xu hướng dân chủ.

1969-1975: Tổng Thư Ký Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến.

1945-1964: Đảng viên Đại Việt Quốc Dân Đảng; nhơn viên Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của Đảng từ năm 1948.

TƯỜNG LỤC:

WHO'S WHO đông bộ Hoa Kỳ, ấn bản lần thứ 18, 1981-1982.

Giải thưởng của Viện Đại Học Paris trao cho một trong các luận án xuất sắc nhứt trong niên học 1963-1964.

CHUYÊN MÔN:

Luật: Luật Hiến Pháp

Chính Trị Học: Tư tưởng chính trị, Định chế chính trị, Bang Giao Quốc Tế.

Ngôn ngữ: Việt, Pháp, Anh, Hán văn.

ĐÃ XUẤT BẢN:

Sách:

- Tiếng Việt:

1. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH THẾ GIỚI (4 tháng đầu năm 1990), Mekong-Tynan, San Jose, Hoa Kỳ, 1990.

2. QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT (Quyển A, trong trọn bộ 8 quyển), Việt Publisher, Canada, 1990

3. CÁC ẨN SỐ CHÁNH TRỊ TRONG TIỂU THUYẾT VÕ HIỆP KIM DUNG, Thanh Phương Thư Quán, San Jose, Hoa Kỳ, 1986.

4. Hồn Việt, thơ, Đuốc Việt, Sài Gòn, Việt Nam, 1950, Thanh Phương Thư Quán tái bản ở Paris, Pháp Quốc, năm 1984 và ấn bản thứ ba ở San Jose, Hoa Kỳ, năm 1985.

5. HÀN PHI TỬ: bản dịch ra Việt ngữ tác phẩm của Hàn Phi, nhà lý thuyết trừu danh của học phái Pháp Gia Trung Quốc, (2 quyển), Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1974.

6. LỊCH SỬ CÁC HỌC THUYẾT CHÁNH TRỊ (2 quyển), Cấp Tiến, Sài Gòn, 1970-1971.

7. ĐỀ TÀI NGƯỜI ƯU TÚ TRONG TƯ TƯỞNG CHÁNH TRỊ TRUNG QUỐC CỔ THỜI, bản dịch ra Việt ngữ luận án tiến sĩ viết bằng tiếng Pháp, Cấp Tiến, Sài Gòn, 1969.

8. DÂN TỘC SINH TỒN, chủ thuyết của Đại Việt Quốc Dân Đảng, được điều chỉnh lại để thu nhận các nguyên tắc tự do và dân chủ hợp hiến, (2 quyển), Đại Việt Quốc Dân Đảng, Sài Gòn, 1964.

- Tiếng Pháp:

9. POUR UNE NOUVELLE STRATÉGIE DE DÉFENSE DU MONDE LIBRE CONTRE L'EXPANSION COMMUNISTE, Alliance Pour La Démocratie Au Vietnam, Paris, 1985.

- Tiếng Anh:

10. Cùng viết với Tạ Văn Tài và Trần Văn Liêm: THE LÊ CODE: LAW IN TRADITIONAL VIETNAM, bản dịch ra tiếng Anh và chú thích bộ QUỐC TRIỀU HÌNH LUẬT, tục danh LUẬT HỒNG ĐỨC của nhà Lê (1428-1788), Ohio University Press, Hoa Kỳ, 1987.

11. A NEW STRATEGY TO DEFEND THE FREE WORLD AGAINST COMMUNIST EXPANSION, Alliance For Democracy In Vietnam, 1985.

12. Cùng viết với Stephen B. Young: UNDERSTANDING VIETNAM, do T.D.T. Thomason xuất bản, The Displaced Persons Center Information Service, Bussum, The Netherlands.

13. PERESTROIKA, Việt Publisher, Canada, 1990.

Báo:

1. Nguyệt San Tự Do Dân Bản, Hoa Kỳ, 1982?...*

2. Nhựt Báo Cấp Tiến, Sài Gòn 1968?...

2. Nguyệt San Cấp Tiến, Sài Gòn 1968?...

SẼ XUẤT BẢN:**Sách:**

Cùng viết với Stephen B. Young:

14. VIRTUE AND LAW: HUMAN RIGHTS IN TRADITIONAL CHINA AND VIETNAM.

Cùng viết với Trần Minh Xuân:

15. HỒ CHÍ MINH: TỘI PHẠM NHƠN QUYỀN TẠI VIỆT NAM.

16. HIỆU ĐÍNH VÀ CHÚ THÍCH: LỤC SỨC TRANH CÔNG.

Công trình được ghi nhận sẽ ấn hành gồm một số đã hoàn tất chưa ấn hành và một số đang viết *:

17. PHÊ BÌNH NHƠN VẬT TRONG TAM QUỐC CHÍ, TÂY HÁN CHÍ, ĐÔNG CHÂU LIỆT QUỐC.

18. NHỮNG HÀNH ĐỘNG PHẠM PHÁP TRONG TRUYỆN KIỀU XÉT THEO LUẬT PHÁP CỔ VIỆT NAM VÀ TRUNG HOA.

19. LỊCH SỬ TRANH ĐẤU CHO ĐỘC LẬP VÀ TỰ DO CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ THỨ 19.

20. THUA LÀ GIẶC (dịch từ cuốn LOSERS ARE PIRATES của James Banerian).

21. DANH TỘC VIỆT.

Loại DI CẢO:

22. DI CẢO I: Vận động Quốc Tế yểm trợ Việt Nam Tự Do (Phát hành vào ngày truy điệu tại San Jose State University, San Jose, USA, 26-8-1990) Mekong-Tynan, Hoa Kỳ 1990.

23. DI CẢO II.

24. DI CẢO III.

.....
25. 1990: SÁU THÁNG BIỂN CHUYỂN

26. 1989: MỘT NĂM BIỂN CHUYỂN

27. 1988: MỘT NĂM BIỂN CHUYỂN

28. 1987: MỘT NĂM BIỂN CHUYỂN

29. 1986: MỘT NĂM BIỂN CHUYỂN

30. 1985: MỘT NĂM BIỂN CHUYỂN.

BÀI ĐĂNG BÁO:**- Tiếng Việt:**

1975-1990: Bài Nhận định tình hình thế giới trong tháng vừa qua và nhiều bài liên hệ đến văn hóa và chính trị Việt Nam trong nhiều báo, như là TỰ DO DÂN BẢN và ĐƯỜNG MỐI, cùng lúc hay sau đó được trích đăng trên nhiều báo khác như MEKONG-TYNAN, SAIGON, THẮNG MỒ...

1968-1975: Bài bình luận về Tình Hình Thế Giới, Diễn Tiến Chính Trị Việt Nam, Tư Tưởng Chính Trị Trung Hoa và Việt Nam, và Luật Hiến Pháp trong các báo CẤP TIẾN, DÂN QUYỀN...

1963-1975: Bài trong các tạp chí ĐỒNG NAI VĂN TẬP, NGHIÊN CỨU HÀNH CHÍNH, LỬA THIÊN và QUỐC PHÒNG...

1947-1953: Bài bình luận và thơ trong các tuần báo ĐUỐC VIỆT và THANH NIÊN.

- Tiếng Pháp:

LA FRANCE ET LES VIETNAMIENS PARTISANS DE LA DÉMOCRATIE LIBÉRALE, trong ĐƯỜNG MỐI, Pháp Quốc, số 4, 1985.

LE CODE DES LÊ, nhận xét về bản dịch bộ luật nhà Lê ra tiếng Pháp của Ông Deloustal và về niên biểu ấn hành của bộ luật này, trong BULLETIN DE L'ÉCOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME ORIENT, Quyển LXVII, Pháp Quốc, 1980.

- Tiếng Anh:

Cùng viết với Tạ Văn Tài: THE VIETNAMESE LEGAL TEXTS, trong THE LAWS OF SOUTH-EAST ASIA, Quyển 1, THE PRE-MODERN TEXTS, do M.B. Hooker xuất bản, Butterworth & Co, 1986.

LIMITS ON STATE POWER IN TRADITIONAL CHINA AND VIETNAM, trong THE VIETNAM FORUM, Ban Nghiên Cứu Đông Nam Á Châu của Đại Học Yale, Hoa Kỳ, số 6, Hè-Thu 1985.

THE MING CODE IN VIETNAMESE LEGAL HISTORY: ITS INFLUENCE ON THE VIETNAMESE CODES AND OTHER LEGAL DOCUMENTS, trong MING STUDIES, số 19, Thu 1984.

ON THE PROCESS OF CODIFICATION OF THE NATIONAL DYNASTY'S PENAL LAWS, trong THE VIETNAM FORUM, Ban Nghiên Cứu Đông Nam Á Châu của Đại Học Yale, Hoa Kỳ, số 1, Đông Xuân 1983.

THE PENAL CODE OF VIETNAM'S LÊ DYNASTY, trong STATE AND LAW IN EAST ASIA, để kỷ niệm ngày Ông Karl Bungeer trí sĩ, do Dieter Eikemeier và Herber Franke xuất bản, Otto Harrassowitz, Wiesbaden, 1981.

THUYẾT TRÌNH:

VỊ TRÍ HỒ CHÍ MINH TRONG DIỄN TIẾN CỦA TÌNH TRẠNG NHÓN QUYỀN TẠI VIỆT NAM, Hội Thảo về đề tài "CON NGƯỜI VÀ DI SẢN CỦA HỒ CHÍ MINH" tổ chức tại Điện Luxembourg (Trụ sở Thượng Nghị Viện Pháp) do một số đoàn thể Việt Nam và Pháp, trong 2 ngày 25 và 26-5-1990.

CHÁNH SÁCH QUỐC PHÒNG CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM, Trường Đại Học Không Quân Hoa Kỳ, Colorado Springs, Colorado, Hoa Kỳ, ngày 11-4-1988.

KINH NGHIỆM CỦA HOA KỲ TẠI VIỆT NAM, Trường Đại Học Không Quân Hoa Kỳ, Colorado Springs, Colorado, Hoa Kỳ, ngày 12-4-1988.

CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NỀN AN NINH Á CHÂU, Viện Đại Học Monash, Melbourne, Úc Đại Lợi, ngày 17-9-1987.

LIÊN MINH LIÊN SÔ - CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NỀN AN NINH CỦA ĐÔNG NAM Á CHÂU, Hội Thảo Bàn Tròn do Hội International Security Council (Hội Đồng An Ninh Quốc Tế) tổ chức ở Bangkok từ ngày 6 đến 8-7-1986.

TRẬN CHIẾN ĐẤU CUỐI CÙNG VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA MIỀN NAM VIỆT NAM: 1973-1975, Hội Thảo về đề tài **KINH NGHIỆM VIỆT NAM: 1945-1975**, do Trường Đại Học Glassboro tổ chức trong hai ngày 7 và 8-4-1986.

VIỆT NAM DƯỚI ÁCH CỘNG SẢN, Nhóm Hội Thảo về Đông Nam Á Châu trong Trung Tâm Nghiên Cứu Các Vấn Đề Quốc Tế thuộc Viện Đại Học Harvard, ngày 23-11-1981, về sau được Viện Đại Học George Mason đăng lại trong loạt bài nghiên cứu về Việt Nam.

THỰC TRẠNG Ở VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG DƯƠNG VÀ GIẢI PHÁP CHO CÁC VẤN ĐỀ DO CÁC NƯỚC ÁY GÂY RA, Trung Tâm Văn Hóa Á-Mỹ, Viện Đại Học Minnesota, ngày 3-10-1981.

NGUYÊN NHÂN VÀ HẬU QUẢ CỦA VIỆC MIỀN NAM VIỆT NAM SỤP ĐỔ NĂM 1975, Đại Hội Toàn Quốc của Hiệp Hội Nghiên Cứu Mỹ Á Về Á Châu Và Thái Bình Dương, Viện Đại Học Wahington ở Seattle, thuộc Tiểu Bang Washington, từ ngày 6 đến ngày 8 tháng... năm 1980.

Thương Tiếc Một Vì Sao Bắc Đẩu

*Anh Nguyễn Ngọc Huy!
Anh Nguyễn Ngọc Huy!
Giữa trời sao đã bỏ đi vội vàng?
Cả đời lận đận long đong
Cả đời chịu nặng tấm lòng quê hương
Ngày xưa ở trong nước
Anh đi khắp nẻo đường
Nay miền Nam mai lại miền Trung
Vận động phong trào hưng quốc
Chống lại loài quỷ đồ vô luân
Rời từ ngày mất nước
Anh bốn ba hải ngoại
Khi Bắc Mỹ, lúc trời Âu, biển Úc
Tìm THẾ HỆ MỚI đấu tranh bất khuất
Gặp phong ba cú vũng tay chèo
Nào Đại Việt, nào Quốc Gia Cấp Tiến
Nào Liên Minh Dân Chủ, nào Yểm Trợ Tự Do
Khác hình thức nhưng chí cao vẫn một
Mưu cầu Dân Tộc vinh quang
Lo cho đồng bào hạnh phúc
Giai đoạn cuối đời nan y biến chứng
Tử thần chờ! Anh biết, vẫn hăng say.
Rối bời công tác đêm ngày
Quên ăn quên ngủ thân gầy xác ve
Thế rồi định mệnh khất khe
Thế rồi vĩnh viễn anh đi không về*

Anh Nguyễn Ngọc Huy!
 Đã đành sinh ký tử qui
 Cuộc cờ dang dở danh kỳ mấy ai?
 Vườn Nam hoa lá muôn loài
 Hiếm hoi dị thảo sáng ngời nét xuân
 Anh đi chưa hết đường trần
 Quê hương còn đó bội phần đắng cay
 Bàng hoàng mây trắng trời Tây
 Khối tình non nước khi đầy khi vơi
 Anh Nguyễn Ngọc Huy ơi!
 Tôi quý trọng anh, con người lý tưởng
 Không màng chi hai chữ lợi danh
 Tài kinh bang, ôi! mộng lớn chưa thành
 Ngôi Bắc Đẩu đột nhiên vừa phụt tắt!
 Lưu luyến anh, người trai xú Bưởi
 Đất Tân Uyên sỏi đá tạo danh nhân
 Bấy lâu nay lòng dạ giữ trinh nguyên
 Bầu nhiệt huyết vẫn mang mang HỒN VIỆT *
 Thương tiếc anh, dấu ngàn lời tiễn biệt
 Chẳng nguôi ngoai, da diết chuyện anh đi
 Anh Nguyễn Ngọc Huy!
 Anh Nguyễn Ngọc Huy!
 Khôn thiêng xin hãy độ trì Núi Sông.

San Jose, Hoa Kỳ 2-8-90
 PHẠM HẢI HỒ

* Thi phẩm Hồn Việt của Nguyễn Ngọc Huy
 với bút hiệu Đăng Phương tái bản tại Hoa Kỳ 1986

Saratoga 1/8/90

Thích gọi Anh,

Lẽ tuy đũa anh Nguyễn Ngọc Huy đã đứng ở chiến
trận nào chiến, và anh về lại cho tôi hay.

Thư hai tôi (6/8/90) này tôi phớt lờ đi Houston,
Texas và Canada, nếu tôi chịu kể sau đó, chắc tôi phải
viết một - đó là ở trên mà tôi rất ăn bần -

Anh Huy chết đi, là có một sự thật thời lớn cho
cuộc đời người học hỏi, kẻ đi dài chỉ tự do,
vì là một tang lễ cho Đại Việt chỉ ta, chỉ tôi viết đi
một chữ là hết cội trạch đầu, hy sinh cho chiến
trận quốc gia.

Anh Huy trên đường đi đến Đại Học Lewis Clark đã
chỉ thực như thế, tự anh một chữ là yên giấc
giáo chỉ cũ tượng!!

Mai này, anh hãy đến Thái Bình Dương, hoàn
toàn dân chủ tự do, mà có một đũa thơ Kỵ miên
chỉ vì anh học liệt sĩ, thế anh Huy rất hay
đang đến học như thế.

Câu chữ cuộc đời hoàn toàn khác ý

Thân ái chúc Anh vui an
vì Hạnh phúc.

Chúc
Corydon

Thư của cụ Cung Đình Quỳnh, một đồng chí lão thành của cố Giáo Sư
Nguyễn Ngọc Huy, bày tỏ lòng tiếc thương một "chiến sĩ ngã gục giữa
chiến trường" và nỗi ân hận không được dự lễ truy điệu, tổ chức tại Trường
San Jose State University chiều ngày Chúa Nhật 26-8-1990, vì bận đi xa.

Chung quanh vấn đề
vận động quốc tế
cho cuộc tranh đấu để giải phóng
Việt Nam khỏi ách cộng sản

Trong khuôn khổ của cuộc tranh đấu giải phóng Việt Nam khỏi ách cộng sản, một đề tài thường được đưa ra thảo luận là đề tài vận động quốc tế cho cuộc tranh đấu này. Cũng như một số đề tài khác, đề tài trên đây đã thường gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi và có thể tạo ra nhiều sự hiểu lầm nếu không nói là hiềm khích giữa người cùng nhắm một mục đích chung. Bởi đó, làm sáng tỏ các khía cạnh cốt yếu của vấn đề này thiết tưởng không phải là một việc làm vô ích.

I. Một cái nhìn rõ ràng và đúng đắn về vấn đề vận động quốc tế.

A. CÁC NGỘ NHẬN VÀ Ý KIẾN XUYÊN TẠC HOẶC SAI LẦM THƯỜNG ĐƯỢC NÊU RA VỀ VẤN ĐỀ NÀY.

Theo kinh nghiệm bản thân của kẻ viết bài này, khi vấn đề vận động quốc tế được đem ra trình bày trước một cử tọa thì thường có một số ngộ nhận và một số ý kiến xuyên tạc hoặc sai lầm được đưa ra.

1. Khi đề tài chánh yếu của một cuộc thuyết trình, hay một cuộc hội thảo, là việc vận động quốc tế thì thỉnh thoảng có người lên án thuyết trình viên, hay nhóm tổ chức cuộc thuyết trình hoặc cuộc hội thảo, là có chủ trương trông đợi người ngoại quốc giải quyết vấn đề Việt Nam cho mình, chớ không nghĩ đến cuộc tranh đấu của người Việt Nam, hoặc không cần biết đến cuộc tranh đấu của người Việt Nam.

Nhưng thật sự những người đã dấn thân vào cuộc tranh đấu cho đất nước Việt Nam làm sao có thể ngu dại đến mức tưởng tượng rằng người ngoại quốc có thể gánh vác hết công cuộc tranh đấu thay cho người Việt Nam được?

Chỉ cần một chút lý trí thông thường, ai cũng biết rằng cuộc tranh đấu giải phóng phải do người Việt

Nam đảm nhiệm lấy, và vấn đề vận động để các nước giúp đỡ mình trong cuộc tranh đấu chỉ là một điều kiện tất yếu thêm vào cuộc tranh đấu của chính mình.

Bảo rằng người nói về cuộc vận động quốc tế cần thiết này có chủ trương không cần cuộc tranh đấu của chính người Việt Nam thật cũng chẳng khác nào đi dự một cuộc thuyết trình về vấn đề dinh dưỡng mà chỉ nghe thuyết trình viên nói về việc ăn uống rồi kết luận rằng thuyết trình viên này chủ trương rằng con người chỉ cần ăn uống là đủ sống chớ không cần phải ngủ hay mặc áo quần vậy.

Bởi đó, những người đưa ra các khẳng định trên đây là hạng người ít chịu suy nghĩ nên đã ngộ nhận một cách nặng nề, hoặc thường hơn là hạng người cố tình xuyên tạc, tìm cách bài bác những người họ không ưa cho bằng được bất chấp lẽ phải thông thường. Dầu trong trường hợp nào thì họ cũng chỉ đưa ra một khẳng định để sỉ vả những người có liên hệ đến cuộc hội thảo hay thuyết trình.

2. Một số người khác có khả năng lập luận khá hơn đã khẳng định rằng việc vận chuyển quốc tế là điều không cần thiết. Những người này thường lấy lòng cử tọa Việt Nam của mình bằng cách kích động tinh thần quốc gia và lòng tự hào dân tộc.

Họ bảo rằng dân tộc Việt Nam ta là một dân tộc anh dũng, có khả năng tự cường tự lập, nên có thể độc lực tranh đấu để tự giải phóng khỏi ách độc tài của Cộng Sản, không cần đến quốc gia nào khác.

Những người có lập trường này thường khẳng định rằng trong quá khứ, tổ tiên chúng ta đã không hề nhờ cậy quốc gia hay dân tộc nào giúp đỡ khi phải tự giải phóng khỏi ách đô hộ của người Trung Hoa. gương Lê Thái Tổ khởi nghĩa thường được nêu ra nhiều nhứt để biện minh cho lập luận trên đây.

Nhưng chúng ta có thể đưa ra hai nhận định về vấn đề này.

a. Trước hết một cuộc tranh đấu độc lực như vậy chỉ có thể đưa đến sự thành công khi khả năng kỹ thuật của hai bên không cách biệt nhau xa quá.

Sau khi người Trung Hoa chinh phục nước ta từ trước Công Nguyên, tổ tiên chúng ta đã nhiều lần nổi lên chiến đấu và có khi cũng đã đánh đuổi được các quan lại Trung Hoa, nhưng rồi lại thất bại khi triều đình Trung Hoa cho quân sang chinh phục đất nước chúng ta trở lại. Chỉ đến cuối thế kỷ thứ 10, tổ tiên chúng ta mới thành công được. Đó là vì sau hơn 10 thế kỷ sống dưới ách đô hộ Trung Hoa, tổ tiên chúng ta đã học được kỹ thuật chiến đấu quân sự của

họ và có một trình độ tương đương với họ về mặt này.

Chúng ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng kỹ thuật quân sự của hai Bà Trưng và Bà Triệu hãy còn thua kỹ thuật quân sự của Mã Viện hay của Lục Dận rất xa, trong khi kỹ thuật quân sự của Ngô Quyền ít nhứt cũng tương đương với kỹ thuật quân sự của vua quan nhà Nam Hán.

Mặt khác, khi Ngô Quyền đã đánh đuổi được quân Nam Hán ra khỏi đất nước ta năm 938, nước Trung Hoa đang bị nạn phân hóa và chỉ thống nhứt trở lại được 22 năm sau đó. Triều đại thực hiện được sự thống nhứt này là nhà Tống lại trọng văn khinh võ nên yếu sức và đã bị người Khiết Đôn uy hiếp ở phía bắc nên không đem toàn lực đối phó với tổ tiên chúng ta ở phía nam ngay được. Nhờ đó, tổ tiên chúng ta có thì giờ để củng cố nội bộ của mình và chống đỡ được một cách có hiệu lực khi nhà Tống đã rảnh tay ở phía bắc và mưu đồ xâm chiếm lại nước ta. Đó là lý do chánh làm cho Ngô Quyền được cái danh dự dọn đường cho nền tự chủ của nước ta trong khi các vị anh thư đầu tiên của dân tộc ta là hai Bà Trưng và Bà Triệu cuối cùng đã thất bại trong mưu đồ giải phóng.

Đến lúc nội thuộc nhà Minh hồi đầu thế kỷ thứ 15, tổ tiên chúng ta đã hưởng được một thời kỳ độc

lập dài hơn bốn thế kỷ nên đã có một trình độ kỹ thuật quân sự cao không thua người Trung Hoa nữa.

Về mặt võ nghệ thì người Việt Nam tuy đặc biệt giỏi về cây côn, nhưng cũng biết đủ 18 môn binh khí. Về mặt binh pháp thì Nguyễn Trãi có hết các sách về lục thao tam lược mà các vị tham mưu của quân Minh như Hoàng Phúc đã học. Ngoài ra, Nguyễn Trãi còn có thể đọc thêm một bộ sách riêng của dân tộc Việt Nam là bộ Binh Thư Yếu Lược của Trần Hưng Đạo.

Vì kỹ thuật quân sự của phía Lê Thái Tổ không thua kém kỹ thuật quân sự của quân Minh nên Lê Thái Tổ đã có thể đương đầu lại họ và cuối cùng đã chiến thắng họ được.

Hiện nay, thế giới đã bước vào một giai đoạn kỹ thuật tân tiến. Các vũ khí và dụng cụ được dùng ở chiến trường chỉ có thể sản xuất được ở những nước có một nền kỹ nghệ mở mang.

Thời chiến đấu với Pháp để giành độc lập, bọn Cộng Sản Việt Minh chỉ có thể thắng được sau khi Trung Cộng chiếm được lục địa Trung Hoa và giúp cho chúng các vũ khí dụng cụ tối tân, đồng thời huấn luyện cán bộ của chúng về kỹ thuật quân sự.

Sau năm 1975, ở Miền Nam Việt Nam đã có rất

nhều anh chị em đứng lên tranh đấu chống lại bọn Cộng Sản Hà Nội. Họ đã tỏ ra rất anh dũng và được sự ngưỡng mộ của hầu hết nhân dân. Nhưng họ đã không tổ chức một cuộc nổi dậy lớn được vì không có các vũ khí và dụng cụ như Liên Xô cung cấp cho chính quyền Cộng Sản Hà Nội.

Chỉ lấy việc thông tin tức và truyền hiệu lệnh cho nhau, chúng ta đã có thể thấy sự cách biệt như thế nào. Với các dụng cụ mà Liên Xô cung cấp, bọn Cộng Sản Hà Nội có thể thông đạt các tin tức và hiệu lệnh cho nhau từ cấp trung ương đến xã ấp trong vài giờ. Nếu không có những dụng cụ truyền thông tối tân mà người dân Việt Nam không chế tạo nổi thì các tổ chức kháng chiến chống nhau với Cộng Sản Hà Nội có thể mất hàng tháng mới thông đạt được các tin tức và hiệu lệnh cho tất cả mọi cấp. Như vậy thì làm sao kháng chiến có thể ứng phó kịp thời để tự vệ cho hữu hiệu chớ đừng nói gì đến việc chiến thắng kẻ địch được? Sự cách biệt về kỹ thuật giữa hai bên chỉ có thể san bằng hay ít nhứt cũng thấu ngăn lại được khi phía kháng chiến được sự giúp đỡ của các nước khác.

Về mặt tài chính, sự đóng góp của người Việt Nam ở hải ngoại **rất cần thiết** để chúng tỏ quyết tâm của người quốc gia Việt Nam trong việc giải phóng đất nước khỏi ách **độc tài** cộng sản. Nhưng người Việt Nam phần lớn **nghèo** khó nên dầu có đóng góp

đến mức tối đa cũng chỉ thu hoạch được một số tiền vài triệu mỹ kim. Tiền này thật là lớn lao với một cá nhân, nhưng đối với một cuộc tranh đấu cần từ hàng trăm triệu mỹ kim trở lên, nó không thấm vào đâu, nhứt là khi cuộc tranh đấu đã đạt được một bề thế lớn. Vậy, việc vận động quốc tế để được sự giúp đỡ là một điều không thể không có được nếu chúng ta muốn chiến thắng Cộng Sản.

b. Trong quá khứ, tổ tiên chúng ta không phải là không cần đến sự giúp đỡ của ngoại tộc khi phải tranh đấu tự giải phóng. Những người khẳng định là dân tộc Việt Nam không cần nhờ cậy ai trong việc tranh đấu đã không đọc kỹ lịch sử Việt Nam.

Bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đã cho chúng ta biết rằng khi phải chiến đấu với người Trung Hoa, tổ tiên chúng ta đã từng nhờ cậy người Lào. Vua nhà Hậu Trần là Trùng Quang Đế lúc không cự nổi các đạo quân Minh đã chạy sang nước Lào tạm lánh; những người nổi lên chống quân Minh lúc đó khi thất bại cũng sang nước ấy nhờ giúp đỡ.

Ngay đến Vua Lê Thái Tổ mà những người chỉ trích việc vận động quốc tế lấy làm gương mẫu với tư cách là một nhà lãnh đạo tự lực tranh đấu không cần nhờ cậy ai, thật sự cũng đã nhờ người Lào giúp cho mới đương đầu nổi với người Minh trong mấy năm đầu khởi nghĩa. Khi cầm cự với quân Minh ở Lu Sơn

năm 1418, Lê Thái Tổ đã được người Lào cho quân đến cứu viện mới chống đỡ được.

3. Đi xa hơn trong sự chỉ trích, một số người khẳng định rằng vận động quốc tế là cầu viện mà cầu viện hàm ý nghĩa đi xin xỏ một cách nhục nhã và chỉ có thể đem đến những họa hại cho dân tộc. Những người này thường nêu gương hai Vua Lê Chiêu Thống và Gia Long ra để lên án việc vận động quốc tế.

a. Trước hết, cần phải nói về trường hợp Vua Gia Long. Kẻ viết bài này không có lý do gì để bình vực triều nhà Nguyễn. Nhưng thiết tưởng trong sự phê bình một nhơn vật, nhứt là một nhơn vật lịch sử, ta cần phải có sự khách quan và tránh việc chỉ trích không căn cứ vào sự thật. Những người chỉ trích Vua Gia Long cho rằng tại ông cầu viện với Pháp mà nước ta đã bị mất độc lập về sau. Nhưng sự thật như thế nào?

Vua Gia Long khi cần chống nhau với nhà Tây Sơn quả có nhờ Giám Mục Bá Đa Lộc đưa Hoàng Tử Cảnh sang yết kiến Pháp Hoàng Louis XVI để xin giúp đỡ. Theo hiệp ước được ký kết năm 1787 thì Pháp Hoàng hứa giúp Vua Gia Long bốn chiếc tàu chiến và một đạo binh 1650 người. Bù lại, Vua Gia Long hứa nhường cho Pháp cửa Đà Nẵng và đảo Côn Lôn, đồng thời cho người Pháp độc quyền

ra vào buôn bán tự do. Tuy có ký kết như vậy, nhưng thật ra, hiệp ước đã không được thi hành vì Bá Tước De Conway là Tổng Trấn thành Pondichery đã không làm theo chỉ thị của Vua Louis XVI. Do đó, sau khi lên ngôi, Vua Gia Long đã bác bỏ các yêu cầu của chính phủ Pháp xin nhường của Đà Nẵng và đảo Côn Lôn cho Pháp. Vậy, việc Vua Gia Long cầu viện nơi Pháp tuy không phải là điều đáng khen, nhưng trong thực tế, đã không làm thiệt thòi gì cho quốc gia Việt Nam.

Về sau, người Pháp đến chinh phục Việt Nam là vì các vua kế nghiệp Vua Gia Long đã có một chính sách hẹp hòi thiếu khôn ngoan, không biết thay đổi kịp thời để ứng phó với hoàn cảnh quốc tế mới như các chính phủ ở Nhật và ở Xiêm (Thái Lan).

b. Về Vua Lê Chiêu Thống thì quả là người đã làm sai nên có thể xem là một nhơn vật vừa đáng thương vừa đáng trách. Vì một chính sách thiếu thiết thực nên ông đã mang nhục vào thân mà còn làm cho đất nước Việt Nam suýt bị lâm nguy. Tất cả mọi người Việt Nam đều lên án việc cầu viện theo lối Lê Chiêu Thống.

Nhưng việc vận động quốc tế có phải đều là cầu viện theo lối Lê Chiêu Thống hay không? Muốn trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải đi sâu hơn vào một số nguyên tắc liên hệ đến sự bang giao giữa các nước.

B. CÁC NGUYÊN TẮC LIÊN HỆ ĐẾN SỰ BANG GIAO GIỮA CÁC NƯỚC.

Trên thế giới, có nhiều quốc gia và các quốc gia này không thể nào hoàn toàn sống cách biệt nhau, không cần giao thiệp với nhau. Ngay cả trong thời xưa, lúc mà phương tiện giao thông còn kém cỏi không cho phép người biết rõ cả năm châu, các nước ở gần nhau cũng phải có sự liên lạc với nhau không nhiều thì ít.

Nghiên cứu lịch sử bang giao giữa các nước từ xưa đến nay, chúng ta thấy có hai yếu tố căn bản chi phối sự bang giao đó.

1. Trước hết động cơ chánh yếu của sự bang giao là quyền lợi.

a. Mỗi quốc gia đều có những quyền lợi riêng và chánh sách đối ngoại của mọi chánh phủ, kể cả các chánh phủ đúng đắn của dân tộc Việt Nam ta trong quá khứ, đều hướng về việc phục vụ quyền lợi đó. Đây là một việc tự nhiên và khi một quốc gia vi quyền lợi của họ mà không giữ đúng lời cam kết với chúng ta (như khi Hoa Kỳ bỏ rơi Miền Nam Việt Nam năm 1975) thì chúng ta nên hiểu đó là việc không thể tránh được và không nên trách móc họ làm gì vô ích. Chúng ta chỉ nên nhận chân sự thật trên đây để có thái độ thích ứng.

b. Lý tưởng và cảm tình cá nhân có thể có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại một quốc gia. Hai quốc gia cùng theo một thể chế chính trị như nhau để giao thiệp với nhau hơn là hai quốc gia khác thể chế, và khi có sự xung đột, hai quốc gia có thể chế như nhau - nhất là các quốc gia cùng theo thể chế dân chủ tự do - để giải quyết vấn đề một cách êm thấm hơn là hai quốc gia có thể chế khác nhau. Nếu các nhà lãnh đạo hai quốc gia quen biết nhau và có cảm tình với nhau thì sự bang giao giữa hai bên có thể dễ dàng tốt đẹp hơn.

c. Tuy nhiên, so với quyền lợi quốc gia thì lý tưởng và tình cảm chỉ là thứ yếu.

Bởi đó, hai quốc gia theo một thể chế chính trị như nhau có thể chống chọi nhau và ngược lại, hai quốc gia theo những thể chế chính trị khác nhau có thể bắt tay nhau. Hiện nay, Trung Cộng theo chế độ cộng sản như Liên Xô trong khi Hoa Kỳ theo chế độ dân chủ tự do, nhưng Trung Cộng đã xung đột với Liên Xô nhiều hơn với Hoa Kỳ và có thể chịu hợp tác với Hoa Kỳ để chống lại Liên Xô những khi cần.

Mặt khác, nhà lãnh đạo một quốc gia đều có cảm tình riêng với nhà lãnh đạo một quốc gia khác cũng khó có thể vì cảm tình này mà đi ngược lại quyền lợi nước mình.

d. Việc đặt quyền lợi quốc gia trên lý tưởng và cảm tình cá nhân có xu hướng ngày một tăng gia chớ không giảm thiểu.

Thời xưa, các quốc gia thường theo chế độ quân chủ chuyên chế, và nhà vua được trọn quyền quyết định mà không phải lưu tâm nhiều đến dư luận như hiện nay. Do đó, khi gây được sự chú ý và thiện cảm của một nhà vua, người ta có thể được sự giúp đỡ của một quốc gia.

Trường hợp điển hình của việc này là trường hợp Thân Bao Tự.

Ông này là bầy tôi nước Sở. Lúc nước này bị nước Ngô xâm lấn, ông chạy sang nước Tần cầu cứu. Ban đầu, vua nước Tần không chấp nhận giúp ông. Ông đứng ở sân châu nước Tần mà kêu khóc bảy ngày đêm không ngừng. Điều này làm cho vua nước Tần cảm động và cuối cùng đã quyết định cho quân sang cứu nước Sở.

Ngày nay, nhà cầm quyền các nước không còn phải là những nhà vua trọn quyền quyết định mọi việc. Ngay đến các nhà độc tài cũng ít nhiều tùy thuộc ý kiến của các cộng sự viên, hoặc của Đảng mình. Do đó, nhà cầm quyền các nước hiện tại không thể quyết định theo lý tưởng hay tình cảm cá nhân của mình mà phải tìm cách phục vụ quyền lợi

b. Lý tưởng và cảm tình cá nhân có thể có ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại một quốc gia. Hai quốc gia cùng theo một thể chế chính trị như nhau để giao thiệp với nhau hơn là hai quốc gia khác thể chế, và khi có sự xung đột, hai quốc gia có thể chế như nhau - nhất là các quốc gia cùng theo thể chế dân chủ tự do - để giải quyết vấn đề một cách êm thấm hơn là hai quốc gia có thể chế khác nhau. Nếu các nhà lãnh đạo hai quốc gia quen biết nhau và có cảm tình với nhau thì sự bang giao giữa hai bên có thể dễ dàng tốt đẹp hơn.

c. Tuy nhiên, so với quyền lợi quốc gia thì lý tưởng và tình cảm chỉ là thứ yếu.

Bởi đó, hai quốc gia theo một thể chế chính trị như nhau có thể chống chọi nhau và ngược lại, hai quốc gia theo những thể chế chính trị khác nhau có thể bắt tay nhau. Hiện nay, Trung Cộng theo chế độ cộng sản như Liên Xô trong khi Hoa Kỳ theo chế độ dân chủ tự do, nhưng Trung Cộng đã xung đột với Liên Xô nhiều hơn với Hoa Kỳ và có thể chịu hợp tác với Hoa Kỳ để chống lại Liên Xô những khi cần.

Mặt khác, nhà lãnh đạo một quốc gia đều có cảm tình riêng với nhà lãnh đạo một quốc gia khác cũng khó có thể vì cảm tình này mà đi ngược lại quyền lợi nước mình.

d. Việc đặt quyền lợi quốc gia trên lý tưởng và cảm tình cá nhân có xu hướng ngày một tăng gia chớ không giảm thiểu.

Thời xưa, các quốc gia thường theo chế độ quân chủ chuyên chế, và nhà vua được trọn quyền quyết định mà không phải lưu tâm nhiều đến dư luận như hiện nay. Do đó, khi gây được sự chú ý và thiện cảm của một nhà vua, người ta có thể được sự giúp đỡ của một quốc gia.

Trường hợp điển hình của việc này là trường hợp Thân Bao Tự.

Ông này là bầy tôi nước Sở. Lúc nước này bị nước Ngô xâm lấn, ông chạy sang nước Tần cầu cứu. Ban đầu, vua nước Tần không chấp nhận giúp ông. Ông đứng ở sân châu nước Tần mà kêu khóc bảy ngày đêm không ngừng. Điều này làm cho vua nước Tần cảm động và cuối cùng đã quyết định cho quân sang cứu nước Sở.

Ngày nay, nhà cầm quyền các nước không còn phải là những nhà vua trọn quyền quyết định mọi việc. Ngay đến các nhà độc tài cũng ít nhiều tùy thuộc ý kiến của các cộng sự viên, hoặc của Đảng mình. Do đó, nhà cầm quyền các nước hiện tại không thể quyết định theo lý tưởng hay tình cảm cá nhân của mình mà phải tìm cách phục vụ quyền lợi

nước mình trước nhút.

đ. Một trường hợp đặc biệt đáng lưu ý trong lịch sử Việt Nam cận đại là trường hợp Hồ Chí Minh.

Ông ta đã mưu toan giải phóng Việt Nam khỏi ách thực dân Pháp. Nhưng trước Thế Chiến I, ông ta không được sự giúp đỡ của nước nào. Đến khi Thế Chiến I chấm dứt, mới có Liên Xô chánh thức chủ trương giải phóng các dân tộc nhược tiểu bị áp bức khỏi ách các nước đế quốc và thực dân. Vì thế, Hồ Chí Minh đã quyết định theo Liên Xô và thật sự ông ta đã được nước ấy giúp đỡ trong cuộc tranh đấu chống Pháp của ông ta.

Mục đích ban đầu của Hồ Chí Minh là giải phóng Việt Nam, nhưng ông ta lần lần mê say chủ nghĩa cộng sản rồi trở thành tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa này. Cuối cùng ông ta đã nhút quyết lời cho bằng được dân tộc Việt Nam vào Khối Cộng Sản do Liên Xô lãnh đạo mà không nhận thấy rằng, cũng như mọi nước khác, Liên Xô đã lo phục vụ quyền lợi của mình trước nhút, và lôi Việt Nam vào Khối Cộng Sản Liên Xô là đặt vào đầu vào cổ dân tộc Việt Nam một cái ách còn nặng nề khắc nghiệt hơn là cái ách của thực dân Pháp.

2. Ngoài yếu tố quyền lợi làm động cơ, chánh sách

của các quốc gia còn bị sự chi phối của một yếu tố thứ nhì không kém quan trọng là sức mạnh.

a. Sức mạnh một quốc gia dựa vào một lực lượng vật chất gồm hai khía cạnh cốt yếu là kinh tế và quân sự. Muốn bảo vệ các quyền lợi của mình, quốc gia cần phải có một quân đội hùng mạnh. Nhưng quốc gia cũng phải có một nền kinh tế phát triển có một khả năng sản xuất và một trình độ kỹ thuật cao. Có mạnh về kinh tế, quốc gia mới có thể xây dựng được một lực lượng quân sự hùng hậu và có phương tiện tài chánh để thi hành các chánh sách của mình.

b. Tuy nhiên, khi nói đến sức mạnh của một quốc gia trong việc thi hành một chánh sách, ta không thể chỉ xét đến lực lượng vật chất tuyệt đối của quốc gia ấy, vì việc sử dụng lực lượng vật chất này để đạt một mục tiêu còn tùy thuộc nhiều yếu tố, như sự chống đối của các quốc gia khác và trở lực mà quốc gia gặp phải ngay trong nội bộ của mình.

Thật vậy, nếu chỉ xét về mặt lực lượng vật chất thì hiện nay Hoa Kỳ là nước mạnh nhất thế giới. Nhưng vì ý thức hệ dân chủ tự do và các định chế chánh trị và xã hội xây dựng theo ý thức hệ đó, nhà cầm quyền Hoa Kỳ có thể bị cản trở trong việc sử dụng các lực lượng vật chất trong tay mình và không thể thực hiện chánh sách mình mong muốn.

c. Do đó, đối với mỗi vấn đề, các quốc gia thường phải điều chỉnh chính sách của mình theo mối tương quan quyền lợi và sức mạnh tương đối mà mình có thể huy động được, để được hưởng quyền lợi đó. Nếu vì sự chống đối của các quốc gia khác hay vì gặp trở lực nội bộ mà mình không thể đạt mức quyền lợi tối đa trong một vấn đề, quốc gia có thể phải chấp nhận một chính sách khác ít có lợi hơn nhưng để cho mình thực hiện hơn.

Nói theo từ ngữ chính trị Trung Quốc cổ thì mỗi vấn đề, một quốc gia có thể theo thượng sách, trung sách hay hạ sách. Nếu có đủ sức mạnh cần thiết thì nó áp dụng thượng sách để có mối lợi tối đa; không thì áp dụng trung sách để có mối lợi nhỏ hơn; cùng lắm, nó phải theo hạ sách là một chính sách chỉ mang đến cho nó một quyền lợi tối thiểu hay có thể đưa đến những mối hại cho nó.

II. Cuộc vận động hiện tại để giải phóng đất nước khỏi ách độc tài cộng sản.

A. CÁC NGUYÊN TẮC PHẢI THEO TRONG SỰ VẬN ĐỘNG.

Dựa vào các nguyên tắc liên hệ đến sự bang giao

giữa các nước, chúng ta có thể rút ra một số nguyên tắc mà chúng ta phải theo trong cuộc vận động quốc tế của chúng ta.

1. Trước hết, trong sự vận động này, chúng ta phải đặt quyền lợi của dân tộc Việt Nam lên trên hết. Vậy, giải pháp được đưa ra phải phù hợp với các nguyện vọng và nhu cầu của dân tộc Việt Nam.

Nhưng nếu giải pháp này chỉ có lợi riêng cho dân tộc ta mà không đếm xỉa gì đến quyền lợi của quốc gia khác thì nó không sao có thể được quốc gia khác chấp nhận. Vậy, nó phải có lợi cho quốc gia mà ta muốn vận động.

2. Trong sự vận động quốc tế, ngoài quyền lợi của dân tộc Việt Nam và quyền lợi của quốc gia mà ta muốn vận động, ta còn phải xét đến khả năng của quốc gia này trong việc thực hiện kế hoạch mà chúng ta đề nghị. Chúng ta không thể mong chờ nơi quốc gia mà chúng ta muốn vận động một cố gắng quá sức của họ.

3. Quyền lợi của một quốc gia có thể thay đổi và khi nó thay đổi thì quốc gia đó phải áp dụng một chính sách khác. Thêm nữa, xu hướng tự nhiên của mọi quốc gia là cố gắng để giành cái lợi tối đa về cho mình. Do đó, khi hai nước liên minh với nhau thì nước nhỏ thường bị nước lớn lấn hiếp và có thể bị

nước lớn bỏ rơi nửa chừng.

Muốn tránh được nạn này, nước nhỏ cần phải liên minh với nhiều nước. Khi có một liên minh nhiều nước như vậy, mỗi nước đều có quyền lợi ở nước nhỏ nên khi một nước lớn lấn hiếp nước nhỏ thì các nước khác bị mất quyền lợi và phải giúp nước nhỏ chống đỡ.

Lịch sử Việt Nam cận đại đã chứng minh các điểm trên đây:

Từ 1948 đến 1954, người quốc gia Việt Nam chỉ được Pháp yểm trợ trong cuộc tranh đấu chống lại Cộng Sản và đã bị người Pháp thao túng đến mức bị xem là bù nhìn của Pháp. Năm 1954, người Pháp mời mật và thương thuyết với Cộng Sản Việt Nam để giao Miền Bắc Việt Nam cho chúng. Người quốc gia Việt Nam đã không chống lại việc này được.

Từ 1954 đến 1975, chánh quyền Miền Nam Việt Nam chỉ được Hoa Kỳ ủng hộ nên cũng đã bị người Mỹ lấn hiếp đến mức bị xem là bù nhìn của Mỹ. Năm 1975 Hoa Kỳ mời mật rút lui và Miền Nam Việt Nam đã bị Cộng Sản Việt Nam chinh phục.

Trái lại phía Cộng Sản Việt Nam đã được Trung Cộng và Liên Xô giúp đỡ từ 1948 đến 1975. Hai siêu cường cộng sản chỉ đồng ý nhau năm 1954 để bắt

buộc Cộng Sản Việt Nam ký Hiệp Định Geneva chia hai đất nước. Ngoài ra, họ thường chống chọi nhau nên Cộng Sản Việt Nam đã có thể dựa vào nước này để đương đầu lại nước kia và duy trì được sự độc lập của mình, đồng thời lại được cả hai nước giúp đỡ cho đến khi Miền Nam Việt Nam sụp đổ, vì cả Trung Cộng lẫn Liên Xô đều sợ rằng nếu không tiếp tục giúp Cộng Sản Việt Nam thì sẽ mất thế ở Việt Nam.

Nếu theo đúng các nguyên tắc nêu ra trên đây thì cuộc vận động quốc tế của chúng ta hoàn toàn khác hẳn các cuộc cầu viện vì quyền lợi một cá nhân hay một dòng họ theo lối các nhà Vua Lê Chiêu Thống và Gia Long, hay vì ý thức hệ theo lối Hồ Chí Minh.

Các cuộc cầu viện như trên thường đưa đến sự bất lợi của quốc gia: Cuộc cầu viện của Vua Gia Long không làm cho Việt Nam mất đất đai chỉ vì hiệp ước ký năm 1787 đã không được Pháp Hoàng thi hành; cuộc cầu viện của Vua Lê Chiêu Thống suýt chút nữa đã làm cho Việt Nam bị Trung Quốc chiếm cứ; về cuộc cầu viện của Hồ Chí Minh, cuối cùng, nó đã đưa dân tộc Việt Nam đến chỗ làm nô lệ cho Liên Xô.

Công cuộc vận động quốc tế mà chúng ta đeo đuổi vừa làm lợi cho dân tộc Việt Nam vừa có lợi cho các quốc gia khác. Do đó, nó không đặt chúng

ta vào địa vị của kẻ đi xin xỏ người khác mà hướng đến một sự hợp tác bình đẳng để cùng đạt mục tiêu chung.

Mặt khác, sự có mặt của nhiều nước làm cho các nước kèm chế nhau để tất cả đều giữ đúng các điều đã cam kết với nhau và chúng ta có thể tránh được sự lấn hiếp của các nước lớn trong liên minh.

B. QUYỀN LỢI VÀ CHÍNH SÁCH CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CỦA QUAN THẦY CHÚNG LÀ LIÊN SÔ.

1. Hiện nay, Cộng Sản Việt Nam đã tự đặt mình trong quỹ đạo của Liên Sô. Từ năm 1978, chúng đã gia nhập Hội Đồng Tương Trợ Kinh Tế (COMECON) do Liên Sô lãnh đạo. Chúng cũng đã ký với Liên Sô một hiệp ước thân hữu và tương trợ. Chúng nhờ sự giúp đỡ của Liên Sô và các nước chư hầu của Liên Sô về cả hai mặt quân sự và kinh tế để củng cố và phát triển thế lực của Khối Liên Sô tại Đông Nam Á Châu. Trong khuôn khổ của chính sách này, chúng đã chế ngự nước Lào và xâm chiếm nước Cam Bu Chia.

Phe cộng sản ở Lào đã theo Cộng Sản Việt Nam từ trước khi cướp được chính quyền. Do đó, Cộng Sản Việt Nam đã chiếm nước Lào một cách êm thấm và các lực lượng kháng chiến Lào chưa được

các nước khác nhìn nhận. Dầu vậy, Cộng Sản Việt Nam vẫn phải để 50.000 quân ở Lào để kèm chế dân tộc Lào.

Mặc dầu Tổng Bí Thư của Cộng Sản Lào là một người Lào lai Việt Nam và tình thế Lào chưa có gì nguy hiểm cho sự ngự trị của chúng, bọn Cộng Sản Việt Nam vẫn áp dụng chánh sách Việt hóa nước Lào để nắm phần chắc. Vì thiếu phương tiện và vì dân tộc Lào chỉ có khoảng 3 triệu rưởi người, Cộng Sản Việt Nam đã thi hành chánh sách Việt hóa một cách chậm chạp và kín đáo.

Hiện nay, chúng đã đưa khoảng 60.000 người Việt Nam lên định cư ở Lào. Phần lớn các người này là cựu quân nhân cộng sản và tập trung ở cao nguyên Hạ Lào tại các phần đất phì nhiêu. Nhiệm vụ của họ là khai thác vùng này về nông sản và mục súc để tiếp tế cho bộ đội Cộng Sản Việt Nam chiếm đóng Cam Bu Chia.

Phía Cam Bu Chia, Cộng Sản Việt Nam đã gặp sự chống đối của phe Khmer Đỏ cầm quyền nên đã phải đem quân đánh chiếm nước này một cách trắng trợn và bị phần lớn các nước lên án về chánh sách xâm lược đó.

Chánh quyền bù nhìn Heng Samrin mà chúng dựng lên chỉ được các nước thân Liên Xô nhìn nhận.

Trái lại, chính phủ liên hiệp gồm Khmer Đỏ, lực lượng của Ông Hoàng Sihanouk và lực lượng của Ông Son Sann đã được đa số các nước trên thế giới ủng hộ. Họ có những đơn vị võ trang chiến đấu với quân đội Cộng Sản Việt Nam chiếm đóng và với lực lượng của Ông Heng Samrin.

Các nước ủng hộ họ đều lên tiếng đòi Cộng Sản Việt Nam rút quân khỏi Cam Bu Chia và chấm dứt mọi viện trợ kinh tế cho Cộng Sản Việt Nam với lời hứa sẽ viện trợ trở lại khi chúng đã rút quân khỏi Cam Bu Chia.

Bọn Cộng Sản Việt Nam nhứt định phải chế ngự Cam Bu Chia cho bằng được để củng cố vị thế ở Đông Dương rồi sau đó gây rối loạn ở các nước Đông Nam Á Châu khác, bắt đầu bằng Thái Lan, để bành trướng thế lực Cộng Sản.

Trong việc làm này, chúng chỉ được sự giúp đỡ của Liên Xô và chư hầu của Liên Xô.

Chúng đã cho Liên Xô dùng lãnh thổ của ba nước Đông Dương làm căn cứ quân sự. Đặc biệt, hải cảng Cam Ranh đã đóng một vai tuồng chiến lược toàn cầu quan trọng cho Liên Xô.

Nhờ sử dụng được căn cứ Cam Ranh, Hải Quân Liên Xô đã có mặt ở nam bộ Thái Bình Dương và

nối liền hoạt động của các hạm đội họ ở Bắc Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Do đó, khả năng của Hải Quân Liên Xô đã được tăng cường nhiều.

Để được hưởng quyền sử dụng Cam Ranh, Liên Xô phải yểm trợ Cộng Sản Việt Nam. Tuy nhiên, vì chính họ cũng gặp khó khăn về kinh tế nên Liên Xô không thể cung cấp cho Cộng Sản Việt Nam đủ tiền bạc, dụng cụ và hàng hóa cần thiết để giải quyết nạn đói kém tại Việt Nam chớ không nói gì đến việc phát triển.

Vì vậy, Cộng Sản Việt Nam phải nghĩ đến việc nhờ các nước Tây Phương giúp. Nhưng các nước Tây Phương chỉ nhận giúp chúng về kinh tế nếu chúng rút quân khỏi Cam Bu Chia.

Để giải quyết vấn đề theo quyền lợi của chúng, Cộng Sản Việt Nam đã xúc tiến kế hoạch Việt hóa nước Cam Bu Chia. Kế hoạch này đã bắt đầu từ năm 1981. Hiện nay, ngoài 180.000 quân chiếm đóng, Cộng Sản Việt Nam còn có 700.000 người dân Việt Nam định cư ở Cam Bu Chia. Chương trình đưa người Việt Nam lên Cam Bu Chia vẫn tiếp tục. Những người Việt Nam được đưa lên Cam Bu Chia như vậy sẽ mang tên Khmer, nói tiếng Khmer và lấy quốc tịch Cam Bu Chia. Họ sẽ làm binh sĩ và cảnh sát Khmer, nhưng vẫn sẽ trung thành với chánh quyền Cộng Sản Việt Nam.

Sở dĩ Cộng Sản Việt Nam tuyên bố rằng chúng sẽ rút quân khỏi Cam Bu Chia vào năm 1990 là vì lý do ấy, số người Việt Nam định cư ở Cam Bu Chia đã có thể cung cấp cho chúng đủ số binh sĩ và cảnh sát mang danh nghĩa là lực lượng của chánh quyền bù nhìn Cam Bu Chia để duy trì trật tự và kềm chế Khmer. Lúc ấy, Cộng Sản Việt Nam sẽ chánh thức rút quân.

Một số nước Tây Phương sẽ lọt vào cái bẫy của Cộng Sản Việt Nam và sẽ viện trợ kinh tế cho chúng. Như thế, Cộng Sản Việt Nam vẫn sẽ làm chủ đất nước Cam Bu Chia mà lại được sự giúp đỡ của các nước Tây Phương để giải quyết các khó khăn kinh tế của chúng.

2. Tuy Cộng Sản Việt Nam chịu làm chư hầu của họ, Liên Xô không phải hoàn toàn ủng hộ chúng vì chánh sách của chúng ở Cam Bu Chia không phải hoàn toàn có lợi cho họ. Hiện nay, Liên Xô đang tìm cách giải quyết vấn đề Cam Bu Chia.

a. Trong vấn đề này, thượng sách đối với họ là giàn xếp cho ba phe Heng Samrin, Sihanouk và Son Sann thỏa thuận nhau lập một chánh phủ liên hiệp. Sau khi chánh phủ này thành hình, Cộng Sản Việt Nam sẽ rút quân khỏi Cam Bu Chia, nhưng sẽ được giữ lại một số binh sĩ làm thành phần của một Lực Lượng Quốc Tế Bảo Vệ Hòa Bình mà các thành

phần khác là Thái Lan và Indonesia hay Ấn Độ.

Trong thực tế, phe Heng Samrin và quân đội Cộng Sản Việt Nam sẽ kiểm soát các tỉnh Cam Bu Chia giáp giới Việt Nam, phe Son Sann và quân đội Thái Lan sẽ kiểm soát các tỉnh Cam Bu Chia ở giáp giới Thái Lan, phe Sihanouk và quân đội Indonesia hay Ấn Độ sẽ kiểm soát các tỉnh ở giữa hai vùng của Heng Samrin và Son Sann.

Như vậy, Cộng Sản Việt Nam vẫn còn giữ một phần thế lực ở Cam Bu Chia và kiểm soát vùng biên giới Việt Nam - Cam Bu Chia để giữ cho kháng chiến chống cộng Việt Nam không dùng được đất Cam Bu Chia để đánh phá chúng.

Phần Liên Xô thì vừa giữ được Việt Nam làm căn cứ, vừa gây được cảm tình với các nước Đông Nam Á Châu.

Trong khi đó, Hoa Kỳ và Trung Cộng hoàn toàn bị thiệt thòi.

b. Nếu không áp dụng được thượng sách, Liên Xô có thể lui về trung sách, chấp nhận Khmer Đỏ được tham dự một chánh phủ Liên Hiệp Cam Bu Chia và kiểm soát một phần lãnh thổ này với sự đóng quân của Trung Cộng hay một nước bạn của

Trung Cộng làm thành phần của Lục Lượng Quốc Tế Bảo Vệ Hòa Bình.

Với giải pháp này, Liên Xô phải chấp nhận cho Trung Cộng còn có mặt ở Đông Nam Á.

c. Nếu không thực hiện được thượng sách hay trung sách, Liên Xô bắt buộc phải tiếp tục yểm trợ Cộng Sản Việt Nam: đó là hạ sách của họ.

Chánh sách này có thể đem mối lợi về sau, khi Cộng Sản Việt Nam đã Việt hóa nước Cam Bu Chia, nhưng hiện nay, nó đòi hỏi Liên Xô phải tiếp tục xài phí nhiều cho Cộng Sản Việt Nam và gặp sự chống đối của cả Hoa Kỳ lẫn Trung Cộng và các nước Đông Nam Á Châu.

Mặt khác, nó còn gây sự lo ngại cho Liên Xô là khi Cộng Sản Việt Nam đã mạnh, Liên Xô sẽ khó có thể kèm chế chúng như hiện nay.

C. QUYỀN LỢI VÀ CHÁNH SÁCH CÁC NƯỚC MÀ CHÚNG TA PHẢI VẬN ĐỘNG.

Để giải phóng Việt Nam khỏi ách độc tài cộng sản, chúng ta cần phải vận động với các nước có quyền lợi liên hệ với chúng ta.

Trong các nước này, có những nước láng giềng là

Trung Cộng và các nước Đông Nam Á Châu. Vì vị thế địa lý, các nước này không thể không lưu ý đến vấn đề Việt Nam và trong việc tìm một giải pháp cho Việt Nam, ta không thể không kể đến họ được.

Ngoài ra, lại còn có các nước Tây Phương vì quyền lợi kinh tế hay chiến lược mà phải tham dự một giải pháp cho Việt Nam.

1. Trung Cộng là một cường quốc theo chế độ cộng sản ở sát nách Việt Nam. Trước đây, nhà cầm quyền nước ấy đã giúp cho Cộng Sản Việt Nam trong việc chống lại Pháp và Hoa Kỳ. Nhưng Cộng Sản Việt Nam hiện nay lại theo Liên Xô dùng Việt Nam làm một căn cứ bao vây nước họ nên rất căm hận và quyết tâm chống lại Cộng Sản Việt Nam.

a. Thượng sách đối với Trung Cộng là lật đổ chánh quyền Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô hiện tại để đưa một chánh quyền cộng sản thân Trung Cộng lên thay.

b. Nếu không làm được việc này thì Trung Cộng phải lui xuống trung sách là ủng hộ người Việt Nam không cộng sản lật đổ chánh quyền Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô và thiết lập ở Việt Nam một chánh quyền theo chế độ dân chủ tự do nhưng thân hữu với Trung Cộng và chấp nhận qui chế trung lập pháp lý quốc tế theo lối Thụy Sĩ, Thụy Điển hay Áo.

Với giải pháp này, Trung Cộng không còn có thể chi phối được Việt Nam, nhưng ít nhất cũng sống hòa hảo được với Việt Nam và không còn lo ngại về chỗ một cường quốc khác dùng Việt Nam làm một căn cứ để chống lại mình.

c. Hạ sách đối với Trung Cộng là bắt tay với Liên Xô để áp dụng giải pháp thành lập ở Cam Bu Chia một chính phủ liên hiệp gồm bốn phe Khmer Đỏ, Heng Samrin, Sihanouk và Son Sann.

Với giải pháp này, Trung Cộng vẫn còn thể đứng ở Cam Bu Chia và không mất mặt, nhưng Liên Xô vẫn còn có thể dùng Việt Nam làm một căn cứ để bao vây và uy hiếp Trung Cộng.

2. Chính sách của Cộng Sản Việt Nam đang theo đuổi là làm chủ hầu cho Liên Xô và để cho Liên Xô dùng căn cứ Cam Ranh rất bất lợi cho các nước Tây Phương, đặc biệt là Hoa Kỳ và Nhật Bản, vì nhờ Cam Ranh, Hải Quân Liên Xô hiện nay có thể làm áp lực mạnh mẽ đối với Đệ Thất Hạm Đội Mỹ và uy hiếp các con đường giao thương ở nam bộ Thái Bình Dương, một hải lộ thiết yếu cho nền kinh tế Nhật Bản.

a. Thượng sách đối với Hoa Kỳ và các nước Tây Phương khác (gồm Canada, các nước Tây Âu và Nhật Bản) là làm cho Cộng Sản Việt Nam chịu rời

bỏ Liên Xô mà vẫn chống lại Trung Cộng.

b. Nếu không được như vậy thì các nước Tây Phương phải lui xuống trung sách, giúp vào việc lật đổ chánh quyền Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô để xây dựng tại đó một chánh quyền theo chế độ dân chủ tự do.

c. Hạ sách đối với các nước Tây Phương là chỉ lo giải quyết vấn đề Cam Bu Chia bằng cách giúp vào việc ép Cộng Sản Việt Nam rút quân khỏi nước này mà vẫn còn làm chư hầu của Liên Xô, vì như vậy, Liên Xô vẫn còn dùng được Cam Ranh và tiếp tục duy trì một thế lực mạnh mẽ ở nam bộ Thái Bình Dương.

3. Các nước Đông Nam Á Châu là những quốc gia nhỏ yếu nên không thể chủ động trong việc hoạch định một chánh sách mà phải tùy theo chánh sách của các nước lớn để hoạch định chánh sách của mình.

Như vậy, đối với các nước ấy, nói đến các giải pháp có lợi nhiều hay ít cho họ thì đúng hơn là nói đến thượng sách, trung sách hay hạ sách.

a. Giải pháp có lợi nhất cho họ là giải pháp đưa đến một nước Việt Nam theo chế độ dân chủ tự do vì một nước Việt Nam như vậy sẽ không đánh họ

mà cũng không còn là một quốc gia có điều kiện để được cường quốc cộng sản nào giúp đỡ để đánh họ, và họ được hưởng một sự an ninh vững chắc lâu dài.

b. Một nước Việt Nam Cộng Sản có thể được Liên Xô hay Trung Cộng giúp đỡ để đánh họ nên rất nguy hại cho họ.

Xét chung từng nước thì Thái Lan - vì trực tiếp đối diện với Cộng Sản Việt Nam - và Tân Gia Ba - vì đa số nhơn dân vốn gốc Hoa - nên hai nước này rất dễ hợp tác với Trung Cộng hơn, và nghi kỵ Liên Xô nhiều hơn.

Trái lại, Mã Lai Á và Indonesia có một khối thiểu số người gốc Hoa đông đảo, mà trong quá khứ, những người cộng sản trong khối người gốc Hoa này đã nhờ sự giúp đỡ của Trung Cộng mà nổi lên để mưu đoạt chánh quyền, nên hai nước này nghi kỵ Trung Cộng nhiều hơn là lo ngại Liên Xô.

Dẫu vậy, nói một cách tổng quát thì đối với các nước Đông Nam Á Châu, một nước Việt Nam Cộng Sản thân Trung Cộng nguy hiểm hơn một nước Việt Nam Cộng Sản thân Liên Xô.

Khi nước Việt Nam Cộng Sản thân Liên Xô được Liên Xô giúp đỡ tấn công họ thì còn có Trung Cộng phụ lực với họ để chống đỡ một cách hữu hiệu, chớ

nước Việt Nam Cộng Sản thân Trung Cộng được Trung Cộng giúp để tấn công họ thì không nước nào chịu giúp họ chống đỡ cả.

Bởi đó, nếu các nước Tây Phương không tích cực tham dự vào vấn đề Đông Dương thì các nước Đông Nam Á Châu chỉ dám hợp tác với Trung Cộng để đòi hỏi Cộng Sản Việt Nam rút quân khỏi Cam Bu Chia chớ không đi đến mức hợp tác với Trung Cộng để lật đổ chánh quyền cộng sản thân Liên Xô và đưa một chánh quyền cộng sản thân Trung Cộng lên thay thế.

Mặt khác, các nước Đông Nam Á Châu không thể để tình thế hiện tại kéo dài vì điều này rất bất lợi cho họ. Bởi vậy, nếu vì thái độ tiêu cực của các nước Tây Phương mà họ không có hy vọng thấy Việt Nam trở thành một quốc gia theo chế độ dân chủ tự do thì họ phải tìm lối thoát bằng cách thỏa thuận với Liên Xô.

Giải pháp tốt nhất cho họ trong tình trạng này là giải pháp thành lập một chánh phủ liên hiệp ở Cam Bu Chia gồm bốn phe Heng Samrin, Khmer Đỏ, Sihanouk và Son Sann.

Nếu Trung Cộng nhứt quyết không nhân nhượng mà lại không đủ sức giúp họ nhiều hơn hiện nay, cuối cùng các nước Đông Nam Á Châu sẽ bắt buộc

chấp nhận một chính phủ liên hiệp ở Cam Bu Chia với ba phe Heng Samrin, Sihanouk và Son Sann.

Giải pháp này mặc dầu bị Trung Cộng chống báng nhưng ít nhất cũng có thể mang lại một hòa bình tạm thời cho họ.

Phần Thái Lan có thể tham dự một Lực Lượng Quốc Tế Bảo Vệ Hòa Bình ở Cam Bu Chia và có thể có những đơn vị quân sự chính thức ở Cam Bu Chia thành ra việc bảo vệ biên giới phía đông của họ được dễ dàng thuận lợi hơn.

Indonesia cũng có thể tham dự Lực Lượng Quốc Tế nói trên đây và nhờ đó mà tăng gia thế lực của mình.

D. CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ TRONG THỰC TẠI.

Dựa vào các nguyên tắc phải theo trong cuộc vận động quốc tế, và thể theo quyền lợi cùng chính sách của kẻ địch, cũng như của các quốc gia mà chúng ta cần phải vận động, chúng ta có thể thực hiện công cuộc vận động theo các chiều hướng sau đây.

1. Giải pháp mà chúng ta phải đưa ra là một nước Việt Nam thật sự độc lập, theo chế độ dân chủ tự do, nhưng thân hữu với Trung Quốc và chấp nhận

chế độ trung lập pháp lý quốc tế như Thụy Sĩ, Thụy Điển hay Áo.

Giải pháp này phù hợp với quyền lợi của dân tộc ta, lại phù hợp với trung sách của Trung Cộng và của các nước Tây Phương. Nó cũng phù hợp với quyền lợi cao nhất của các nước Đông Nam Á Châu.

Nếu nó được Trung Cộng, các nước Tây Phương và các nước Đông Nam Á Châu cùng chấp nhận thì chúng ta được nhiều quốc gia ủng hộ trong công cuộc tranh đấu.

Vì quốc gia nào cũng có phần lợi vừa phải, nên nếu có một quốc gia muốn lấn lên uy hiếp chúng ta theo một con đường có lợi nhiều hơn cho quốc gia ấy thì các quốc gia khác cũng sẽ giúp chúng ta cưỡng lại để đường lối chung vẫn được tôn trọng. Do đó, quyền lợi chánh đáng của dân tộc ta sẽ được bảo đảm.

2. Trở lực lớn nhất cho việc vận động quốc tế theo chiều hướng trên đây là Trung Cộng và Hoa Kỳ trước đây chưa chịu chấp nhận giải pháp mà chúng ta đưa ra vì họ còn tìm cách áp dụng thượng sách của họ.

a. Trung Cộng đã nuôi giấc mộng thấy Việt Nam nằm trong tay những người cộng sản thân

Trung Hoa.

Trung Quốc nắm sát nách Việt Nam mà lại lớn hơn Việt Nam nhiều. Các nhà lãnh đạo Trung Cộng nghĩ rằng với một áp lực thường trực, họ sẽ làm cho Cộng Sản Việt Nam kiệt quệ và cuối cùng phải sụp đổ hoặc phải chịu thua họ.

b. Hoa Kỳ thì rất có lợi khi Cộng Sản Việt Nam, Trung Cộng và Liên Xô xung đột nhau tại Cam Bu Chia và tổn hao tiền của, nghị lực tại đây. Tình thế càng kéo dài thì càng có hại cho các nước cộng sản trên đây và dĩ nhiên là cũng hữu ích cho Hoa Kỳ.

Cũng như Trung Cộng, Hoa Kỳ nghĩ rằng Cộng Sản Việt Nam sẽ bị kiệt quệ vì áp lực của Trung Cộng. Nhưng họ cho rằng khi kiệt quệ, Cộng Sản Việt Nam sẽ quay sang nhờ họ giúp để giải quyết vấn đề phát triển kinh tế. Như vậy, họ có thể làm cho Cộng Sản Việt Nam rời Liên Xô mà vẫn chống Trung Cộng.

3. Tuy nhiên, các diễn tiến quốc tế gần đây làm cho Trung Cộng và Liên Xô phải xét lại thái độ.

a. Với kế hoạch Việt hóa nước Cam Bu Chia của Cộng Sản Việt Nam, Trung Cộng bắt đầu nhận thấy rằng thời gian không còn lợi cho họ.

Chỉ vài năm nữa là Cam Bu Chia đã có một số người dân gốc Việt Nam đủ để thành lập một đạo quân và một tổ chức cảnh sát nhiều trăm ngàn người. Cộng Sản Việt Nam có thể dùng những người đó để kèm chế Cam Bu Chia và chánh thức rút quân Việt Nam về nước. Một số nước Tây Phương sẽ cho rằng Cộng Sản Việt Nam đã chấp nhận tuân theo quyết nghị của Liên Hiệp Quốc và sẽ viện trợ cho chúng về kinh tế.

Trong trường hợp đó, Trung Cộng sẽ không còn có thể làm áp lực với Cộng Sản Việt Nam được nữa. Như vậy, chẳng những không thể biến Việt Nam thành một nước cộng sản thân mình, Trung Cộng còn không thể đẩy Liên Xô ra khỏi Việt Nam và Đông Nam Á Châu.

Muốn giải quyết vấn đề Việt Nam theo một chiều hướng không bất lợi cho mình, Trung Cộng phải từ bỏ thượng sách của mình.

b. Phía Hoa Kỳ cũng bắt đầu thấy là tình thế không còn có lợi cho họ.

Từ mấy năm sau này, tổng số lượng hàng hóa mà người Mỹ bán sang Á Châu đã nhiều hơn tổng số lượng bán sang Âu Châu. Vậy, trung tâm quyền lợi kinh tế của Hoa Kỳ đã dời từ Âu Châu sang Á Châu và Hoa Kỳ phải tăng cường lực lượng quân sự ở Á

Châu để bảo vệ quyền lợi kinh tế đó.

Phía tây bộ Thái Bình Dương, hai căn cứ Hải Quân và Không Quân quan trọng nhất của lực lượng này là Subic Bay và Clark ở Phi Luật Tân. Nhưng việc sử dụng các căn cứ này không còn được bảo đảm vì hiện nay, có một phong trào du kích cộng sản nổi lên. Với một quân số vào khoảng 15.000 người, phong trào này ngày một thêm mạnh bạo. Nếu họ thành công trong việc chiếm đoạt chánh quyền, họ sẽ không cho Hoa Kỳ sử dụng các căn cứ nói trên đây nữa.

Chánh quyền Mỹ rất lo ngại nên phải tìm cách ứng phó. Họ đã yêu cầu Tổng Thống Marcos dân chủ hóa chế độ và hợp tác với các tổ chức đối lập quốc gia để đối phó với Cộng Sản, nhưng Tổng Thống Marcos không chấp nhận. Nếu Hoa Kỳ làm áp lực mạnh hơn với ông, ông có thể quay lại bài Mỹ. Trong khi đó, đối lập không cộng sản ở Phi Luật Tân lại trách Hoa Kỳ là ủng hộ chánh quyền độc tài của Phi Luật Tân đàn áp nhân dân.

Tình thế Phi Luật Tân hiện nay cũng gần giống tình thế Việt Nam Cộng Hòa, Iran và Nicaragua trong những năm chót của các chánh quyền Ngô Đình Diệm, Pahlavi và Somoza.

Người Mỹ hiện nay một mặt phải bỏ ra thêm một

tỷ mỹ kim để phòng thủ các căn cứ ở Phi Luật Tân cho phe chống đối cộng sản võ trang không pháo kích hay bắn hỏa tiễn vào các căn cứ này được, một mặt phải chuẩn bị căn cứ khác để thay các căn cứ này. Họ đã chọn các đảo ở quần đảo Mariana làm địa điểm của các căn cứ mới. Vì ở đảo Guam, họ gặp sự chống đối của dân chúng nên có thể họ sẽ xây căn cứ mới ở đảo Saipan và đảo Tinian. Việc xây căn cứ mới làm Hoa Kỳ tốn nhiều tỷ mỹ kim. Đã vậy, các căn cứ mới này cách xa bờ biển Á Châu hơn là các căn cứ ở Phi Luật Tân nên hiệu lực nó sẽ giảm bớt so với các căn cứ ở Phi Luật Tân.

Trong khi thế lực quân sự của Hoa Kỳ ở Á Châu có thể bị giảm bớt thì thế lực của Liên Xô ở Thái Bình Dương lại có xu hướng tăng gia.

Trước hết là nhờ Cộng Sản Việt Nam cho Liên Xô sử dụng hải cảng Cam Ranh. Hiện nay, số chiến hạm ghé vào Cam Ranh mỗi tháng trên 30 chiếc và lúc nào cũng có 8 chiến hạm thường trực tại đó. Tại phi trường tiếp cận hải cảng này, Liên Xô đã đặt một phi đoàn khu trục MIG 23, 8 phi cơ trinh thám TU 95 và 16 oanh tạc cơ TU 16, trong số này có 10 chiếc chở hỏa tiễn tuần la; các oanh tạc cơ này có thể dội bom bất cứ nước nào ở Đông Nam Á Châu và cả đến quần đảo Mariana là nơi Hoa Kỳ dự liệu đặt căn cứ mới.

Mặt khác, Liên Xô đang thương thuyết với chính quyền quần đảo Kiribati (trước đây mang tên là Gilbert) để được quyền đánh cá tại vùng biển này. Nếu được quyền đánh cá như vậy, Liên Xô có thể trang bị các ngư thuyền của mình với những dụng cụ trình thám tối tân và theo dõi được mọi hoạt động của Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương.

Sau hết, Liên Xô đang siết chặt bang giao với Bắc Hàn. Hiện nay, Bắc Hàn thấy Nam Hàn tiến mạnh hơn mình về cả hai mặt kinh tế và ngoại giao nên ganh tỵ và muốn phá rối. Vì cần phải hòa giải với Hoa Kỳ, Trung Cộng không chịu giúp Bắc Hàn chống lại Nam Hàn và Bắc Hàn đã thiên về phía Liên Xô. Liên Xô đã bán cho Bắc Hàn từ 40 đến 50 khu trục cơ MIG 23 và đang vận động để được quyền sử dụng một hải cảng ở bờ biển phía tây Bắc Hàn.

Hạm Đội Bắc Thái Bình Dương của Liên Xô hiện đặt căn cứ tại Hải Sâm Uy (Vladivostok), ở bờ biển Nhật Bản, là một biển bị các quần đảo đóng kín và chỉ thông ra Thái Bình Dương được qua eo biển Đối Mã (Tushima). Vậy, Hoa Kỳ chỉ cần phong tỏa eo biển này là có thể cầm chẹn Hạm Đội Bắc Thái Bình Dương của Liên Xô trong biển Nhật Bản được. Nếu Hạm Đội này đặt căn cứ ở một hải cảng thuộc bờ biển phía tây Bắc Hàn thì Hoa Kỳ không còn ngăn chặn nó được nữa.

Sự tăng cường thế lực của Liên Xô ở Thái Bình Dương trong khi chính Hoa Kỳ đang mất thế làm cho người Mỹ lo ngại. Do đó, họ bắt buộc phải có một chính sách tích cực hơn ở Á Châu. Điều cần thiết cho họ là đẩy Liên Xô khỏi Cam Ranh. Nếu không còn sử dụng Cam Ranh được thì đầu cho có được quyền đánh cá ở Kiribati và được sử dụng một hải cảng ở bờ biển tây Bắc Hàn, Liên Xô cũng không có thể mạnh ở Thái Bình Dương vì không hoạt động ở nam bộ biển này được.

Vậy, cả Trung Cộng lẫn Hoa Kỳ đều ở trong tình thế phải có một quyết định nhanh chóng về Việt Nam.

4. Khi ý thức là mình không thể biến Việt Nam thành một nước cộng sản thân mình, Trung Cộng phải nghĩ đến trung sách của mình là hợp tác với Hoa Kỳ để loại bỏ Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô và chấp nhận cho Việt Nam theo chế độ dân chủ tự do miễn là có thái độ thân hữu với họ.

Nhưng phía Hoa Kỳ khi muốn cho Liên Xô rời bỏ Cam Ranh lại vẫn còn hy vọng bắt tay được với Cộng Sản Việt Nam để làm việc đó. Họ chỉ dứt khoát theo chủ trương hợp tác với Trung Cộng để lật đổ chính quyền cộng sản thân Liên Xô khi đã thấy rõ là Cộng Sản Việt Nam bị Liên Xô kèm giữ chặt chẽ nên không thể thỏa mãn họ được.

Mặt khác, Hoa Kỳ cũng ngần ngại vì vấn đề Việt Nam có liên hệ mật thiết với vấn đề Cam Bu Chia và khi hợp tác với Trung Cộng về vấn đề Đông Dương nói chung, Hoa Kỳ lại phải nhìn nhận phe Khmer Đỏ mà Hoa Kỳ tố cáo là phạm tội diệt chủng.

Vì Hoa Kỳ chần chừ nên Trung Cộng đã có thái độ tức bực và đã tìm cách thúc giục họ. Mấy tháng trước đây, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) khi tiếp kiến một phái đoàn Ý đã bảo rằng nếu Liên Xô chịu làm áp lực đòi hỏi Cộng Sản Việt Nam rút quân khỏi Cam Bu Chia thì Trung Cộng sẽ không chống lại việc Liên Xô sử dụng Cam Ranh. Đó là một lối nhấn gỏi với Hoa Kỳ là nếu Hoa Kỳ không thỏa thuận với Trung Cộng để áp dụng trung sách của hai bên thì Trung Cộng sẽ bắt buộc phải áp dụng hạ sách của mình là bắt tay với Liên Xô tại Đông Nam Á Châu.

Hoa Kỳ nhận thấy là khó lời Cộng Sản Việt Nam khỏi tay Liên Xô, và không thể để cho Trung Cộng bắt tay lại với Liên Xô. Do đó, họ đã có thái độ tích cực hơn trong việc đối phó với Cộng Sản Việt Nam. Họ đã chấp nhận viện trợ 10 triệu mỹ kim cho các lực lượng Khmer chống lại Cộng Sản Việt Nam, nhưng nói rõ là không giúp Khmer Đỏ và không công nhận chính phủ liên hiệp ba phe của Cam Bu Chia trong đó có Khmer Đỏ. Đây là một cách nhấn mạnh cho Trung Cộng thấy rằng Hoa Kỳ khó có thể

hợp tác với Trung Cộng khi Khmer Đỏ còn là một lực lượng chính trị cốt yếu trong giải pháp Trung Cộng ở Cam Bu Chia.

Sau đó, có tin cho biết là Ông Pol Pot, lãnh tụ Khmer Đỏ đã từ chức. Nhưng cùng với việc loan báo tin này, đài phát thanh Khmer Đỏ đã cho biết rằng Khmer Đỏ có thể chấp nhận sự có mặt của phe Heng Samrin trong một giải pháp có thể mang hòa bình đến cho Cam Bu Chia. Đây là một thông điệp của Trung Cộng cho Hoa Kỳ thấy rằng họ sẵn sàng đưa Ông Pol Pot ra hậu trường nhưng Hoa Kỳ phải chấp nhận Khmer Đỏ là một tổ chức đang có. Trong trường hợp Hoa Kỳ không chịu như vậy, Trung Cộng sẽ hợp tác với Liên Xô để giải quyết vấn đề Cam Bu Chia.

Những điều này cho thấy rằng hiện nay, Hoa Kỳ và Trung Cộng đang mặc cả nhau một cách ráo riết về vấn đề Đông Dương và đặc biệt là vấn đề Việt Nam.

5. Nói chung thì về nhiều việc, Trung Cộng và Hoa Kỳ khó có thể hợp tác chặt chẽ với nhau, bởi lẽ quyền lợi hai bên không hoàn toàn phù hợp với nhau.

a. Hoa Kỳ không thể bỏ rơi ngay Đài Loan để thỏa mãn Trung Cộng. Việc họ để cho Đài Loan

sáp nhập vào lãnh thổ Trung Cộng còn tùy thuộc hai việc, một là Ông Tưởng Kinh Quốc (Chiang Chingkuo) rút khỏi chánh trường, hai là qui chế mà Trung Cộng dành cho Hongkong được áp dụng đúng đắn và chúng tỏ rằng dân chúng các đất mới sáp nhập vào lãnh thổ Trung Cộng được thật sự hưởng các nhơn quyền căn bản.

b. Trung Cộng không chịu mua nhiều vũ khí của Hoa Kỳ vì sợ phải tùy thuộc sự tiếp liệu của Hoa Kỳ về sau và mất sự độc lập của mình. Họ chỉ muốn mua các vũ khí mẫu của Hoa Kỳ và cách chế tạo để tự sản xuất lấy các vũ khí này, nhưng như vậy thì Hoa Kỳ không có lợi nhiều về mặt tài chánh.

c. Hoa Kỳ không dám bán hết các loại dụng cụ kỹ thuật cao cho Trung Cộng như Trung Cộng mong muốn vì sợ Trung Cộng sẽ có khả năng làm được các hỏa tiễn nguyên tử vừa mạnh vừa chính xác có thể đạt các mục tiêu trên lãnh thổ Hoa Kỳ.

d. Về mặt kinh tế, việc Hoa Kỳ bán hàng hóa cho Trung Cộng bị hạn chế không phải vì Trung Cộng không muốn nợ Hoa Kỳ quá nhiều mà lại vì chỗ dân Mỹ ít xài hàng hóa Trung Cộng nên Trung Cộng không thể bán nhiều hàng hóa cho Hoa Kỳ thành ra không thể có tiền để mua hàng hóa Mỹ.

Riêng về vấn đề Đông Dương, Hoa Kỳ và Trung Cộng nếu có hợp tác với nhau để áp dụng trung sách của hai bên thì cả hai chỉ có lợi mà thôi.

Mặt khác, cuộc đảo chánh hụt ở Thái Lan trong tháng 9 năm 1985 cũng rất thuận tiện cho giải pháp trên đây. Tướng Kriangsak lúc còn làm Thủ Tướng đã có chính sách chống lại Cộng Sản Việt Nam rất mạnh. Nhưng sau khi rời ghế Thủ Tướng, ông lại quay sang lập trường dựa vào Liên Xô và thương thuyết với Cộng Sản Việt Nam để giải quyết vấn đề Cam Bu Chia. Sau cuộc đảo chánh hụt, ông đã bị bắt và bị truy tố cùng với một số tướng lãnh và chánh khách phần lớn có xu hướng đi với Liên Xô như ông. Vậy, cuộc đảo chánh hụt đã làm cho phe muốn theo giải pháp Liên Xô ở Thái Lan bị mất thế, trong khi phe chống lại Cộng Sản Việt Nam được tăng cường thế lực.

Nếu Hoa Kỳ và Trung Cộng thỏa thuận nhau được về một giải pháp chung cho Đông Dương theo trung sách của hai bên thì Thái Lan (cũng như các nước Đông Nam Á Châu khác) sẽ chấp nhận nó một cách dễ dàng.

Nói tóm lại, tình thế quốc tế gần đây có những yếu tố rất thuận tiện cho việc vận động quốc tế của người Việt Nam muốn giải phóng đất nước khỏi ách độc tài cộng sản. Nếu biết cách làm việc và chịu làm

việc, chúng ta có thể thành công trong việc vận động này và mang về cho các anh chị em đang tranh đấu trong nước những giúp đỡ cần thiết.

Áp dụng đúng các nguyên tắc đã nêu ra trên đây, chúng ta có thể vừa làm lợi cho dân tộc Việt Nam, vừa mang những mối lợi chánh đáng đến cho nhiều quốc gia khác, và người Việt Nam tranh đấu để giải phóng dân tộc khỏi ách độc tài cộng sản sẽ hợp tác với các nước đó trên lập trường bình đẳng và độc lập.

Như vậy, đây không phải là một cuộc cầu viện nhục nhã mà là một hoạt động cần thiết giúp vào việc mưu cầu thắng lợi cho người Việt Nam kháng chiến chống cộng mà vẫn bảo toàn danh dự và quyền lợi của dân tộc Việt Nam.

Cộng Sản Việt Nam và nền an ninh ở Đông Nam Á châu

(Tóm lược bài thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy trong cuộc Hội Thảo Bàn Tròn ở Bangkok, từ ngày 6 đến 8 tháng 7 năm 1986, về đề tài LIÊN MINH LIÊN SỔ - CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ NỀN AN NINH CỦA ĐÔNG NAM Á CHÂU, đặt dưới sự chủ tọa của Ông Đại Sứ William R. Kintner, nguyên Đại Sứ của Hoa Kỳ tại Thái Lan, giáo sư danh dự của Viện Đại Học Pennsylvania, với sự tham dự của 8 phái đoàn thuộc các quốc gia sau đây:

1. Phái đoàn Hoa Kỳ, ngoài Ông Đại Sứ Kintner là Trưởng Phái Đoàn còn có:

- Tiến sĩ Joseph Churba, Chủ Tịch Hội Đồng An Ninh Quốc Tế là hội đoàn đứng ra tổ chức cuộc hội thảo.

- Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Huy, Trường Đại Học Harvard.

- Tiến Sĩ Martin Sicker, Đệ Nhứt Phó Chủ Tịch của Hội Đồng An Ninh Quốc Tế.

- Tiến Sĩ Stephen B. Young, Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa Hamline ở Minnesota, nguyên Phụ Tá Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa Harvard.

2. Phái Đoàn Nhật Bản:

- Trung Tướng Hisatomo Matsukane, Giám Đốc Trung Tâm Nghiên Cứu Chiến Lược của Nhật Bản.

- Ông Shinsaku Hogen, Tổng Thư Ký Viện Nghiên Cứu Chánh Sách Quốc Gia.

3. Phái đoàn Đại Hàn:

- Tiến Sĩ Ki Tak Lee, Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Chiến Lược.

4. Phái đoàn Thái Lan:

- Đại Sứ Chawat Arthayukti thuộc Bộ Ngoại Giao Thái Lan.

- Tướng Saiyud Kerdphol, nguyên Tổng Tư Lệnh Lực Lượng Quân Sự Thái Lan.

- Ông William Klausner, Cố Vấn, thuộc Ford Foundation và Rockefeller Foundation.

- Nữ Tiến Sĩ Kusuma Snitwongse, Giám Đốc Viện Nghiên Cứu về An Ninh và Quốc Tế thuộc Viện Đại Học Chulalongkorn.

5. Phái đoàn Mã Lai Á:

- Tiến Sĩ Zakaria Haji Ahmad, Giám Đốc Chương Trình Nghiên Cứu Chiến Lược thuộc Viện Đại Học Kabangsaan.

6. Phái đoàn Phi Luật Tân:

- Chuẩn Tướng (hồi hưu) của Quân Đội Phi Luật Tân Luis G. Villa-Real.

7. Phái đoàn Singapore:

- Tiến Sĩ Bilveer Singh thuộc Phân Khoa Chánh Trị Học Viện Đại Học Quốc Lập Singapore.

- Tiến Sĩ Lau Teik Soon, Chủ Tịch Viện Nghiên Cứu Quốc Tế của Singapore.

8. Phái đoàn Lào: gồm 3 vị đều thuộc Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Lào Quốc:

- Ông Tianethone Chantharasy, nguyên Đại Sứ Lào ở Ấn Độ.

- Ông Khamphan Panya, nguyên Bộ Trưởng Ngoại Giao, nguyên Đại Sứ Lào ở Hoa Kỳ.

- Tiến Sĩ Vang Shur là cháu Tướng Vang Pao.

Trong cuộc Hội Thảo này Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy nhận thuyết trình về ba điểm: bản chất bọn Cộng Sản Việt Nam; lý do chúng chống lại Trung Cộng mà theo Liên Xô; và dự liệu về nền an ninh của Đông Nam Á Châu trong tương lai).

Sau đây là tóm lược bài thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy.

I. Bản chất bọn Cộng Sản Việt Nam.

Nói về bản chất bọn Cộng Sản Việt Nam Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy nhận định rằng Cộng Sản ở mỗi nước trên thế giới đều được huấn luyện theo chủ nghĩa Lenin nên rất cuồng tin.

Riêng người Việt Nam từ đời nhà Lê (1428-1788) đã được nhào nặn theo tinh thần giáo điều nên Cộng Sản Việt Nam cuồng tin hơn Cộng Sản các nước khác.

Tuy nhiên, chủ nghĩa Lenin cũng dạy môn đồ nó chấp nhận làm mọi việc để đạt cho được mục đích mong muốn cho dầu việc làm đó bị người thường cho là sai quấy, xấu xa. Bởi vậy, trái với các nhà Nho Việt Nam xưa kia cuồng tin theo Nho Giáo lúc nào cũng cư xử theo lý tưởng do Nho Giáo nêu ra, bọn Cộng Sản Việt Nam có thể tỏ ra bề ngoài rất uyển chuyển và đôi khi công khai đi trái lại những điều

chúng chủ trương, miễn là đạt được mục đích tối hậu, nên chúng đã gạt gẫm được nhiều người Việt Nam và ngoại quốc để nắm phần chiến thắng trong cuộc tranh đấu của chúng. Như Hồ Chí Minh là người suốt đời phục vụ cho Cộng Sản Quốc Tế, nhưng đến nay một số học giả Tây Phương mặc dầu công nhận rằng ông ta đã theo Cộng Sản Quốc Tế từ thập niên 1920, lại vẫn bảo rằng ông ta là một người yêu nước lo phục vụ dân tộc Việt Nam trước hết.

Chính nhờ vậy mà Cộng Sản Việt Nam đã nhiều năm liên tiếp đánh lừa được nhiều người Việt Nam và ngoại quốc, giúp chúng thành công trong việc áp đặt chủ nghĩa cộng sản và một bạo quyền cai trị trên một nửa nước Việt Nam từ vĩ tuyến thứ 17 tới biên giới Việt Hoa, và tiến hành thành công cuộc xâm chiếm Miền Nam Việt Nam bằng bạo lực và lừa đảo năm 1975, để áp đặt lên cả nước Việt Nam một nền chuyên chính vô sản khắc nghiệt như thế giới.

II. Lý do khiến Cộng Sản Việt Nam chống lại Trung Cộng và thân Liên Xô.

Chánh sách của Cộng Sản Việt Nam đối với Trung Cộng và Liên Xô phát xuất từ bản chất cuồng tín của chúng.

Từ năm 1949 đến giữa thập niên 1960, Trung

Cộng đã giúp cho Cộng Sản Việt Nam rất nhiều, trong khi Liên Xô chẳng những không giúp chúng bao nhiêu mà có khi còn ngăn trở chúng. Như khi chúng quyết định tổ chức xâm chiếm Miền Nam Việt Nam sau Hiệp Định Geneva 1954, chúng đã được Trung Cộng nhận yểm trợ tức khắc. Trong khi đó, Liên Xô vì muốn dọn đường cho hai nước Đức gia nhập Liên Hiệp Quốc nên đã đề nghị mời cả hai miền Nam Bắc Việt Nam vào cơ quan quốc tế này. Ấy thế nhưng khi Trung Cộng và Liên Xô chống chọi nhau, chúng vẫn khăng khăng không đứng về phía Trung Cộng để chọi lại Liên Xô. Đó là vì chúng luôn luôn xem Liên Xô là nước khởi đầu và dẫn đạo cuộc cách mạng vô sản thế giới.

Từ giữa thập niên 1960, chúng đã xa lìa Trung Cộng vì hai lý do:

1. Trong cuộc Cách Mạng Văn Hóa, Ông Mao Trạch Đông đã dùng Vệ Binh Đỏ, là người ngoài đảng, để triệt hạ cán bộ và đảng viên Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Cộng Sản Việt Nam xem đây là một vi phạm trầm trọng đối với chủ nghĩa Lenin nên không còn xem trọng Ông Mao Trạch Đông và Trung Cộng nữa.

2. Trong khi Hoa Kỳ oanh tạc Bắc Việt, Trung Cộng không thể cung cấp cho Cộng Sản Việt Nam các vũ khí tối tân để chống đỡ nên Cộng Sản Việt

Nam phải xin vô khí của Liên Xô. Trung Cộng sợ Liên Xô gia tăng thế lực ở Việt Nam nên một mặt gây ngăn trở trong việc chuyên chở các vô khí Liên Xô gởi cho Cộng Sản Việt Nam đi ngang qua lãnh thổ Trung Quốc, một mặt cho hàng trăm ngàn quân hậu cần vào Việt Nam với lý do giúp Cộng Sản Việt Nam nhưng thật sự là để kèm chế chúng.

Dầu vậy, Cộng Sản Việt Nam vẫn còn xem Trung Cộng là nước đàn anh vì Trung Cộng cờn chống lại Hoa Kỳ một cách mãnh liệt.

Đến năm 1972, khi Trung Cộng ký với Tổng Thống Nixon Bản Thông Cáo Thượng Hải, theo đó Trung Cộng xem Liên Xô là kẻ thù số 1, còn Hoa Kỳ thì tuy chưa là đồng minh, nhưng ít nhứt cũng sẽ có thể trở thành bạn. Cộng Sản Việt Nam cho rằng với chánh sách mới này, Trung Cộng phản bội Cộng Sản Quốc Tế nên đứng hẳn về phía Liên Xô để chống lại Trung Cộng.

Chúng càng căm hận Trung Cộng vì với chánh sách mới này, Trung Cộng đã chấp nhận sự hiện diện của hai nước Việt Nam và không còn chịu giúp chúng chinh phục Miền Nam Việt Nam như trước.

Nhưng vì còn phải nhờ cậy Trung Cộng, chúng không dám biểu lộ công khai sự chống đối Trung Cộng.

Sau khi chiếm được Miền Nam Việt Nam năm 1975, với sự giúp đỡ của Liên Xô, Cộng Sản Việt Nam đã có một chính sách hiềm khích đối với Trung Cộng.

Cuộc xung đột giữa chúng với Khmer Đỏ - tổ chức được Trung Cộng giúp đỡ - làm cho hai bên Cộng Sản Việt Nam và Trung Cộng công khai trở thành thù địch nhau từ năm 1977.

Sau việc Trung Cộng mở cuộc tấn công vào biên giới Bắc Việt năm 1979, Cộng Sản Việt Nam cần dùng sự viện trợ của Liên Xô đến một mức làm cho chúng phải chấp nhận các điều kiện mà Liên Xô đặt ra như quyền Liên Xô được sử dụng nhiều căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam, mà quan trọng nhất là hải cảng Cam Ranh.

Xét sự giao thiệp giữa Cộng Sản Việt Nam với Liên Xô và Trung Cộng, ta có thể bảo rằng chúng đã đặt việc phục vụ Cộng Sản Quốc Tế lên trên quyền lợi của dân tộc Việt Nam. Mục đích của chúng là Cộng Sản hóa cả vùng Đông Nam Á Châu và việc áp dụng chế độ Cộng Sản ở ba nước Đông Dương chỉ là một bước đầu. Trong khi đó, Cộng Sản Việt Nam đã bám sát Liên Xô là nước mà chúng xem như là nước lãnh đạo cả khối Cộng Sản Quốc Tế.

III. Nền an ninh của Đông Nam Á Châu trong tương lai.

Vì bản chất cuồng tín của Cộng Sản Việt Nam và tình thế chung, hiện nay, Cộng Sản Việt Nam đã bị dồn vào tình thế khó khăn ít có ngõ ra.

Chúng không thể hòa lại với Trung Cộng vì muốn hòa được với Trung Cộng chúng phải đưa các lãnh tụ và cán bộ thân Trung Cộng trở lại địa vị chỉ huy, những người mà chúng đã loại trừ khỏi Đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1972 trở đi. Nhưng bọn lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện tại không dám làm như vậy vì đám thân Trung Cộng có thể nhờ sự giúp đỡ của Trung Cộng mà cướp chánh quyền trong tay chúng trong tương lai.

Chúng không thể tách rời khỏi Liên Xô được vì mặc dầu hiện nay chúng rất căm hận Liên Xô. Đó là vì chúng đã bị Liên Xô kèm chế chặt chẽ.

Cộng Sản Việt Nam hiện nay phân ra làm nhiều phe phái chống chọi nhau và Liên Xô yểm trợ hết các phe phái đó để dùng phe phái này chọi lại phe phái khác và duy trì thế lực của họ. Trong khi đó, hiện tại, chúng không có một lãnh tụ được mọi cán bộ và đảng viên từng phục như Hồ Chí Minh trước đây, nên chúng không thể nào thống nhất được hàng ngũ và có đủ sức để thoát khỏi sự kèm chế của Liên Xô.

Hiện nay, có những tin đồn về những thay đổi có thể có trong hàng ngũ bọn lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam. Nhưng với cái thế các phe phái gài nhau và kèm chế nhau, chưa chắc là sự thay đổi có thể xảy ra.

Mặt khác, sự thay đổi nếu có, cũng sẽ giống như ở Liên Xô và Trung Cộng, nghĩa là hạn chế ở một số điều chỉnh trong chánh sách kinh tế chứ không đưa đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế Cộng Sản.

Về chánh sách đối ngoại thì sẽ không có thay đổi gì cả vì các phe phái khác nhau - phe chủ trương cải cách kinh tế cũng như phe Cộng Sản chánh thống - đều có lập trường như nhau, nghĩa là đều trung thành với chủ nghĩa Marx-Lenin cũng như với sự liên minh với Liên Xô.

Bởi đó, lối thoát duy nhất của Cộng Sản Việt Nam là Việt hóa nước Cam Bu Chia.

Cho tới nay, chúng đã cho ít nhất là 700.000 người Việt Nam lên định cư ở Cam Bu Chia rồi và còn tiếp tục làm công việc này. Những người định cư như vậy sẽ mang tên Khmer, nói tiếng Khmer, nhập quốc tịch Cam Bu Chia. Cộng Sản Việt Nam sẽ tuyển mộ họ làm binh sĩ phục vụ trong quân đội Cam Bu Chia và làm cảnh sát viên làm việc chánh thức cho nước Cam Bu Chia nhưng vẫn tuân lệnh chúng. Khi đã đủ binh sĩ và cảnh sát viên loại này để kiểm soát nước

Cam Bu Chia rồi, chúng sẽ chánh thức rút quân khỏi Cam Bu Chia.

Chúng đã nhiều lần tuyên bố là dầu có sự thỏa thuận được với các nước Đông Nam Á hay không, chúng cũng sẽ rút quân vào năm 1990. Đó là vì vào năm ấy, kế hoạch Việt hóa Cam Bu Chia của chúng bắt đầu có hiệu quả.

Khi chánh thức rút quân khỏi Cam Bu Chia, Cộng Sản Việt Nam sẽ hết hay ít nhứt cũng bớt bị cô lập về mặt quốc tế và có thể nhận được sự viện trợ tài chánh và kinh tế của một số quốc gia. Điều này sẽ giúp chúng củng cố lại vị thế của chúng.

Sau đó, chúng sẽ giúp Cộng Sản các nước Đông Nam Á Châu nổi lên đánh phá để cướp chánh quyền các nước này.

Liên Xô có thể giúp Cộng Sản Việt Nam Việt hóa nước Cam Bu Chia vì kế hoạch này có lợi cho họ trong trường kỳ. Nhưng có thể vì nhiều lý do khác, họ có một chánh sách khác với Cộng Sản Việt Nam.

Họ có thể ép Cộng Sản Việt Nam thỏa thuận với các nước Đông Nam Á Châu theo giải pháp như sau: Cam Bu Chia thành lập một chánh phủ liên hiệp ba thành phần với các phe Heng Samrin, Sihanouk và Son Sann. Cộng Sản Việt Nam rút quân chiếm đóng

nhưng có thể tham dự một Lực Lượng Quân Sự Quốc Tế Bảo Vệ Hòa Bình, trong đó các thành phần khác có thể là Thái Lan và Indonesia.

Như vậy, Cộng Sản Việt Nam chỉ còn kiểm soát được một phần nước Cam Bu Chia, nhưng Liên Xô sẽ đóng được vai tòng bảo đảm cho sự thi hành giải pháp này và nhờ đó mà gây thêm ảnh hưởng ở Đông Nam Á Châu.

Liên Xô bản ý không muốn cho Trung Cộng tham dự một giải pháp cho Cam Bu Chia. Nhưng nếu không thực hiện được ý đồ, họ có thể chấp nhận sự hiện diện của Trung Cộng bằng cách cho Khmer Đỏ tham dự Chánh Phủ Liên Hiệp Cam Bu Chia.

Dẫu Trung Cộng có tham dự giải pháp về Cam Bu Chia hay không, thì Đông Nam Á Châu cũng tạm thời được yên. Nhưng các nước Đông Nam Á Châu chỉ được an ninh khi có nền kinh tế phồn thịnh và được các nước Tây Phương nhứt là Hoa Kỳ tận lực giúp đỡ.

Nếu gặp khó khăn kinh tế trong khi các nước Tây Phương không giúp đỡ họ được một cách hữu hiệu, họ sẽ là nạn nhân của những hoạt động phiến loạn do Cộng Sản địa phương gây ra với sự yểm trợ của Hà Nội và Moscow.

Trung Cộng có thể chọi lại Liên Xô trong việc này. Nhưng cũng có thể là sau khi đã tương nhượng nhau được để chia ảnh hưởng ở Cam Bu Chia, họ sẽ đi đến việc tương nhượng nhau để chia ảnh hưởng ở cả vùng Đông Nam Á Châu, như là nếu Trung Cộng thất vọng trước thái độ Hoa Kỳ cứ không chịu có một chính sách cứng rắn hơn để đối phó với Liên Xô và để ủng hộ các nước Đông Nam Á Châu.

Khi Liên Xô và Trung Cộng đã thỏa thuận được với nhau thì đầu không hài lòng, Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ bắt buộc phải theo gót đàn anh và sẽ bị dùng làm mũi dùi cho Cộng Sản Quốc Tế trong việc chinh phục Đông Nam Á Châu.

Một sự thỏa hiệp trở lại giữa Liên Xô, Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam có thể sẽ đạt được trong tương lai khi các nước này được đặt dưới sự lãnh đạo của các thế hệ lãnh tụ mới.

Vậy, vì bản chất của Cộng Sản nói chung và của Cộng Sản Việt Nam nói riêng, nên ngày nào Cộng Sản còn làm chủ Việt Nam thì ngày đó Đông Nam Á Châu không thể hưởng một nền an ninh vững chắc lâu dài. Các dân tộc Đông Nam Á Châu chỉ có thể sống thực sự yên ổn khi Việt Nam được trở thành một nước không Cộng Sản.

Kết quả này chỉ có thể đạt được khi một số nước

liên hệ đến vấn đề chịu thay đổi chính sách:

1. Trung Cộng phải từ bỏ giấc mộng đem người Cộng Sản Việt Nam thân Trung Cộng lên thay bọn Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô.

2. Người Tây Phương (kể cả Nhật Bản) phải có một thái độ tích cực hơn đối với Trung Cộng và dung nạp sự tồn tại của Khmer Đỏ là bạn đồng minh của Trung Cộng để có thể thỏa thuận được với Trung Cộng về việc giúp đỡ các chiến sĩ tự do ở Lào, Cam Bu Chia và Việt Nam. Một số chính khách Tây Phương đã chấp nhận ý này. Họ đã thành lập một Ủy Ban Quốc Tế, một Ủy Ban Anh và một Ủy Ban Pháp Yểm Trợ Việt Nam Tự Do.

Ngoài các phe kháng chiến Khmer đã được các nước Tây Phương và các nước Đông Nam Á Châu công nhận, hiện nay có nhiều nhóm kháng chiến hoạt động ở Lào và Việt Nam. Nếu được giúp đỡ đúng mức, các chiến sĩ tự do sẽ có thể loại được bọn Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô và đóng góp vào việc xây dựng một nền an ninh vĩnh cửu cho Đông Nam Á Châu.

Bản Thông Cáo

(của Hội Nghị Bàn Tròn Bangkok từ 6 đến 8 tháng 7 năm 1986 về đề tài Liên Minh Liên Xô - Cộng Sản Việt Nam và nền an ninh của Đông Nam Á Châu)

Việc thiết lập các chế độ Cộng Sản ở Miền Nam Việt Nam, Lào, Cam Bu Chia trong năm 1975 đã không đem lại hòa bình cho Đông Dương mà cũng không mang ổn định đến cho Đông Nam Á Châu. Sức mạnh của Liên Xô được phô diễn trực tiếp qua sự hiện diện của chiến hạm và phi cơ quân sự tại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và gián tiếp qua sự viện trợ quân sự, kinh tế và chánh trị cho Hà Nội chiếm đóng nước Cam Bu Chia đã làm cho sự cạnh tranh nhau giữa các đại cường ở Đông Nam Á Châu bước vào một giai đoạn mới gay go hơn.

Việc Mỹ rút khỏi Đông Dương đã không được Liên Xô đáp ứng bằng một chánh sách tự chế. Năm 1978, chánh quyền Moscow đã chánh thức hóa sự liên minh chặt chẽ về kinh tế và chánh trị giữa họ với Hà Nội và những hiệp ước giúp cho Hà Nội những điều kiện để xâm chiếm nước Cam Bu Chia sau đó. Hiện nay, việc Hà Nội quyết tâm tiếp tục dùng quân đội chiếm đóng Cam Bu Chia và xây dựng bá quyền trên cả Đông Dương đã trở thành mối đe dọa lớn nhứt đối với nền hòa bình của Đông Nam Á Châu.

Liên minh Moscow / Hà Nội đã cho ta hiểu rõ hơn Liên Xô và nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Việc Liên Xô mang lực lượng đến Đông Dương, cùng với việc họ trực tiếp hay gián tiếp dùng áp lực quân sự một cách tương tự ở A Phú Hãn, Angola, Ethiopia, Cuba, Nicaragua đã làm bộc lộ bản chất của Liên Xô là nước cuối cùng trên thế giới theo chủ nghĩa đế quốc. Trong khi các nước Âu Châu từ lâu đã bỏ chủ trương thống trị các dân tộc thuộc Thế Giới Đệ Tam, Liên Xô hiện tại vẫn nuôi tham vọng bành trướng thế lực thêm mãi chẳng khác chi nước Nga thời đế quốc trước đây.

Sự hiện diện của các lực lượng quân sự Liên Xô ở Việt Nam, đặc biệt ở Cam Ranh và Đà Nẵng có mục đích phục vụ ý đồ của Moscow là trở thành cường quốc mạnh nhất thế giới. Nó cũng đồng thời giúp cho Moscow một căn cứ an toàn trên con đường hải đạo từ phần đất Âu Châu của nước Nga sang các tỉnh ở đông bộ Tây Bá Lợi Á. Các tàu nổi, tàu lặn và máy bay hoạt động đường xa đặt căn cứ ở Cam Ranh và Đà Nẵng có thể cắt đứt các đường hải đạo tối cần cho sự tồn tại kinh tế của Nhật Bản, Nam Hàn, Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc, Trung Hoa Dân Quốc ở Đài Loan và các nước trong tổ chức ASEAN (Tổ chức các nước Đông Nam Á Châu). Trong khi Liên Xô mưu toan dùng các khả năng có giới hạn của họ về chính trị và kinh tế để ảnh hưởng chính sách các nước khác, họ cũng có thể nghĩ đến việc dùng sức

mạnh quân sự để mở rộng thế lực một cách liều lĩnh. Lực lượng quân sự mạnh mẽ của Liên Xô hiện diện ở Đông Nam Á Châu lần đầu tiên trong lịch sử làm cho cả vùng này trở thành một mục tiêu cho tham vọng của Moscow.

Liên minh Hà Nội / Moscow làm cho sự hiện diện của lực lượng quân sự Liên Xô ở Việt Nam có tính cách chính đáng và cung cấp cho Liên Xô một vị thế quan trọng trong một vòng cung mất xích chiến lược chạy dài từ vùng Đông Bắc Á Châu, quanh Trung Quốc, xuyên qua Đông Nam Á Châu để cuối cùng vào Ấn Độ Dương và Hồng Hải. Đã vậy, Bắc Hàn lại còn thay đổi lập trường ngoại giao và xa lìa Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc để đi sát với Moscow hơn và thiết lập sự giao thiệp chặt chẽ hơn với Hà Nội. Việc Liên Xô yểm trợ Hà Nội phải được xét đoán trong khuôn khổ những hoạt động chung của họ trong đó có sự mưu toan chế ngự A Phú Hãn, duy trì một hạm đội ở Ấn Độ Dương, tìm thêm căn cứ hải quân hay nếu không được thì cũng tìm quyền đánh cá ở Nam Bộ Thái Bình Dương và xin quyền thiết lập căn cứ ở Bắc Hàn. Do đó, nền an ninh của Đông Nam Á Châu đã bị ảnh hưởng tai hại của kế hoạch Liên Xô để bành trướng thế lực trên thế giới và kế hoạch này cũng đã làm thay đổi cán cân lực lượng trong vùng này.

Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã liên minh với Liên Xô để thực hiện tham vọng làm

chủ phần đất trước đây là Đông Dương thuộc Pháp. Nếu theo một chính sách phục vụ quyền lợi dân tộc Việt Nam nói chung thì Hà Nội đã giữ sự hòa hợp với cả Moscow lẫn Bắc Kinh và tìm cách giao hảo với các nước láng giềng ở Đông Nam Á Châu. Thay vào đó, Hà Nội đã chọn lựa giải pháp liên minh với Moscow, xâm chiếm Cam Bu Chia và thù địch với Trung Quốc. Việc Hà Nội tham dự liên minh trên những điều kiện như thế cho thấy rõ rằng Hà Nội không phải chỉ là một quân cờ, mà còn là một bạn đồng minh tình nguyện có những lý do riêng để bám sát Moscow, sự bám sát này khiến họ phải trả một giá rất đắt vì nó tai hại cho nền an ninh của dân tộc Việt Nam. Cách thức liên minh giữa hai bên đưa chúng ta đến kết luận là Hà Nội không thể tách rời Liên Xô được. Cộng Sản Việt Nam đã tự do chọn lựa làm một bạn đồng minh đồng tịch đồng sàng của Moscow.

Liên minh Moscow / Hà Nội sẽ đưa đến những hậu quả xấu cho tương lai. Nó cho phép Hà Nội tiếp tục không ngừng việc biến Lào và Cam Bu Chia thành những nước chư hầu hay có thể thành những nước lệ thuộc nặng nề hơn vào chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Cộng Sản đã cho "cố vấn" thao túng chính phủ Vientiane và chế độ Phnom Penh theo y như kỹ thuật thực dân mà người Pháp đã dùng để thống trị Đông Dương; chúng đã đưa hàng khối người Việt Nam lên định cư ở các vùng phi nhiều của Lào và Cam Bu Chia, và không chấp nhận duy trì các nền

văn hóa và tôn giáo cổ truyền của hai dân tộc Lào và Khmer. Những việc đó đã thật sự đe dọa sự tồn tại văn hóa của hai dân tộc này đồng thời đã vi phạm luật quốc tế cũng như tinh thần hơn đạo.

Liên minh Liên Xô / Cộng Sản Việt Nam đã bộc lộ cho thế giới thấy một loại chủ nghĩa thực dân kiểu mới đi đôi với sự kỳ thị chủng tộc kỳ cựu, hiện nay đang chĩa mũi dùi vào các dân tộc bị mất sức vì phải chịu đựng nhiều thập niên chiến tranh và thường bị lương tâm của cộng đồng quốc tế quên lãng.

Để đối phó với mối đe dọa trên đây, chúng tôi đề nghị như sau:

a. Trách nhiệm đối phó với mối đe dọa của Liên Minh Moscow / Hà Nội phải được chia sẻ giữa các nước bị liên can một cách trực tiếp: các nước Đông Nam Á Châu, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc. Phải có nhiều biện pháp mới để ngăn chặn các hậu quả tai hại của cuộc liên minh Liên Xô / Cộng Sản Việt Nam.

b. Cần phải có nhiều sáng kiến mới, nhất là về phía Hoa Kỳ. Cho đến nay các nước Đông Nam Á Châu đã có một chiến lược chánh trị hữu hiệu để chấm dứt việc Hà Nội chiếm đóng nước Cam Bu Chia và để cho dân tộc Khmer được quyền tự quyết về số phận mình. Các cố gắng của các tổ chức ASEAN ở

Liên Hiệp Quốc đã làm cho cộng đồng quốc tế lên án Hà Nội về cuộc xâm lăng nước Cam Bu Chia. Tuy nhiên, cán cân lực lượng ngay tại Cam Bu Chia chưa thuận lợi cho nền độc lập của nước này. Đồng thời, những cố gắng riêng biệt của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc cũng nhắm mục đích làm yếu bớt ảnh hưởng của Hà Nội trên dải đất Đông Dương. Các nước ASEAN thiếu phương tiện để có thể cân lại lực lượng của Liên Xô ở Đông Dương. Đối với Hoa Kỳ, tiếp tục đứng bên ngoài để yểm trợ suông các sáng kiến của các nước trong tổ chức ASEAN và Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc là chịu thua và chấp nhận để cho Liên Xô xây dựng bá quyền ở Á Châu. Sự thắng thế của Liên Xô sẽ dĩ đạt được là vì Hoa Kỳ đã tỏ ra không có khả năng hoạch định một chính sách có tính cách chiến lược ở Đông Nam Á Châu và thực hiện chính sách đó, cũng như việc Hà Nội chinh phục được Miền Nam Việt Nam là nhờ sự giúp đỡ ồ ạt của Liên Xô ngay trong lúc Hoa Kỳ bước vào một giai đoạn tự nguyện rút lui. Hoa Kỳ sẽ có thể góp vào việc cải thiện tình thế nhiều hơn nếu cột buộc thái độ của Liên Xô ở Đông Nam Á Châu vào sự bang giao song phương giữa Hoa Kỳ và Moscow.

c. Rõ rệt là tình hình đòi hỏi một sự có mặt nhiều hơn của lực lượng hải và không quân Hoa Kỳ ở Đông Nam Á Châu. Để được như vậy, Hoa Kỳ cần phải được toàn quyền sử dụng các căn cứ Subic Bay và Clark Field ở Phi Luật Tân. Hơn nữa, Hoa Kỳ phải

giúp vào việc phát triển nền kinh tế và vào sự phồn thịnh của Đông Nam Á Châu và tránh việc áp dụng chính sách kinh tế bảo hộ mậu dịch làm cho nền kinh tế các nước Đông Nam Á Châu bị khó khăn và do đó mà làm giảm bớt quyết tâm của các nước này trong việc đối phó với thái độ lấn lướt của Hà Nội.

d. Chẳng những phải xét lại trách nhiệm của mình đối với Đông Nam Á Châu, Hoa Kỳ còn phải có những cố gắng mới để làm cho Hà Nội chịu rút quân khỏi Cam Bu Chia mà không dọn đường cho một sự thỏa hiệp giữa Liên Xô với Trung Cộng về Đông Dương. Việc nghiên cứu tình thế nước Lào cũng sẽ cho thấy rõ thêm tham vọng quá đáng của Hà Nội. Sự cải thiện gần đây của các lực lượng Khmer chiến đấu chống sự chiếm đóng của Cộng Sản Việt Nam làm cho hoạt động quân sự của Hà Nội bị ngăn trở nhưng các lực lượng kháng chiến còn phải được tăng cường hơn nữa. Việc giúp đỡ nhiều hơn cho các lực lượng quốc gia Khmer về mặt quân sự sẽ làm cho Hà Nội bắt buộc phải thương thuyết một cách nghiêm chỉnh về tương lai nước Cam Bu Chia. Một giải pháp chính trị hợp lý và lâu dài cho vấn đề Cam Bu Chia có thể đạt được qua sự hòa giải giữa các tổ chức chính trị Khmer. Trong tương lai, số phận của Khmer Đỏ phải do chính dân Khmer giải quyết lấy.

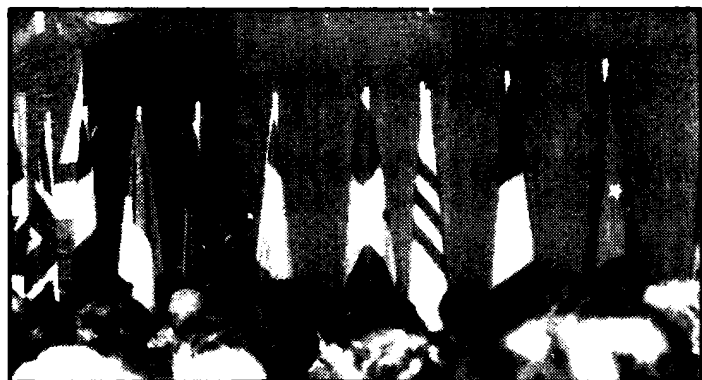
Một khi Cộng Sản Việt Nam đã không thành công trong mưu toan chế ngự Cam Bu Chia, họ sẽ ít có nhu

cầu liên minh chặt chẽ với Liên Xô hơn hiện nay và như vậy họ sẽ phải tìm một sự dàn xếp mới về mặt địa lý chính trị. Trái lại, nếu họ chiến thắng được ở Cam Bu Chia, họ sẽ hăng hái hơn trong việc tiếp tục dùng chính sách đe dọa các nước khác. Các cố gắng của Hà Nội để duy trì sự đô hộ Cam Bu Chia và Lào là một mối nguy cho nền an ninh của Thái Lan trong một tương lai gần. Một Đông Dương trung lập sẽ đóng góp vào nền hòa bình của Á Châu nhiều hơn là sự tiếp tục liên minh giữa Moscow và Hà Nội.

Nếu các nước trong tổ chức ASEAN hoạt động chung với Hoa Kỳ và các nước cùng theo một nếp tư tưởng chung kể cả Nhật Bản, Nam Hàn, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, để ngăn chặn được Hà Nội trong chủ trương chinh phục nước Cam Bu Chia thì huyền thoại về tánh cách bất phân hồi của cách mạng Cộng Sản sẽ bị tiêu hủy và các xã hội tự do ở Á Châu sẽ có nhiều khả năng hơn trong việc phát triển một cách hòa bình.



INTERNATIONAL COMMITTEE
FOR A FREE VIETNAM



ỦY-BAN QUỐC-TE YEM-TRO
VIỆT-NAM TỰ-DO

Comité International Pour Un Vietnam Libre (C.I.V.L.)

Việt Nam trong chiến lược toàn cầu của các đại cường

(Bài thuyết trình trong buổi lễ ra mắt Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do được tổ chức tại Bruxelles, Vương Quốc Bỉ, ngày 4 tháng 12 năm 1986)

Vùng Đông Á - Thái Bình Dương, một chiến trường ngày càng quan trọng hơn giữa các đại cường.

Ngày 28 tháng 7 năm 1986, Ông Gorbachev, Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Liên Xô đã đọc ở Hải Sâm Uy (Vladivostok) một bài diễn văn trong đó ông cho biết kế hoạch hành động của ông ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương. Bài diễn văn đó biểu lộ sự quan tâm của nhà lãnh đạo mới của Liên Xô đối với vùng này, một vùng đã trở thành một chiến trường ngày càng quan trọng hơn giữa các đại cường.

Thật thế, vùng Đông Á - Thái Bình Dương là một trọng tâm của thế giới hiện nay và tầm quan trọng của nó tiếp tục ngày một lớn thêm. Vùng này có

những nguồn nhon lực mênh mông. Trong số các quốc gia đông dân nhứt thế giới, Trung Quốc chiếm hạng nhứt với 1 tỷ người, Indonésia hạng 5 với 150 triệu và Nhựt Bản hạng 7 với 120 triệu. Về mặt kinh tế, Nhựt Bản, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan là những nước đã kỹ nghệ hóa từ lâu; Nam Hàn và Tân Gia Ba là những nước mới được kỹ nghệ hóa; Đài Loan nổi gót theo các nước này trong khi Trung Cộng và một số nước Đông Nam Á Châu đang ở trên đà phát triển.

Số lượng hàng hóa trao đổi giữa Hoa Kỳ với các nước trong vùng Đông Á - Thái Bình Dương nay đã chiếm một phần ba tổng số ngoại thương Hoa Kỳ. Nó đã lên cao hơn số lượng hàng hóa trao đổi giữa Hoa Kỳ với các nước Tây Âu. Với việc mở rộng thêm thị trường Trung Cộng, sự giao thương giữa Hoa Kỳ với vùng Đông Á - Thái Bình Dương sẽ còn tăng gia thêm một cách nhanh chóng.

Do đó, Hoa Kỳ có xu hướng ngày càng lưu tâm nhiều hơn đến vùng Đông Á - Thái Bình Dương. Trong tương lai, vùng này sẽ có thể vượt lên để chiếm vị thế ưu tiên thay Tây Âu trong chiến lược toàn cầu của người Mỹ.

Các khó khăn mà người Mỹ gặp phải trong việc duy trì quân lực ở Thái Bình Dương.

Nhưng Hoa Kỳ đã bắt đầu gặp khó khăn trong việc duy trì quân lực ở Thái Bình Dương. Căn cứ Mỹ quan trọng nhất ở phía Tây của biển này - là căn cứ Không Quân Clark và căn cứ Hải Quân Subic Bay - đều đặt tại Phi Luật Tân. Nhưng nước này đang phải đương đầu lại một phong trào phiến loạn cộng sản. Tân Dân Quân của Cộng Sản Phi Luật Tân thành lập năm 1968 nay có đến 23.000 chiến sĩ hoạt động trong 63 trên tổng số 73 tỉnh. Theo sự ước lượng của một số người Mỹ thì khoảng một phần tư trong tổng số 41.625 xã Phi Luật Tân hiện bị du kích Cộng Sản kiểm soát. Nếu cướp được chánh quyền, cánh cực tả Phi Luật Tân nhất định sẽ không chấp nhận sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ trong nước họ.

Về phía cộng sản, cuộc xung đột giữa Tổng Thống Marcos với đối lập đã may mắn kết thúc được một cách hòa bình với việc Bà Aquino được đưa ra nắm lấy chánh quyền. Bà này vẫn còn rất được lòng dân sau nhiều tháng điều khiển chánh phủ. Nhưng bà hiện đang phải đương đầu với nhiều khó khăn.

Bà chủ trương hòa giải với Cộng Sản, nhưng rõ rệt là bà khó đạt mục đích này nếu bà không chịu chia quyền cho chúng. Chánh sách của bà có thể rồi sẽ mở đường cho việc cực tả chiếm trọn vẹn chánh quyền. Bởi đó, quân đội tỏ ra dè dặt không tán thành việc nhân nhượng cho Cộng Sản. Trong trường hợp thương thuyết giữa hai bên bị gián đoạn, chánh phủ Manila phải huy động toàn lực để đánh Cộng Sản bằng võ lực. Mặt khác, họ phải thực hiện một cuộc cải cách điền địa, đem đất đai cho không người trồng tía để lôi kéo quần chúng nông dân về phía của mình.

Cuộc chiến đấu quân sự cũng như cuộc cải cách điền địa đòi hỏi một ngân sách khổng lồ. Nhưng Hoa Kỳ hiện đang bị nạn khiếm ngạch ngân sách lên đến trên 200 tỷ mỹ kim một năm nên không thể giúp Phi Luật Tân số tiền cần thiết cho các việc này.

Vả lại, dầu cho Cộng Sản có bị loại khỏi chánh trường cũng chưa chắc là Phi Luật Tân sẽ tiếp tục chấp nhận sự hiện diện quân sự của Mỹ. Một vài ông bộ trưởng của Bà Aquino không muốn cho Hoa Kỳ sử dụng các căn cứ trong nước họ sau khi thỏa ước về các căn cứ này mãn hạn. Sự phát triển của tinh thần dân tộc trong quần chúng có thể tăng cường lập trường của họ và làm cho Bà Aquino sẽ nghe theo ý kiến của họ trong những cuộc thương thuyết tương lai với Hoa Kỳ.

Do đó, Hoa Kỳ đã phải nghĩ đến việc tìm các giải pháp thay thế. Người Mỹ đã thiết lập kế hoạch để xây dựng căn cứ mới trong quần đảo Mariana, hoặc ở đảo Guam, hoặc ở đảo Saipan hay Tinian. Việc xây dựng căn cứ mới này đòi hỏi một ngân sách nhiều tỷ mỹ kim. Các căn cứ mới này không ở trong vùng có một nhơn công địa phương vừa có khả năng vừa rẻ tiền, nên người Mỹ sẽ phải tốn kém nhiều hơn trong việc bảo trì dụng cụ của mình.

Sau hết, khoảng cách từ quần đảo Mariana đến bờ biển Á Châu hai lần xa hơn khoảng cách từ Phi Luật Tân đến bờ biển này nên các căn cứ mới mà Hoa Kỳ đặt ở quần đảo đó không có hiệu lực bằng các căn cứ ở Phi Luật Tân hiện nay.

Việc Liên Xô liên tục tăng cường sự hiện diện quân sự của mình trong vùng.

Trong khi sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương có thể bị những ràng buộc ngày một lớn thêm thì thế quân sự của Liên Xô lại tiến triển không ngừng.

Từ năm 1965, quân lực Liên Xô ở vùng Đông Á Thái Bình Dương đã được cải thiện cả về hai mặt

lượng và phẩm:

Thay vì 18 sư đoàn như trước đây, Liên Xô hiện có 53 sư đoàn với dụng cụ trang bị tối tân: chiến xa T72, đại bác 130 ly và đại bác nguyên tử 152 ly.

Hạm đội Thái Bình Dương của Liên Xô hiện có 140 tàu lặn trong đó 70 chạy bằng nguyên tử lực, 90 tàu nổi và 3 hàng không mẫu hạm.

Năm 1966, Liên Xô có không đến 300 máy bay trong vùng. Không lực của họ hiện nay có 2.000 khu trục cơ và 85 oanh tạc cơ Backfire. Số khu trục cơ Liên Xô ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương hiện nay bầy lần nhiều hơn số khu trục cơ của Không Lực Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương.

Mặt khác, Liên Xô đã đặt trong vùng này nhiều trăm hỏa tiễn lưu động SS20 với tầm hoạt động 5.000 cây số.

Về mặt chiến lược, Liên Xô đã đạt một ưu thế lớn khi đặt chơn được ở Việt Nam. Sau cái gọi là bài học của Bắc Kinh dạy Cộng Sản Việt Nam năm 1979, Hà Nội quá cần dùng sự giúp đỡ của Liên Xô để chống đỡ đối với Trung Cộng nên đã phải chấp nhận để cho Liên Xô dùng các căn cứ quân sự ở Việt Nam và ở hai nước Lào và Cam Bu Chia bị Hà Nội chế ngự.

Hiện nay, Liên Xô dùng được 4 căn cứ Hải Quân và 7 căn cứ Không Quân quan trọng ở các nước Đông Dương: các hải cảng Cam Ranh và Đà Nẵng ở

Việt Nam và Réam và Kompongsom ở Cam Bu Chia; các phi trường Cam Ranh và Đà Nẵng ở Việt Nam, Phonsavane, Wattay Noi ở phía bắc Vientiane và Seno ở Lào, và Siemréap và Pochentong gần Phnom Penh ở Cam Bu Chia.

Vì các căn cứ này ở xa Liên Xô nên Liên Xô đã thiết lập một hệ thống kho chứa trữ ở các nước Đông Dương để đề phòng gặp khó khăn trong việc tiếp liệu nếu có chiến tranh. Từ năm 1980, số lượng dụng cụ trang bị chiến tranh được gửi đến Việt Nam lên đến 100.000 tấn mỗi năm.

Trong tất cả các căn cứ Liên Xô ở Đông Dương, cái quan trọng nhất chắc chắn là Cam Ranh. Hải cảng này chiếm một vị thế chiến lược ưu việt ở Thái Bình Dương. Chính vì muốn sử dụng nó mà người Nhật Bản đã chiếm đóng Đông Dương trong Thế Chiến II. Liên Xô đã xây tại đó 6 bến tàu nổi và một bến tàu thứ bảy đang được thiết lập. Số chiến hạm Liên Xô có mặt thường trực tại hải cảng này vào khoảng 30 chiếc, trong đó có từ 6 đến 8 tàu lặn và 7 đến 8 tàu chiến đấu nổi. Liên Xô cũng đã thiết trí tại Cam Ranh một phi đoàn 14 chiếc khu trục cơ MIG23, 8 phi cơ thám thính TU95 Bear D, 3 phi cơ tuần thám chống tàu lặn TU142 Bear F và 16 oanh tạc cơ TU16 Badger trong đó 10 chiếc được trang bị với hỏa tiễn tuần la. Hoạt động của các phi cơ Liên Xô đặt tại Cam Ranh bao trùm Hoa Nam, tất cả các

nước Đông Nam Á Châu và vùng quần đảo Mariana. Mặt khác, nhờ lấy Cam Ranh làm trạm, Hạm Đội Bắc Thái Bình Dương và Hạm Đội Ấn Độ Dương của Liên Xô có thể liên lạc được với nhau.

Mặc dầu các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam phủ nhận, Cam Ranh đã thật sự trở thành một căn cứ hoàn toàn tùy thuộc Liên Xô. Ngay đến nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam cũng không được phép vào đó và người Nga đã không ngần ngại bắn vào các ngư thuyền Việt Nam xấp lại gần căn cứ này. Hà Nội đã yêu cầu người Nga cho biết lịch trình các chuyến bay của phi cơ MIG23 đặt ở Cam Ranh, nhưng người Nga đã không thèm trả lời cho Hà Nội về yêu cầu trên đây.

Sau khi củng cố được vị thế ở Việt Nam, Liên Xô đã mở rộng vùng hoạt động về phía nam bộ Thái Bình Dương bằng cách mở những cuộc thương thuyết với các nước quần đảo trong vùng này. Họ đã trả cho nước Kiribati 1.700.000 mỹ kim mỗi năm để được quyền đánh cá trong hải phận nước này. Họ cũng đã đưa ra những đề nghị tương tự với nhiều nước khác trong vùng, như Vanuatu, quần đảo Salomon, Tây Samoa, Tonga, quần đảo Tuvalu.

Với các ngư thuyền được trang bị bằng dụng cụ thám thính điện tử, người Nga có thể hoạt động gián điệp trong vùng và theo dõi để dàng hơn các hoạt

động của Hạm Đội Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương.

Sau hết, một sự thay đổi gần đây trong chính sách của Bắc Hàn đã mang những mối lợi lớn đến cho Liên Xô.

Các thành quả tốt đẹp về kinh tế và ngoại giao của Nam Hàn làm cho Cộng Sản Bắc Hàn tức tối vì họ cảm thấy rằng người quốc gia ở Nam Hàn đã vượt lên trên họ. Nhưng họ không thể dựa vào Bắc Kinh để tử chiến với Nam Hàn vì hiện nay Trung Cộng cần phải hòa giải với Hoa Kỳ nên chủ trương giảm bớt căng thẳng giữa hai phe Hàn Quốc.

Trong khi đó, người Nam Hàn e ngại Trung Cộng tẩy chay Thế Vận Hội sẽ tổ chức ở Hán Thành (Seoul) trong năm 1988 nên kín đáo tỏ tình thân thiện với Bắc Kinh.

Trái lại, Cộng Sản Bắc Hàn đã siết chặt thêm sự giao hảo với Liên Xô để được giúp đỡ trong việc chống lại Nam Hàn. Liên Xô đã cung cấp cho Bắc Hàn phi cơ MIG23. Bù lại họ được chính quyền Bình Nhưỡng (Pyongyang) cho sử dụng không phận Bắc Hàn, và nhờ đó, phi cơ Liên Xô ở Hải Sâm Uy có thể bay thẳng đến các căn cứ Đông Dương của họ trong vòng 5 tiếng đồng hồ.

Mặt khác, Bắc Hàn đã cho Liên Xô sử dụng 4 hải

cảng: La Tân (Najin), Thanh Tân (Chungjin) và Nguyên Sơn (Wonsan) ở bờ biển phía đông và như là Nam Phố (Nampo) ở bờ biển phía tây. Hạm Đội Bắc Thái Bình Dương của Liên Xô hiện đặt căn cứ tại Hải Sâm Uy cho nên người Mỹ và người Nhật chỉ cần phong tỏa các eo biển Soya, Tsugaru và Tushima là có thể ngăn chặn chiến hạm Nga ra khỏi Biển Nhật Bản. Nếu sử dụng được hải cảng Nam Phố ở Hoàng Hải, các chiến hạm Nga có thể ra đến Thái Bình Dương dễ dàng và nhờ đó, khả năng hoạt động của nó được tăng cường nhiều.

Chánh sách mới của Liên Xô ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương.

Nhờ tăng cường được lực lượng quân sự ở Đông Á - Thái Bình Dương, Liên Xô có thể có một chánh sách tích cực hơn ở vùng này. Chánh quyền Moscow đã điều chỉnh lại các cơ quan ngoại giao của mình để thi hành chánh sách mới đó.

Trong Bộ Ngoại Giao mới được tổ chức lại, các nước vùng Đông Á - Thái Bình Dương được chia ra làm ba nhóm giao cho ba vụ đặc trách:

vụ thứ nhất gồm các nước cộng sản: Trung Quốc, Mông Cổ, Bắc Hàn, Việt Nam, Cam Bu Chia và Lào,

vụ thứ nhì gồm các nước Đông Nam Á và
vụ thứ ba gồm các nước Nhật Bản, Úc Đại Lợi,
Tân Tây Lan và các nước quần đảo ở nam bộ Thái
Bình Dương.

Về mặt kế hoạch hành động thì Moscow dự liệu
triệu tập một đại hội tất cả các đảng cộng sản vùng
Đông Á - Thái Bình Dương.

Mặt khác, trong bài diễn văn đọc ở Hải Sâm Uy,
Ông Tổng Bí Thư Gorbachev đề nghị mở một hội
nghị gồm tất cả các nước ở bờ biển Thái Bình Dương
để cố tìm những phương pháp đi đến những thỏa
ước bảo đảm sự an ninh hổ tương, sự hợp tác nhau
về các mặt kinh tế, khoa học và kỹ thuật, cũng như
sự tôn trọng các nhơn quyền và các tự do căn bản, y
nhu điều mà các nước đã làm ở Âu Châu với Hội
Nghị Helsinki đưa đến các thỏa ước ký năm 1975.
Ông đã nêu ra một số biện pháp cụ thể như việc
giảm bớt lực lượng hải quân, hủy bỏ các căn cứ quân
sự ngoại quốc và cấm dùng vũ khí nguyên tử ở phần
địa cầu này.

Các hành động và lời tuyên bố của nhà lãnh đạo
Liên Xô hiện tại đã biểu lộ các mục đích mà ông
nhắm đến. Rõ rệt là Ông Tổng Bí Thư Gorbachev
trước hết tìm cách siết chặt dây liên lạc giữa các
nước và các đảng cộng sản đã từng phục Moscow,
rồi kế đó, cố hòa giải với các nước và các đảng cộng

sản chống lại Liên Xô hay chống lại các chư hầu của Liên Xô. Như thế, một mặt trận mới của người cộng sản sẽ có thể thành lập được ở Đông Á Thái Bình Dương.

Trong khi kêu gọi thống nhất giữa các người theo chủ nghĩa Marx-Lenin để chống lại phe tư bản, chính quyền Moscow cũng ve vãn Nhật Bản mà sự hợp tác kinh tế và kỹ thuật rất cần thiết cho các nước cộng sản, kể cả Liên Xô. Ông Gorbachev cũng đồng thời tìm cách lôi về cánh của mình các nước Đông Nam Á Châu và các nước quần đảo ở nam bộ Thái Bình Dương.

Hy vọng thành công của Ông Gorbachev.

Ông Gorbachev sẽ có thể đạt hết các mục đích của ông ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương hay không?

Đối với một số mục tiêu, ông gặp những khó khăn lớn và chỉ có thể thực hiện được ý nguyện nếu ông chịu trả cái giá cần thiết.

Việc thống nhất tất cả các nước và các đảng cộng sản trong vùng Đông Á - Thái Bình Dương để chống

lại phe tư bản gặp hai trở lực lớn phát xuất từ Bình Nhưỡng và Bắc Kinh.

Các nhà lãnh đạo Bắc Hàn sẽ không chịu hợp tác chặt chẽ hơn với Liên Xô nếu Liên Xô không hoàn toàn ủng hộ họ trong việc gây rối loạn ở Nam Hàn. Vì chính sách mới của ông phải mang hình thức chủ trương hòa bình nên Ông Gorbachev không thể thỏa mãn Bình Nhưỡng về mặt này được.

Về phần người Trung Hoa, họ ý thức rằng trong việc phát triển nền kinh tế của nước họ, họ cần dùng người Mỹ hơn là người Nga. Vậy, họ sẽ không chấp nhận trở lại liên minh Trung-Sô của thập niên 1950. Để cải thiện bang giao giữa hai nước, họ đòi hỏi Liên Xô phải bỏ chính sách ủng hộ Cộng Sản Việt Nam chiếm đóng nước Cam Bu Chia. Liên Xô cần dùng Cam Ranh trong chiến lược toàn cầu của mình nên không muốn làm áp lực quá mạnh đối với Hà Nội về vấn đề Cam Bu Chia. Mặt khác, một áp lực như vậy có thể làm cho các chư hầu cho đến nay vẫn trung thành với Moscow nghi ngờ về sự thành tín của Liên Xô.

Tuy nhiên, Ông Gorbachev có thể sẽ phải đi đến một giải pháp tương nhượng với Bắc Kinh và Hà Nội về vấn đề Cam Bu Chia. Theo giải pháp này, Cộng Sản Việt Nam sẽ phải rút quân khỏi Cam Bu Chia. Nhưng Liên Xô có thể giúp các nhà lãnh đạo Hà Nội

giữ được thể diện bằng cách vận động để các nước chấp nhận giữ ít nhất là một phần của các đơn vị Cộng Sản Việt Nam ở lại Cam Bu Chia, trong khuôn khổ của một Lục Lượng Hòa Bình Quốc Tế.

Giải pháp trên đây còn có lợi cho Liên Xô ở chỗ nó đồng thời thỏa mãn các nước Đông Nam Á Châu, như là nếu Ông Gorbachev để cho một số nước vùng này, như Thái Lan và Indonésia chẳng hạn, gọi quân đến Cam Bu Chia để phục vụ trong Lục Lượng Hòa Bình Quốc Tế cùng với Cộng Sản Việt Nam.

Trong một giải pháp như vậy, Liên Xô sẽ được xem như là nước bảo đảm cho cả vùng Đông Nam Á Châu được hưởng một nền hòa bình lâu dài. Như vậy, Liên Xô có thể củng cố sự hiện diện và bành trướng ảnh hưởng của mình trong vùng này.

Về việc hợp tác với Nhật Bản để được giúp đỡ về mặt tài chánh và kỹ thuật hầu khai thác các tài nguyên mênh mông của đất Tây Bá Lợi Á, Liên Xô vấp phải một trở lực lớn. Điều kiện của người Nhật Bản về sự hợp tác này là Liên Xô phải trả lại cho họ bốn hòn đảo của Nhật Bản ở phía đông các đảo nam bộ của quần đảo Kuril và bị Liên Xô chiếm lấy sau Thế Chiến II. Nhưng các đảo này được xem là thiết yếu cho sự phòng thủ chiến lược của Liên Xô; và lại, việc Liên Xô trả các đảo này cho Nhật Bản sẽ mở đường cho các nước mà một phần lãnh thổ đã bị

Liên Xô chiếm lấy sau Thế Chiến II đứng lên đòi lại đất họ. Bởi đó, Moscow nhứt quyết không chịu trả các đảo trên đây cho Nhựt Bản, thành ra Nhựt Bản không thể hợp tác chặt chẽ với Liên Xô được.

Trái lại, các nước quần đảo ở nam bộ Thái Bình Dương để nghe theo lời kêu gọi của Liên Xô hơn. Do đó, Liên Xô có thể mở rộng sự hiện diện và thế lực của mình ở vùng này bằng cách đưa ra những đề nghị hấp dẫn. Ngoài các mối lợi về tiền lệ phí đánh cá, Liên Xô còn tìm cách thỏa mãn một số hoài vọng của các nước vùng này. Thí dụ: họ đã tuyên bố rằng họ sẵn sàng ký ba quyết nghị sơ bộ của dự án hiệp ước do các nước vùng này đưa ra về việc biến nam bộ Thái Bình Dương thành một vùng không có vũ khí hạch tâm.

Các mối nguy mà chánh sách mới của Liên Xô đưa đến cho các nước Tây Phương.

Dầu cho không đạt hết các mục tiêu ông nhắm đến với chánh sách mới của ông, Ông Gorbachev cũng gây tai hại lớn cho người Tây Phương.

Trong tình trạng hiện tại của các nước vùng Đông Á - Thái Bình Dương, các đề nghị của ông Tổng Bí

Thu Đảng Cộng Sản Liên Xô có thể gây ra những phong trào quần chúng thuận lợi cho Liên Xô và bất lợi cho các nước Tây Phương.

Việc cấm đoán các căn cứ quân sự ngoại quốc và vũ khí hạch tâm đáp ứng đúng nguyện vọng của nhiều người, nhất là ở Nhật Bản và Phi Luật Tân.

Vì lẽ nó hoàn toàn bất lợi cho Hoa Kỳ, Hoa Kỳ sẽ không bao giờ chấp nhận sự cấm đoán đó. Do đó, Liên Xô có thể dùng đề tài này để phản tuyên truyền Hoa Kỳ.

Vậy, các bạn đồng minh của Hoa Kỳ sẽ phải đối phó với một dư luận ngày càng lớn mạnh và chọi lại sự có mặt quân sự của Hoa Kỳ.

Nếu họ thất bại trong các cuộc tuyển cử, đối lập của họ có thể sẽ chấm dứt sự cộng tác với Hoa Kỳ về việc phòng thủ chung.

Trường hợp Tân Tây Lan có thể xem như một trường hợp điển hình. Đảng Lao Động của nước này đã mở cuộc tuyên truyền chống lại vũ khí hạch tâm. Khi lên nắm chính quyền, Đảng ấy không để cho các chiến hạm Mỹ có chỗ vũ khí hạch tâm đến các hải cảng Tân Tây Lan. Tuy vẫn ngờ ý muốn còn là thân hữu của Hoa Kỳ, nhà cầm quyền Tân Tây Lan cương quyết duy trì lập trường trên đây. Kết

quả là Hoa Kỳ đã thật sự loại Tân Tây Lan khỏi Liên Minh ANZUS (Liên Minh Phòng Thủ Giữa Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan và Hoa Kỳ).

Nhiều nước khác có thể sẽ đi theo con đường của Tân Tây Lan, bắt đầu với Phi Luật Tân.

Vậy, Hoa Kỳ sẽ rất khó duy trì hệ thống phòng thủ hiện tại của mình ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương, trong khi sự phát triển không ngừng của các quyền lợi kinh tế đòi hỏi họ phải tăng cường hệ thống đó.

Ở Đông Nam Á Châu, nếu vấn đề Cam Bu Chia được giải quyết bằng một sự tương nhượng giữa Moscow và Bắc Kinh, ảnh hưởng của người Tây Phương sẽ giảm xuống nhiều. Mặt khác, nếu họ có thể hưởng được một vài mối lợi trong đoàn kỳ, các nước Đông Nam Á Châu sẽ trải một mối nguy lớn trong trường kỳ.

Nếu tình thế kinh tế của họ bị suy sụp mà họ không nhận được một sự giúp đỡ lớn lao của các nước Tây Phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, họ có thể sẽ là nạn nhân của những trận chiến tranh phiến loạn do Cộng Sản địa phương gây ra với sự giúp đỡ bí mật của Liên Xô và Cộng Sản Việt Nam.

Mong đợi nơi sự giúp đỡ của Trung Cộng để đối

phó lại mối nguy này là một ảo tưởng. Thật thế, một khi vấn đề Cam Bu Chia được giải quyết theo nguyện vọng của Trung Cộng, Trung Cộng có thể thỏa thuận với Liên Xô và Cộng Sản Việt Nam để chia ảnh hưởng ở toàn thể Đông Nam Á Châu. Như vậy, Thế Giới Tự Do sẽ hoàn toàn mất hết vùng này.

Ngón đòn của Hoa Kỳ.

Thế Giới Tự Do hiện nay đã ý thức được mối nguy mà sự liên minh giữa Liên Xô với Cộng Sản Việt Nam mang đến cho nền an ninh của Đông Nam Á Châu.

Trong cuộc hội thảo bàn tròn tổ chức ở Bangkok, từ ngày 6 đến 8 tháng 7 năm 1986, về vấn đề này, các hội thảo viên đến từ Hoa Kỳ, Nhật Bản, Nam Hàn và các nước Đông Nam Á Châu đã nghiên cứu vấn đề dưới mọi khía cạnh, kể cả các hậu quả của một giải pháp Cam Bu Chia phát xuất từ sự nhân nhượng nhau giữa Liên Xô với Trung Cộng.

Sau cuộc hội thảo, người ta có thể nhận thấy vài thay đổi trong chánh sách và thái độ của các nước liên hệ.

Người Mỹ đã tỏ ra vừa tích cực vừa uyển chuyển

hơn trước. Họ đã mở cuộc thương thuyết với 16 quốc gia quần đảo ở nam bộ Thái Bình Dương, và đã đạt được những kết quả khả quan. Hoa Kỳ sẽ đóng cho các nước này một số tiền 60 triệu mỹ kim trong 5 năm, với tư cách là tiền viện trợ và lệ phí để được quyền đánh cá trong hải phận họ.

Mặt khác, người Mỹ đã yêu cầu người Nhật Bản, Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan trợ lực.

Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan nay không còn chống lại một chánh sách tích cực của Nhật Bản ở nam bộ Thái Bình Dương mà trái lại, còn tán thành một chánh sách như vậy.

Người Nhật Bản đã quyết định bỏ ra một ngân khoản 40 tỷ mỹ kim để viện trợ cho các nước trên toàn thế giới. Người Mỹ hy vọng rằng một phần quan trọng của ngân sách trên đây sẽ được dùng cho các nước quần đảo ở nam bộ Thái Bình Dương.

Ngón đũa đòn của Hoa Kỳ đối với cuộc tấn công của Liên Xô vừa cần thiết vừa hữu ích. Nó đã bắt đầu có kết quả. Kiribati đã ký trong năm rồi một hiệp ước cho Liên Xô quyền đánh cá trong hải phận của mình vừa đình chỉ hiệp ước này khi Liên Xô xin rút lệ phí hàng năm từ 1.700.000 xuống còn 1.600.000 mỹ kim. Không có đề nghị của Hoa Kỳ hấp dẫn hơn, nước này đã không dám xử sự như vậy đối với Liên Xô.

Tuy nhiên, trên bình diện tổng quát, ngón đỡ đòn của Hoa Kỳ vừa chậm trễ vừa không đúng lúc. Nhiều lắm là nó chỉ làm chậm bớt sự thụt lui của người Tây Phương nói chung, và người Mỹ nói riêng, trong vùng này.

Muốn chấm dứt sự thụt lui đó và hơn nữa, lấy lại phần đất đã mất trong tay đối thủ, cần phải có một phản công hữu hiệu đối với chánh sách mới của Liên Xô.

Cuộc phản công cần thiết của Thế Giới Tự Do.

Hiện nay, không nước nào có thể đơn phương mở cuộc phản công như vậy với hy vọng thành công. Muốn thắng được Liên Xô, cần phải huy động tất cả các nước mà quyền lợi chánh đáng có thể bị chánh sách mới của Liên Xô ở vùng Đông Á - Thái Bình Dương làm tổn hại. Đúng hàng đầu các nước này là Hoa Kỳ, Nhật Bản và Nam Hàn. Ngoài ra, lại còn người Tây Âu mà quyền lợi kinh tế ở Đông Á - Thái Bình Dương đã không ngừng phát triển.

Riêng người Pháp sẽ bị tổn hại to vì chiến dịch do Liên Xô tung ra. Vanuatu có sự liên lạc với cả Liên Xô, Cuba và Libya và nước sau này đã ủng hộ phe

đòi độc lập ở đảo Nouvelle Calédonie. Mặt khác, đề nghị của Tổng Bí Thư Gorbachev loại bỏ mọi vũ khí hạch tâm ở nam bộ Thái Bình Dương sẽ tăng cường các phong trào chống lại việc Pháp thả bom nguyên tử ở Mururoa.

Để nắm phần thắng lợi trong cuộc phản công chính sách mới của Liên Xô, người Tây Phương phải có được các nước Đông Nam Á Châu và Trung Cộng đứng về phía của mình. Do đó, cần phải tìm một mục tiêu có lợi cho tất cả. Việc giải phóng Việt Nam và mời Liên Xô ra khỏi các căn cứ ở Việt Nam, đặc biệt là Cam Ranh, chính là mục tiêu thích hợp nhất.

Với một nước Việt Nam tự do, nghĩa là không cộng sản, các nước Đông Nam Á Châu sẽ hưởng được một nền an ninh lâu dài. Do đó, rất dễ mời họ cùng với người Tây Phương tham dự một kế hoạch giải phóng Việt Nam, nếu người Tây Phương chứng tỏ rằng mình có quyết tâm trong hành động này.

Vấn đề còn lại là thuyết phục các nhà lãnh đạo Trung Cộng rằng giải pháp trên đây đáp ứng quyền lợi hiểu một cách sáng suốt của nước họ hơn là giải pháp hợp tác với Liên Xô.

Nếu Trung Cộng thỏa thuận với Liên Xô để chia ảnh hưởng ở Cam Bu Chia, rồi ở Đông Nam Á Châu, họ phải ngày càng đi sát thêm Liên Xô và xa

rời Hoa Kỳ. Do đó, họ sẽ không được hưởng các mối lợi mà Hoa Kỳ có thể mang đến cho họ về mặt tài chính và kỹ thuật để phát triển nền kinh tế của họ.

Mặt khác, Liên Xô sẽ không ngần ngại khai thác tinh thần bài Hoa của người Mã Lai và người Indonésia để hạn chế ảnh hưởng của Trung Cộng tại đây.

Vì người Tây Phương đã bị loại khỏi vùng này nên Trung Cộng sẽ phải một mình đương đầu lại Liên Xô và khó có thể bảo vệ vị thế của mình một cách hữu hiệu. Như vậy, Trung Cộng sẽ không thể đạt được địa vị siêu cường và sẽ vô tình trở thành một phụ tá sáng giá cho Liên Xô.

Trái lại, nếu Trung Cộng chấp nhận tham dự việc giải phóng Việt Nam khỏi ách của bọn Cộng Sản thân Liên Xô, rồi để cho ba nước Đông Dương thiết lập một chế độ dân chủ tự do bên trong và thi hành chính sách trung lập pháp lý về mặt đối ngoại, họ có thể gây lại sự tin nhiệm của người Mã Lai và người Indonésia.

Với khối người gốc Hoa định cư ở các nước Đông Nam Á Châu (kể cả ba nước Đông Dương), Trung Cộng có thể thiết lập những mối liên hệ kinh tế có lợi và lâu dài với các nước ấy, đồng thời được sự yểm

trợ của Mỹ để hiện đại hóa nền kinh tế của chính mình.

Chỉ bằng các cách đó, Trung Cộng mới có hy vọng trở thành một siêu cường ngang hàng với Liên Xô.

Với một sự cộng tác chặt chẽ giữa các nước Tây Phương, các nước Đông Nam Á Châu và Trung Cộng, việc giúp đỡ các chiến sĩ tự do của Việt Nam loại trừ đám người theo chế độ độc tài toàn diện đã bỗng dung đem dân tộc Việt Nam cột buộc vào cỗ xe Liên Xô, sẽ rất dễ đưa đến sự thành công.

Một khi đã được giải phóng, Việt Nam sẽ không để cho Liên Xô sử dụng các căn cứ trên lãnh thổ của mình. Vậy, Liên Xô sẽ mất cái đầu cầu mà họ thiết lập được ở Đông Nam Á Châu. Khi đã mất thế lực quân sự, Liên Xô không còn làm áp lực được với các nước ở Đông Nam Á châu và ở nam bộ Thái Bình Dương.

Trong trường hợp đó, đầu cho Hoa Kỳ không còn giữ được các căn cứ của mình ở Phi Luật Tân, Hạm Đội Thái Bình Dương của họ cũng đủ sức bảo vệ quyền lợi của họ trong vùng.

Vì họ bị chính sách mới của Liên Xô uy hiếp một cách trực tiếp hơn hết, người Tây Phương phải lấy

thể chủ động và thuyết phục Trung Cộng hợp tác với mình trong một công tác chung có lợi cho tất cả các đối thủ của Liên Xô. Họ còn có thì giờ làm công việc này vì Trung Cộng hiện nay vẫn còn hoài nghi về hy vọng thành công của Ông Gorbachev.

Nhà lãnh tụ Trung Cộng Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) đã tuyên bố rằng phải đợi ít nhất bốn năm nữa rồi mới biết được là ông tân Tổng Bí Thư của Đảng Cộng Sản Liên Xô thành công hay không trong việc thay đổi chính sách của Liên Xô một cách thật sự.

Người Tây Âu có thể đóng một vai tuồng cốt cán trong việc giải phóng Việt Nam bằng cách trực tiếp giúp các chiến sĩ tranh đấu cho Việt Nam Tự Do, và thúc đẩy người Mỹ và Trung Cộng thỏa thuận nhau về vấn đề này.

Khi tích cực tham gia việc giải phóng người Việt Nam bị áp chế, họ cũng đồng thời giúp vào việc giải phóng các bạn Khmer và Lào của Việt Nam, và giúp vào việc thiết lập một nền hòa bình lâu dài ở khắp Đông Nam Á Châu.

Như vậy, họ có thể mở rộng thêm sự giao thiệp về chính trị và kinh tế với các nước ở vùng này và nhờ đó mà duy trì được vị thế cường quốc thế giới của mình.

*
* *

Sự thành lập của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do mà Ủy Ban Danh Dự gồm nhiều hơn vật quan trọng của Tây Phương là một hành động biểu lộ niềm tin tưởng và hy vọng, như Ông Chủ Tịch Paul Vankerkhoven đã nói. Chắc chắn là hành động biểu lộ niềm tin tưởng và hy vọng này sẽ giúp một cách đắc lực vào việc mở con đường Tự Do cho dân tộc Việt Nam.

Bởi vậy, với tư cách là người tranh đấu cho Việt Nam Tự Do, tôi thành thật cảm tạ quý vị đã can đảm đứng lên ủng hộ cuộc tranh đấu của chúng tôi, và tôi có thể đoan chắc với quý vị rằng dân tộc Việt Nam, một khi đã được giải phóng, sẽ không bao giờ quên ơn quý vị.



Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, bà Carol Wodak, giám đốc Ủy Ban Nhân Quyền tại Alberta và Dân Biểu Quốc Hội Canada David Kilgour trên bãn thuyết trình.

ngày 1 tháng 5 năm 1988

Cộng Sản Việt Nam và nền an ninh của Đông Nam Á Châu

*(Bài thuyết trình ở Đại Học Monash, Melbourne, Úc Đại
Lợi, ngày 17 tháng 9 năm 1987)*

Hiện nay, Cộng Sản Việt Nam đã trở thành một mối đe dọa cho nền an ninh của Đông Nam Á Châu. Họ công nhận là họ đã phạm nhiều lầm lỗi trong quá khứ và tuyên bố rằng họ sẵn sàng thay đổi chánh sách. Cho đến nay, người Tây Phương đã nhiều lần bỏ ngõ trước các quyết định của chánh quyền Hà Nội vì không thấy rõ ý đồ của chánh quyền này.

Vậy, việc biết rõ bản chất của Cộng Sản Việt Nam là một điều tối cần thiết để có thể đối phó một cách thích ứng với chánh sách của họ.

I. Bản chất của Cộng Sản Việt Nam.

Hiện nay, vẫn còn nhiều người Tây Phương tin tưởng rằng Hồ Chí Minh và những người theo phe ông ta là những người quốc gia Việt Nam, nghĩa là những nhà ái quốc chơn chánh chỉ nhắm mục đích phục vụ dân tộc Việt Nam. Nhưng thật sự thì mặc dầu bề ngoài có vẻ uyển chuyển và lúc nào cũng chánh thức chủ trương bảo vệ quyền lợi của nước Việt Nam, **Hồ Chí Minh và những người theo phe ông ta là những tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa Marx-Lenin mà mục đích tối hậu là sự thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản trên toàn thế giới, bắt đầu với các nước Đông Dương.**

A. HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG NGƯỜI THEO PHE ÔNG TA TRƯỚC NĂM 1945.

Trước hết, ta cần phải nhắc lại rằng lúc khởi thủy, Hồ Chí Minh là một đảng viên của Đảng Xã Hội Pháp. Ông ta là một trong các đại biểu đã biểu quyết theo Đề Tam Quốc Tế và thành lập Đảng Cộng Sản Pháp ở Đại Hội năm 1920 tại thành Tours. Lúc ấy, giữa hai Đảng trên đây, có ba điểm khác nhau chánh yếu:

1. Về mặt ý thức hệ, Đảng Xã Hội Pháp chỉ theo chủ nghĩa Marx, còn Đảng Cộng Sản Pháp lại theo luôn chủ nghĩa Lenin.

2. Về mặt tổ chức nội bộ và cai trị quốc gia, Đảng Xã Hội Pháp chấp nhận qui luật dân chủ tự do hàm ý tôn trọng ý muốn của đa số và sự hiện diện của nhiều chánh đảng trong khi Đảng Cộng Sản Pháp theo cái mà nó gọi là chủ trương dân chủ tập quyền.

Chủ trương này thật sự là một chủ trương chuyên chế toàn diện vì nó cho phép người lãnh đạo Đảng bắt buộc các đồng chí mình chấp nhận quan điểm của mình rồi dùng một hệ thống độc đảng để bắt buộc cả nước tuân theo quan điểm đó.

3. Về mặt chánh trị quốc tế, Đảng Xã Hội Pháp vẫn giữ tư thế độc lập và chỉ có những mối giao thiệp thân hữu với các Đảng Xã Hội khác trên toàn thế giới trong khuôn khổ của Đệ Nhị Quốc Tế trong khi Đảng Cộng Sản Pháp chỉ là một bộ phận của Đệ Tam Quốc Tế và do đó mà phải tuân lệnh Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của Quốc Tế này. Hơn nữa, đảng viên của tất cả các Đảng Cộng Sản đều phải xem Liên Xô là tổ quốc số một mà mình phải bảo vệ, còn nước gốc của mình thì bị đẩy xuống hàng thứ nhì.

Rất có thể là lúc đầu, Hồ Chí Minh chỉ theo Đệ Tam Quốc Tế vì nghĩ rằng Đảng này có thể giúp mình một cách hiệu lực trong việc giải phóng Việt Nam khỏi ách thực dân Pháp. Nhưng, như ông ta đã thú nhận về sau này, ông ta đã lần lần từ bước một bị

đưa đến chỗ đặt hết niềm tin tưởng vào chủ nghĩa Lenin (1). Dầu sao thì từ năm 1920, ông ta đã không ngừng phục vụ Đệ Tam Quốc Tế do Liên Xô điều khiển.

Năm 1925, ông ta được đưa sang Trung Quốc và hoạt động để đem chủ nghĩa cộng sản vào nước Việt Nam.

Năm 1930, một Đảng Cộng Sản Việt Nam đã được thành lập ở Hongkong.

Năm 1931, theo lệnh của Stalin, Đảng này đổi tên lại là Đảng Cộng Sản Đông Dương để có thể hoạt động luôn cả ở Lào và Cam Bu Chia. Hồ Chí Minh không trực tiếp điều khiển Đảng này, mà chỉ là một đại diện của Đệ Tam Quốc Tế có nhiệm vụ thay Liên Xô để kiểm soát nó.

Nhưng năm 1933, ông ta đã biến mất trên trường chính trị quốc tế, có lẽ vì bị thất sủng trong chế độ Stalin. Người có nhiệm vụ thay thế ông ta kiểm soát Đảng Cộng Sản Đông Dương là Lê Hồng Phong. Nhưng ông này đã bị người Pháp bắt năm 1938.

(1). Hồ Chí Minh, Bước Đường Đưa Tôi Tới Chủ Nghĩa Mác Lê, đăng trong số tháng 7 năm 1960 của tạp chí Echo Du Vietnam, có quan bán chính thức của Việt Cộng ở Paris.

Lúc ấy, Đảng Cộng Sản Đông Dương cần một nhà lãnh đạo có kinh nghiệm đủ khả năng giải quyết các vấn đề phát xuất từ tình hình thế giới thời đó. Hồ Chí Minh đã được đưa về Á Châu trở lại để điều khiển Đảng Cộng Sản Đông Dương.

Cứ theo tài liệu do chính chánh phủ Hà Nội phát hành năm 1970 (2), thì năm 1939, họ Hồ đã báo cáo cho Đệ Tam Quốc Tế về các chỉ thị mà ông ta đã chuyển đến cho Đảng Cộng Sản Đông Dương. Lúc ấy, ông ta đã bảo **Cộng Sản Việt Nam phải bỏ các yêu sách về nền độc lập quốc gia** và sự thành lập một nghị hội, và phải tuyệt đối từ khước sự hợp tác với phe Đệ Tứ Quốc Tế.

Vậy, họ Hồ đã là một kẻ thừa hành trung thành thực hiện chánh sách do Đệ Tam Quốc Tế ấn định, và mặc dầu sau đó, ông ta có thành lập Mặt Trận Việt Minh để tranh đấu cho sự độc lập của Việt Nam, điều mà ông ta nhắm vào trước hết **không phải là quyền lợi của nước Việt Nam**, mà là sự **thắng lợi của chủ nghĩa Stalin**.

Tháng 5 năm 1943, Stalin giải tán Đệ Tam Quốc Tế và Cộng Sản Việt Nam rất hoang mang về việc

(2). Hồ Chủ Tịch Sống Mãi Trong Sự Nghiệp Của Chúng Ta, Hà Nội, 1970, trang 32-35.

này. Lúc ấy, Trường Chinh là Tổng Bí Thư Đảng đã phải viết một loạt bài trong các ấn phẩm của Đảng để giải thích ý nghĩa thật sự của biến cố này. Ông ta bảo rằng phe đế quốc (tức là Anh và Mỹ) không thích ảnh hưởng mà Liên Xô có được trên chính trường quốc tế nhờ Đệ Tam Quốc Tế. Bởi đó, họ không chịu tấn công phe Quốc Xã ở Âu Châu để đỡ gánh nặng cho Liên Xô, mà trái lại, còn có thể tìm cách thỏa thuận với phe Quốc Xã để cho phe này rảnh tay đánh Liên Xô. Việc giải tán Đệ Tam Quốc Tế nhắm mục đích trấn an phe đế quốc Anh và Mỹ và làm cho phe này sẵn sàng hơn trong việc mở một mặt trận thứ nhì ở Tây Âu.

Trường Chinh kết luận rằng mặc dầu Đệ Tam Quốc Tế đã chính thức bị giải tán, tất cả người cộng sản thuộc Đệ Tam Quốc Tế vẫn kết hợp nhau một cách chặt chẽ như trước.

B. HỒ CHÍ MINH VÀ NHỮNG NGƯỜI THEO PHE ÔNG TA TỪ NĂM 1945 TRỞ ĐI.

Quan điểm mà Trường Chinh đưa ra năm 1943 về sự kết hợp chặt chẽ giữa người cộng sản ở khắp nơi trên thế giới cho đến nay vẫn còn là một tín điều của Cộng Sản Việt Nam, là những người lúc nào cũng hết dạ trung thành với Liên Xô. Điều này giúp chúng ta hiểu rõ nhiều biến cố xảy ra từ năm 1945.

1. Ngày 11 tháng 11 năm 1945, Hồ Chí Minh giải tán Đảng Cộng Sản Đông Dương để trấn an người Việt Nam là ông ta sẽ không áp đặt chế độ cộng sản ở Việt Nam. Ông ta cũng đồng thời chấp nhận thành lập với các chính đảng cách mạng Việt Nam khác một Mặt Trận để đối phó với người Pháp. Nhưng thật sự, ông ta lại vận động để cho Cộng Sản Việt Nam nắm giữ độc quyền chính trị trong nước.

Năm 1946, trong khi người Pháp chiếm đóng Nam Việt, săn đuổi người kháng chiến và không chấp nhận cho Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh nếu quả là một người quốc gia chơn chính, đã có thể thực hiện một nền đoàn kết thiêng liêng thật sự với các chính đảng cách mạng Việt Nam khác để chiến đấu với kẻ xâm lăng. Nhưng ông ta đã chọn giải pháp ký với kẻ xâm lăng này Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 biến Việt Nam thành một bộ phận của Liên Hiệp Pháp và cho phép người Pháp mang quân ra Bắc Việt.

Để biện minh cho chính sách của mình, ông ta đã giải thích rằng lúc ấy, Bắc Việt cần phải loại ra khỏi lãnh thổ mình các quân nhơn của Trung Hoa Quốc Dân Đảng, và với Sơ Ước được ký kết, Việt Nam sẽ được độc lập 5 năm sau, mà khỏi phải chiến đấu.

Nhưng theo một hiệp ước đã được ký kết trước đó, vào ngày 28 tháng 2 năm 1946, Trung Hoa Quốc Dân Đảng đã nhường cho người Pháp quyền chiếm

đóng phía Bắc Đông Dương và phải rút quân ra khỏi Bắc Việt, đầu cho người Pháp và Hồ Chí Minh có thỏa thuận được với nhau hay không cũng vậy.

Mặt khác, sau khi đổ quân ra Bắc Việt được rồi, người Pháp đã xây dựng tại đó những căn cứ hùng hậu, chính vì vậy mà về sau người Việt Nam đã phải đương đầu với họ một cách khó khăn hơn.

Đã vậy, khi chấp nhận xem Việt Nam là một bộ phận của Liên Hiệp Pháp, **Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 đã biến vấn đề Việt Nam thành một vấn đề nội bộ của Pháp**. Điều này làm cho các nước không thể can thiệp để giúp người Việt Nam như họ đã làm đối với các dân tộc khác cùng tranh thủ độc lập thời đó.

So sánh tình thế đối chiếu của Indonésia và của Việt Nam sau Thế Chiến II, chúng ta có thể nhận thấy tất cả sự tai hại mà chánh sách Hồ Chí Minh mang đến cho Việt Nam. Vào tháng 12 năm 1948, người Hòa Lan đã bắt được cả chánh phủ kháng chiến Indonésia do Ông Sokarno lãnh đạo. Thế nhưng Liên Hiệp Quốc đã bắt buộc họ phải thả chánh phủ đó và công nhận nền độc lập của Indonésia. Tuy nhiên, một chánh sách tương tự đã không áp dụng ở Việt Nam được vì với Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 giữa Hồ Chí Minh với người Pháp, Việt Nam đã trở thành một bộ phận của Liên

Hiệp Pháp và Liên Hiệp Quốc không có căn bản pháp lý để can thiệp vào sự xung đột giữa người Pháp với người Việt Nam.

Vậy, khi ký Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 với người Pháp, Hồ Chí Minh đã làm cho chiến tranh kéo dài chớ không tránh chiến tranh được. Rõ rệt là ông ta không phải nhắm mục đích phục vụ Việt Nam mà nhắm mục đích phục vụ Cộng Sản Quốc Tế.

Lúc đó, Việt Nam không chung biên giới với nước cộng sản nào và Liên Xô không có khả năng hoạt động ở Đông Nam Á Châu là vùng nằm trong vùng ảnh hưởng của Mỹ. Nếu được độc lập lúc đó thì chẳng chóng thì chầy, Việt Nam cũng sẽ bị lôi cuốn vào quỹ đạo Mỹ và Cộng Sản Việt Nam sẽ không thể duy trì chánh quyền của họ được.

Trong lúc đó, Đảng Cộng Sản Pháp là đảng mạnh nhất ở Pháp và tham dự vào chánh phủ trung ương. Khi thỏa thuận với người Pháp và biến Việt Nam thành một bộ phận của Liên Hiệp Pháp, Hồ Chí Minh chẳng những có thể loại trừ được những người quốc gia Việt Nam đòi cho Việt Nam được độc lập, mà còn có thể cộng tác với Đảng Cộng Sản Pháp để tăng cường thế lực phe cộng sản bên trong Liên Hiệp Pháp.

Ý đồ thật sự của Hồ Chí Minh và của những người đồng chí của ông ta đã phần nào được Võ Nguyên Giáp bộc lộ khi so sánh Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 với Hiệp Ước Brest-Litovsk ký kết giữa Lenin với người Đức năm 1918. Cũng như Hiệp Ước Brest-Litovsk, Sơ Ước ngày 6 tháng 3 năm 1946 là một nhượng bộ của người cộng sản đối với ngoại quốc để củng cố quyền hành bằng cách loại trừ các địch thủ chính trị của họ.

Mưu đồ của Hồ Chí Minh để tăng cường thế lực phe cộng sản bên trong Liên Hiệp Pháp đã bị cánh hữu Pháp phá vỡ khi cánh này mở cuộc tấn công Cộng Sản Việt Nam vào tháng 12 năm 1946 làm mở màn trận Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất. Thế nhưng Cộng Sản Việt Nam vẫn không từ bỏ việc để cho Việt Nam ở trong Liên Hiệp Pháp cho đến khi Trung Cộng chiếm được lục địa Trung Hoa và mở cho họ một con đường khác để phục vụ Cộng Sản Quốc Tế.

2. Tháng 2 năm 1951, Hồ Chí Minh đã chính thức tái lập Đảng Cộng Sản Đông Dương với tên là Đảng Lao Động Việt Nam. Liên theo đó, Đảng này đã mở cái mà nó gọi là "cuộc tranh đấu phản đế phản phong" với mục đích thanh toán phản động, tức là các địa chủ và những người có mối liên hệ đầu là xa xăm với địa chủ.

Trong khi cuộc chiến tranh chống Pháp vẫn tiếp diễn, Cộng Sản Việt Nam đã tung ra một chiến dịch gọi là phong trào kiểm thảo. Mục đích chiến dịch này là loại trừ khỏi quân đội các phần tử bị cho là phản động. Thật sự thì nó nhắm vào các sĩ quan "gốc tiểu tư sản" đã theo Mặt Trận Việt Minh để đánh Pháp giành độc lập nhưng không chắc chịu theo Đảng trong cuộc cải cách xã hội mà Đảng sắp áp dụng (3).

Đối với người dân sự, cuộc chiến đấu bắt đầu với một hệ thống đánh thuế nhằm mục đích bần cùng hóa cả nông dân và làm yếu các giai cấp hữu sản. Trong đợt hai của cuộc chiến đấu này, phát động vào tháng 2 năm 1953, những kẻ không đóng nổi số thuế do cán bộ Đảng ấn định và những kẻ bị người thiếu thuế này khai đến đã bị tra tấn, đánh đập, có khi bị giết nữa.

Đồng thời, Cộng Sản Việt Nam tổ chức những vụ án trừng phạt những kẻ bị xem là "phản quốc": quan lại, địa chủ, giáo sĩ, thương nhân và "tư sản mại bản", tức là kẻ mua bán với người ngoại quốc. Một số trong các nạn nhân trên đây đã bị kết án tử hình, số còn lại bị tống ngục.

(3). James Banerian, *Losers Are Pirates*, Sphinx Publishing Inc., Phoenix, 1985, trang 103-108.

Sau hết, là cuộc Cải Cách Ruộng Đất kéo dài đến năm 1956. Mục đích của nó là loại trừ các địa chủ và nông dân tương đối khá giả, đầu cho họ có tích cực tham dự hay yểm trợ cuộc kháng chiến. Nạn nơnon của chiến dịch trên đây đã bị các "tòa án nơnon dân" kết án tử hình hay xử nốt trong các trại lao động. Số nạn nơnon này lên đến hàng trăm ngàn người (4).

Trong các chiến dịch trên đây, để áp đặt chế độ cộng sản lên nước Việt Nam, Hồ Chí Minh và những người theo phe ông ta đã bắt chước một cách nô lệ các phương pháp áp dụng ở Liên Xô và đặc biệt là ở Trung Cộng, mặc dầu ở Việt Nam không có hạng địa chủ mạnh mẽ nào đáng được gọi là "hạng bóc lột nơnon dân" như trong nước Nga thời Sa hoàng và Trung Quốc thời đế chế, đến mức phải dùng bạo lực cách mạng để thanh toán (5).

3. Tháng 4 năm 1956, Khrutchev bắt đầu chiến dịch hạ bệ Stalin ở Liên Xô và đến tháng 5 thì Trung Cộng tung ra chánh sách "Trăm Hoa Đua Nở".

(4). Sdd, trang 110-114. Các ước lượng về số nạn nơnon của cuộc Cải Cách Ruộng Đất khác nhau theo tác giả. Cú theo hai Ông Bernard Fall và Wesley Fishel, có độ 50.000 người chết và ít nhút 100.000 người bị đưa đi các trại lao động cưỡng bách; theo Ông Douglas Pike thì có từ 50.000 đến 100.000 người chết; Ông Hoàng Văn Chí trích sách Ông Gérard Tongas thì cho rằng có khoảng 100.000 người chết (Xem James Banerian, trang 114).

Cộng Sản Việt Nam tức khắc noi gương các "đàn anh vĩ đại". Lúc đó, đã có một phong trào chỉ trích rộng rãi họp tập nhiều nhà trí thức.

Ngày 17 tháng 8 năm 1956, chính Hồ Chí Minh đã nhìn nhận là quả đã có những sai lầm trong chính sách Nhà Nước và tung ra chiến dịch sửa sai. Tuy nhiên, Cộng Sản Việt Nam đã phải nhanh chóng trở lại chính sách khắc nghiệt cũ của họ sau khi cuộc khởi nghĩa Quỳnh Lưu (trong tỉnh Nghệ An) làm cho họ thấy rằng sự chỉ trích trở thành một mối nguy cho quyền thống trị của họ.

4. Tiếp theo đó, Hồ Chí Minh bắt đầu cuộc chiến đấu để chinh phục Miền Nam Việt Nam. Lúc ấy ông ta đã được một học giả Pháp là Tibor Mende phỏng vấn. Ông này đã giải thích cho họ Hồ thấy

(5). Ở Việt Nam, các triều đại kế tiếp nhau từ thế kỷ thứ 15 đã áp dụng chính sách hạn chế quyền tư hữu trên ruộng đất và triều đình đã luôn luôn kiểm soát chặt chẽ các địa chủ để bảo vệ nông dân nghèo. Các đồn điền rộng lớn chỉ được thành lập ở Miền Nam Việt Nam thời Pháp thuộc và chính quyền Pháp tuy bản chất là chính quyền thuộc địa, đã thường tôn trọng luật pháp. Dĩ nhiên là đã có những sự lạm quyền không thể tránh được của địa chủ và hạng giàu có hiếp bức dân nghèo, nhưng ở Việt Nam không hề có hạng cường hào địa phương nhiều uy quyền khủng bố như dân và bắt mọi người tòng phục họ. Vậy, xét tình thế một cách khách quan, bạo lực của cuộc Cải Cách Ruộng Đất mà Cộng Sản Việt Nam áp dụng từ năm 1953 đến năm 1956 không thể biện minh được. Nó sở dĩ có chỉ vì Cộng Sản Việt Nam đã bắt chước một cách mù quáng các "đàn anh vĩ đại" của họ.

rằng ông ta sẽ ít bị người Tây Phương chống báng và dễ đạt mục đích hơn nếu ông ta chấp nhận cho nước Việt Nam cộng sản theo qui chế trung lập quốc tế, rồi hỏi ông ta có chấp nhận giải pháp đó không. Hồ Chí Minh đã trả lời với một nụ cười rất ngọt ngào: **"Xin ông đừng quên rằng tôi là một người cộng sản, và người cộng sản không thể chấp nhận cho nước mình theo qui chế trung lập quốc tế"**.

5. Điều mà Hồ Chí Minh không nói với ông Tibor Mende là **người cộng sản cũng không chấp nhận cho nước khác theo qui chế đó**. Khi đòi hỏi cho nước Lào được trung lập sau khi Hiệp Định Geneva 1954 được ký kết, Cộng Sản Việt Nam chỉ muốn chấm dứt sự có mặt của Hoa Kỳ ở nước này về mặt quân sự.

Ý đồ thật sự của họ về vấn đề trên đây đã bộc lộ rõ rệt trong cách thức họ thi hành Hiệp Định Geneva 1962 về nước Lào. Trong khi người Mỹ rút hết các quân nhơn của mình theo đúng Hiệp Định, Cộng Sản Việt Nam chỉ rút có 20 cán bộ và duy trì tại Lào lực lượng của họ được ước lượng vào 10.000 người. Vì những người này đã mang tên họ Lào và nói tiếng Lào trôi chảy, Cộng Sản Việt Nam đã xem họ là những công dân Lào.

6. Cách thức Cộng Sản Việt Nam giải thích Hiệp Định Geneva 1962 về nước Lào cho thấy rõ rằng họ

không phải cư xử như các lãnh tụ của Thế Giới Tự Do. Họ có thể tỏ ra uyển chuyển nếu họ không đủ mạnh để bắt đối phương chấp nhận quan điểm của họ. Nhưng một khi đã làm chủ tình thế, họ không ngần ngại bỏ rơi mặt nạ của họ.

Sau khi đã tái lập năm 1931, Đảng Cộng Sản Đông Dương được chính thức giải tán năm 1945, rồi được cho mang tên mới là Đảng Lao Động Việt Nam năm 1951, họ đã trở lại tên Đảng Cộng Sản Việt Nam sau khi chinh phục Miền Nam Việt Nam năm 1975.

Họ cũng cho áp đặt chế độ cộng sản ở Miền Bắc Việt Nam từ đầu thập niên 1950 trong những vùng họ kiểm soát chặt chẽ, và trên toàn lãnh thổ Miền Bắc Việt Nam sau khi Hiệp Định Geneva 1954 được ký kết.

Sau khi chiếm được Miền Nam Việt Nam, họ đã túc khắc cho giải tán Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời do Mặt Trận này thành lập để thống nhất Việt Nam, trái hẳn với những lời hứa hẹn của họ là tôn trọng đặc tánh và sự tự trị của Miền Nam Việt Nam trong ít nhất là ba năm.

7. Sau khi chiếm được Miền Nam Việt Nam năm 1975, Cộng Sản Việt Nam công khai bỏ chính sách

đi dây giữa Liên Xô và Trung Cộng. Họ đã đứng hẳn về phía Moscow và biểu lộ sự thù hằn đối với Bắc Kinh.

Họ đã cho bắt các cán bộ tinh báo Trung Cộng hoạt động ở Miền Nam Việt Nam đã giúp đỡ họ trong cuộc chiến đấu chống lại chính phủ Miền Nam Việt Nam. Họ cũng đã loại ra khỏi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng họ các nhà lãnh đạo các sắc tộc thiểu số ở vùng giáp giới Trung Quốc và chấm dứt chế độ tự trị của các sắc tộc này vì nguỵ ngò là các sắc tộc này đã bị Bắc Kinh ảnh hưởng.

Năm 1975, Trung Cộng quả có chống lại việc Hà Nội chiếm đoạt Miền Nam Việt Nam. Lúc ấy, họ có thể giúp cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam Việt Nam giữ phần nào tư thế độc lập đối với Hà Nội và do đó mà gài quả việc thống nhất Việt Nam. Nhưng Cộng Sản Việt Nam đã đủ mạnh để làm chủ tình hình và không cần phải khiêu khích Trung Cộng bằng một thái độ hiềm thù như vậy. Việc tiếp tục đi dây giữa Liên Xô với Trung Cộng hẳn là thích hợp hơn với quyền lợi của nước Việt Nam. Vậy, thái độ của Cộng Sản Việt Nam đối với Trung Cộng thật sự đã bắt nguồn từ một lý do có tánh cách ý thức hệ.

Với tư cách là tín đồ chánh thống của chủ nghĩa Lenin, Hồ Chí Minh và những người theo phe ông ta đã luôn luôn xem Moscow là thánh địa của cuộc

cách mạng vô sản thế giới và đối với họ, Liên Xô trong mọi trường hợp, đều phải là cường quốc lãnh đạo cả Khối Cộng Sản. Bởi đó, trong đầu thập niên 1960, họ đã nhứt quyết từ khước không chịu theo Bắc Kinh chống lại Moscow mặc dầu cho đến lúc đó, Trung Cộng đã giúp họ rất nhiều trong cuộc tranh đấu chống Pháp và chống Mỹ trong khi sự viện trợ của Liên Xô trước năm 1965 so lại thì ít hơn rất nhiều.

Sau năm 1965, sự giao thiệp giữa Bắc Kinh với Hà Nội bắt đầu ác hóa. Để cướp lại chánh quyền bị các đối thủ của mình là Lưu Thiếu Kỳ (Liu Shaoqi) và Đặng Tiểu Bình (Deng Xiaoping) chiếm đoạt, Mao Trạch Đông (Mao Zedong) đã dựng Vệ Binh Đỏ, là những người không thuộc Đảng Trung Cộng, để chống lại các đảng viên và cán bộ của Đảng này. Chủ nghĩa Lenin không cho phép đảng viên chống lại bộ máy Đảng. Bởi đó, Cộng Sản Việt Nam đã xem Mao Trạch Đông như là một người ngả theo tà thuyết và phạm tội bất kính đối với chủ nghĩa Lenin, và họ đã bắt đầu tách xa các nhà lãnh đạo Trung Cộng.

Trong khi đó Liên Xô đã tăng gia sự viện trợ cho Hà Nội để giúp Hà Nội chống lại việc Mỹ oanh tạc Miền Bắc Việt Nam. Trung Cộng sợ Moscow có ảnh hưởng quá lớn ở Việt Nam nên tìm cách duy trì thế lực của họ. Mặc dầu Hà Nội than phiền, họ cũng

gây trở ngại cho việc chuyên chở vũ khí Nga đến Việt Nam qua lãnh thổ Trung Quốc.

Tuy nhiên, lúc Trung Cộng còn cương quyết chống lại Mỹ, Cộng Sản Việt Nam vẫn duy trì sự bang giao thân hữu giữa hai bên. Nhưng khi Trung Cộng thay đổi chánh sách đối ngoại năm 1972 và xem Mỹ như là những người có thể trở thành thân hữu, còn Liên Xô là kẻ thù số một, Cộng Sản Việt Nam đã cho là họ phản bội chánh nghĩa của Cộng Sản Quốc Tế, và bắt đầu theo Liên Xô để chống lại họ.

*

* *

Các sự kiện trên đây cho thấy rõ rằng Cộng Sản Việt Nam luôn luôn cư xử như là các tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa Marx-Lenin. Mục đích ưu tiên của họ không phải là phục vụ quyền lợi của nước Việt Nam mà là phục vụ lý tưởng cộng sản. Khi ấn định chánh sách của họ, họ đã bắt chước y theo các "đàn anh vĩ đại" và khi bắt buộc phải có một chọn lựa tối hậu, họ đã luôn luôn ngã về phía Liên Xô.

Để đạt mục đích, họ không ngần ngại áp dụng các phương pháp bị người không cộng sản thường lên án như sự dối trá, sự khủng bố, sự vi phạm nhơn quyền

và vi phạm luật pháp cùng thỏa ước quốc tế.

Khi gặp những khó khăn quá lớn hay những trở lực trọng đại, họ chấp nhận một sự thay đổi tạm thời trong chánh sách của họ, nhưng sẽ trở lại áp dụng kế hoạch bành trướng cộng sản khi tình thế của họ đã được cải thiện. Chiến thuật này đã được mô tả trong câu nói trứ danh của người cộng sản: "*nhận lui một bước để có thể tiến lên hai bước sau này*".

Đó là tánh chất chung mà Cộng Sản Việt Nam cùng có với người cộng sản ở mọi nơi trên thế giới. Vì họ không thay đổi tánh chất này nên chúng ta phải để ý đến nó khi chúng ta lượng giá chánh sách của họ.

II. Chánh sách mới của Cộng Sản Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến nền an ninh của Đông Nam Á Châu.

Cộng Sản Việt Nam hiện đang gặp nhiều khó khăn lớn lao. Nền kinh tế Việt Nam đã suy sụp và nhơn dân không đáp ứng các lời kêu gọi của chánh quyền. Trên bình diện quốc tế, Hà Nội bị sự chống đối của phần lớn các nước trong Liên Hiệp Quốc.

Cộng Sản Việt Nam đã công nhận rằng tình trạng

bi thảm hiện tại chính là do các sai lầm lớn lao của họ sau năm 1975 mà ra. Trong Đại Hội kỳ 6 của Đảng họ nhóm họp vào tháng 12 năm 1986, họ đã biểu quyết một quyết nghị nhấn mạnh trên nhu cầu phải đổi mới nhóm người lãnh đạo và cải tổ chế độ xã hội chủ nghĩa của họ. Chánh sách gọi là đổi mới này sẽ có ảnh hưởng gì, nhứt là đối với nền an ninh của Đông Nam Á Châu?

A. SỰ CẢI CÁCH KINH TẾ.

Vì được đào luyện theo các nguyên tắc của chủ nghĩa Lenin, người cộng sản trên toàn thế giới đều nhắm một mục đích tối hậu như nhau. Tuy nhiên, bên trong các Đảng Cộng Sản, luôn luôn vẫn có nhiều phe phái khác nhau theo nhiều quan điểm khác nhau về chánh sách cần phải áp dụng. Đảng Cộng Sản Việt Nam không ra ngoài thông lệ này.

Do đó, từ năm 1975, đã có sự chống đối nhau giữa các nhà lãnh đạo về chánh sách phải áp dụng ở Miền Nam Việt Nam. Tất cả đều nhắm mục đích áp đặt chế độ cộng sản trên toàn quốc, nhưng lại có sự khác nhau về nhịp độ thực hiện cái gọi là xã hội hóa Miền Nam Việt Nam.

Người ta đã gọi các phe chống đối nhau này là canh tân và bảo thủ, nhưng ta cũng có thể dùng các tính từ thiết thực và chánh thống để nói đến họ.

Thêm nữa, bên ngoài màu sắc ý thức hệ, sự chống đối nhau còn chịu ảnh hưởng của yếu tố địa phương. Phe bảo thủ hay chánh thống gồm các nhà lãnh đạo và cán bộ sanh ở Miền Bắc Việt Nam và đã phục vụ nhiều nhứt ở Miền này trong khi phe canh tân hay thiết thực gồm người thuộc mọi địa phương nhưng đã hoạt động nhiều nhứt ở Miền Nam Việt Nam, là nơi mà điều kiện sanh sống khác hơn ở Miền Bắc.

Lúc đầu, phe bảo thủ hay chánh thống đã nắm được ưu thế. Nhưng vì chánh sách mà họ áp đặt cho Miền Nam Việt Nam đã không đạt kết quả tốt, nhứt là về mặt kinh tế, nên phe canh tân hay thiết thực đã thành công trong việc thuyết phục Đảng chấp nhận quan điểm của họ, ít nhứt là về mặt lý thuyết, trong những năm cuối của thập niên 1970. Nhờ đó, phe canh tân hay thiết thực đã mang đến một vài cải thiện, nhứt là ở Miền Nam Việt Nam, nhưng họ cũng bị sự ngăn chận, có khi bị sự phá hoại của phe bảo thủ hay chánh thống ở nhiều cấp bậc.

Phe canh tân hay thiết thực đã nắm được phần thắng lợi cuối cùng với việc Ông Gorbachev lên nắm chánh quyền ở Liên Xô vì quan điểm của họ phù hợp hơn với lập trường của nhà lãnh đạo mới tại Liên Xô. Nhà lãnh đạo phe thiết thực là Nguyễn Văn Linh đã được bầu vào Bộ Chánh Trị và Ban Bí Thu Đảng trong Đại Hội kỳ 4 nhóm họp năm 1976. Đến Đại Hội kỳ 5 nhóm họp năm 1982, ông ta đã bị loại ra

khỏi hai cơ quan lãnh đạo này. Nhưng ông ta lại được đưa trở vào Bộ Chánh Trị năm 1985 và vào Ban Bí Thư năm 1986, trước Đại Hội kỳ 6. Không có sự yểm trợ mạnh mẽ của Gorbachev, ông ta đã không loại khỏi chánh quyền ba nhà lãnh đạo già và nhiều uy tín trong Đảng là Trường Chinh, Lê Đức Thọ và Phạm Văn Đồng, và được bầu làm Tổng Bí Thư của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng như sự thắng lợi của Gorbachev ở Liên Xô, sự thắng lợi của Nguyễn Văn Linh ở Việt Nam chưa phải là hoàn toàn. Trong Bộ Chánh Trị nhiều uy thế, hãy còn những nhà lãnh đạo thuộc cánh già cố như Phạm Hùng 75 tuổi, Võ Chí Công 74 tuổi và Đỗ Mười 77 tuổi. Phạm Hùng đã vào Bộ Chánh Trị từ năm 1960 và hai người kia từ năm 1976. Quốc Hội cũ đã không bầu được một Chủ Tịch Nhà Nước và một Thủ Tướng mới thay thế Trường Chinh và Phạm Văn Đồng. Sau nhiều tháng tranh chấp nội bộ, một Quốc Hội mới bầu đã chỉ định Võ Chí Công làm Chủ Tịch Nhà Nước và Phạm Hùng làm Thủ Tướng.

Vậy, phe bảo thủ hay chánh thống hãy còn đủ mạnh để bắt buộc Nguyễn Văn Linh phải thỏa thuận với họ và chắc chắn sẽ ngăn chặn ông ta trong việc thi hành chánh sách cải tổ đã được Đại Hội kỳ 6 chấp nhận.

Dẫu thế nào thì các cải cách cũng sẽ tự nhiên bị hạn chế vì nhiều lý do:

1. Việc bên trong Đảng Cộng Sản Việt Nam có một cánh bảo thủ mạnh mẽ và sự ngăn chặn của cánh này là một trở lực cho chánh sách được phe canh tân hay thiết thực áp dụng. Hơn nữa, chính những người thuộc phe canh tân hay thiết thực lại cũng là những tín đồ cuồng tín của chủ nghĩa Marx-Lenin nên không chấp nhận các thay đổi triệt để có thể làm suy yếu quyền thống trị chuyên chế toàn diện của chế độ cộng sản. Trong loại chế độ này, được thiết lập theo các nguyên tắc của chủ nghĩa Lenin, chỉ có các cán bộ cuồng tín mới leo lên khá cao trong hệ thống lãnh đạo của Đảng để có thể tham dự quyền điều khiển tối cao.

Bởi đó, ta sẽ không thấy sự thay đổi lớn lao nào, ngay cả sau khi thời gian chuyển tiếp hiện tại chấm dứt, lúc các nhà lãnh đạo thuộc cánh già cỗi đã qua đời, và được thay thế bằng các phần tử trẻ hơn và có thiện cảm hơn với phe canh tân hay phe thiết thực.

2. Bên cạnh các hạn chế trên đây do chính bản chất của người cộng sản mà ra, lại còn có các hạn chế phát xuất từ những nguyên nhân khách quan. Như một nhơn viên mới của Bộ Chánh Trị là Nguyễn Thanh Bình đã nêu rõ, trong Đại Hội kỳ 6, tất cả các đại biểu đều nói đến nhu cầu cải cách,

nhưng không ai đưa ra được những biện pháp cụ thể cần phải áp dụng.

Hơn nữa, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ còn gặp những khó khăn lớn lao hơn Đảng Cộng Sản Liên Xô và Đảng Cộng Sản Trung Quốc trong các mưu toan cải cách.

Liên Xô và Trung Cộng đã được hưởng thái bình từ nhiều thập niên. Như viên lãnh đạo ở hai nước này gồm phần lớn là cán bộ hành chánh hiểu rõ các vấn đề kinh tế và các biện pháp phải thi hành. Mặt khác, họ lãnh một số lương khá cao giúp họ sống một cuộc đời thoải mái hơn đồng bào họ. Họ đã ngăn chặn các cải cách và phá hoại chánh sách cải cách do Đảng đưa ra chỉ vì chánh sách này hạn chế các đặc quyền của họ. Ấy thế nhưng Gorbachev cũng như Đặng Tiểu Bình đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc thực hiện các kế hoạch của họ.

Phần nước Việt Nam thì đã lâm vào cảnh chiến tranh từ nhiều thập niên và như viên lãnh đạo hiện tại phần lớn là cán bộ an ninh và quân đội không hiểu tí gì về kinh tế và do đó mà không đủ khả năng thi hành đúng đắn các biện pháp do cấp trên quyết định. Mặt khác, họ lãnh một đồng lương chết đói vì Đảng Cộng Sản Việt Nam quá nghèo và không thể bảo đảm cho họ một mức sống tối thiểu khả quan. Bởi đó, họ có khuynh hướng ganh tỵ nhiều hơn với

các thường dân có thể hưởng một mức sống cao hơn họ nếu các cải cách được thật sự thi hành. Họ cũng có khuynh hướng phản ứng mạnh hơn nếu các đặc quyền của họ bị chính sách mới của Đảng đụng chạm. Vì các lý do trên đây, cán bộ của Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ cố ý hay vô tình ngăn chận các cải cách nhiều hơn các đồng chí Nga hay Trung Hoa của họ.

Việt Nam không có nhiều hàng hóa tiêu thụ. Người nhiệt tâm hoạt động sản xuất dầu có tiền nhiều cũng không tìm được ngay ở chợ đen những món họ cần dùng. Do đó, các cải cách dựa trên sự hấp dẫn của một mức sống cao hơn đã đưa đến kết quả tốt ở Liên Xô và Trung Quốc lại ít có hiệu quả hơn đối với người hoạt động sản xuất ở Việt Nam.

Nước Việt Nam cộng sản hiện bị nạn lạm phát phi mã, mà một trong các nguyên nhân của nạn này là việc Trung Cộng lén đưa vào nhiều giấy bạc giả. Các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam đã phải nhiều lần đổi giấy bạc. Mỗi lần đổi như vậy, Nhà Nước Cộng Sản đã tịch thu tiền tiết kiệm của nhân dân. Vì đã học được nhiều bài học kinh nghiệm, người Việt Nam hiện nay không muốn làm việc nhiều vì biết rằng mình sẽ không được hưởng kết quả công việc mình làm.

B. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI.

Vì bị các điều kiện bất thuận lợi như thế ngăn chặn nên Cộng Sản Việt Nam sẽ không thể thực hiện được những cải cách kinh tế quan trọng dầu họ có muốn đi chăng nữa. Tuy nhiên, một vài cải cách nhỏ có thể được áp dụng về mặt này. Trong chính sách đối ngoại, trái lại, sự thay đổi có ít cơ xuất hiện hơn, trừ trường hợp Liên Xô quyết tâm giải quyết nhanh chóng vấn đề Cam Bu Chia vì quyền lợi riêng của mình.

1. Sự giao thiệp với Trung Cộng.

Trong bài diễn văn đọc ở Hải Sâm Uy (Vladivostok) hồi tháng 7 năm 1986, Gorbachev đã công bố ý đồ hòa giải tất cả các Đảng Cộng Sản Á Châu. Trong Đại Hội kỳ 6 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, đại diện là Ông Ligachev đã nhấn mạnh trên nhu cầu bình thường hóa bang giao giữa Cộng Sản Việt Nam với Trung Cộng. Do đó, trong quyết nghị của họ, Cộng Sản Việt Nam đã hứa "làm hết sức mình để khôi phục tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước" Việt Nam và Trung Hoa, và tuyên bố "sẵn sàng đàm phán với Trung Quốc bất cứ lúc nào, bất cứ cấp nào và bất cứ ở đâu".

Tuy nhiên, liền sau khi Đại Hội bế mạc, đã có những cuộc đụng độ đẫm máu giữa quân đội Trung

Cộng và bộ đội Cộng Sản Việt Nam ở biên giới hai nước.

Cộng Sản Việt Nam hẳn đã không dám thách thức Liên Xô và phản bội quyết nghị của chính họ bằng cách gây hấn. Vậy, cuộc tấn công phải do phía Trung Cộng bắt đầu.

Trung Cộng đã theo dõi một cách yên lặng nhưng chăm chú diễn tiến của Đại Hội kỳ 6 của Đảng Cộng Sản Việt Nam và đã đợi bản danh sách các nhà lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam mới được công bố rồi mới quyết định thái độ. Nếu trong Bộ Chánh Trị và Ban Bí Thư mới của Đảng Cộng Sản Việt Nam có những phần tử thân Trung Cộng, có thể Bắc Kinh đã tiếp nhận một cách thiện cảm quyết nghị về việc tái lập sự giao hảo giữa hai nước. Nhưng tất cả các nhà lãnh đạo mới của Cộng Sản Việt Nam đều là người thân Liên Xô nên Trung Cộng không thể tin cậy họ được.

Mặt khác, Bắc Kinh lại sợ rằng các nước Đông Nam Á Châu, đặc biệt là Thái Lan, đồ chừng rằng sau Đại Hội kỳ 6 của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Liên Xô, Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam có thể hòa hảo với nhau và thay đổi chánh sách để ứng phó với việc này. Khi mở những cuộc tấn công ngăn nhưng dữ dội vào bộ đội Cộng Sản Việt Nam ở biên giới hai nước, Bắc Kinh đã nhắm trước hết vào việc

làm cho các nước khác tin tưởng rằng họ quyết tâm chống lại Hà Nội.

Cuộc tấn công vào vùng biên giới hồi tháng 12 năm 1986 cho thấy rằng Trung cộng chỉ chấp nhận tái lập sự giao hảo với Cộng Sản Việt Nam với điều kiện là các cán bộ và lãnh tụ thân Trung Cộng được trở vào Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhứt là ở cấp cao nhứt.

Nhưng, mặc dầu rất muốn tái lập sự giao hảo với Trung Cộng, Gorbachev không thể thỏa mãn họ bằng cách ép Cộng Sản Việt Nam phải chấp nhận các điều kiện của Bắc Kinh. Đó là vì hiện nay các nhà lãnh đạo thân Liên Xô của Đảng Cộng Sản Việt Nam rất thất nhơn tâm. Nếu các lãnh tụ và cán bộ thân Trung Cộng được đưa trở vào Đảng, nhứt là ở cấp cao nhứt, họ sẽ có thể nhờ sự ủng hộ của Bắc Kinh mà tự tăng cường thế lực và chiếm đoạt hết chánh quyền. Như thế, Liên Xô sẽ mất hết các lợi thế mà họ đạt được ở Việt Nam từ năm 1979. Vậy, sự bang giao giữa Cộng Sản Việt Nam với Trung Cộng sẽ không cải thiện được.

2. Vấn đề Cam Bu Chia.

Còn vấn đề Cam Bu Chia thì sao?

Trong Đại Hội kỳ 6 của Đảng Cộng Sản Việt

Nam, hai Tướng Văn Tiến Dũng và Chu Huy Mân đã mất ghế trong Bộ Chánh Trị. Việc loại bỏ họ làm cho cơ quan lãnh đạo này không còn người quân nhờn nào nhiều uy tín. Những người ở cấp bậc cao nhất trong Bộ Chánh Trị hiện nay là Lê Đức Anh và Đoàn Khuê. Hai tướng này đều có trách nhiệm trong việc xâm lăng và chiếm đóng nước Cam Bu Chia. Thêm nữa, trong số các nhà lãnh đạo dân sự mới của Bộ Chánh Trị, lại có Trần Xuân Bách, người đã chỉ huy Cục B 68 có nhiệm vụ kiểm soát các quyết định của chánh phủ bù nhìn Khmer do Heng Samrin cầm đầu.

Việc những người có trọng trách trong việc xâm lăng và chiếm đóng nước Cam Bu Chia được thăng cấp chứng tỏ rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam xem chánh sách áp dụng ở nước láng giềng này là đúng và thành công. Vậy, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ không thay đổi chánh sách này.

Cộng Sản Việt Nam đang âm thầm thực hiện kế hoạch Việt hóa hai nước Lào và Cam Bu Chia.

Ở nước Cam Bu Chia, đã có 800.000 người Việt Nam định cư và con số này cứ mỗi ngày một tăng lên. Người Việt Nam định cư ở Cam Bu Chia đã được lệnh phải mang tên Khmer, học nói tiếng Khmer trôi chảy và nhập quốc tịch Cam Bu Chia. Trong vài năm nữa, tổng số người định cư như vậy sẽ

lên đến 2 hay 3 triệu. Lúc đó, Cộng Sản Việt Nam sẽ có thể tuyển mộ trong số này 200.000 quân nhơn và cảnh sát viên phục vụ với tư cách là lực lượng quốc gia Cam Bu Chia, nhưng sẽ thật sự trung thành với Hà Nội. Vậy, Cộng Sản Việt Nam sẽ có thể chánh thức rút quân của mình về mà vẫn kiểm soát nước Cam Bu Chia một cách chặt chẽ được. Nếu các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam hiện nay tuyên bố rằng dầu thế nào thì vào năm 1990, quân đội Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ rời nước Cam Bu Chia thì đó là vì lúc ấy, kế hoạch Việt hóa Cam Bu Chia của họ đã đưa đến những kết quả họ mong ước.

Trong khi chờ đợi, Cộng Sản Việt Nam tìm cách khai thác các sự xung đột giữa các phe Khmer chống đối lại họ để mua thì giờ cần thiết cho kế hoạch của họ. Họ cố vượt ve Ông Sihanouk, đồng thời mưu toan phá hủy lực lượng của phe Son Sann là phe yếu về quân sự nhưng được sự tín nhiệm của các nước không cộng sản. Như vậy, thì chỉ sẽ còn có phe Khmer Đỏ chống nhau với Cộng Sản Việt Nam ở chiến trường. Vì chánh sách diệt chủng của họ trong quá khứ, phe này lại bị cộng đồng quốc tế ghét bỏ và chỉ được Trung Cộng yểm trợ. Nếu kháng chiến Khmer chống Cộng Sản Việt Nam chỉ còn có phe Khmer Đỏ, nó sẽ không đủ sức làm khó bộ đội Cộng Sản Việt Nam trong khi kế hoạch Việt hóa Cam Bu Chia được tiếp tục thi hành. Mặt khác, nếu lực lượng Khmer chống lại Cộng Sản Việt Nam bị yếu

sức nhiều, Hà Nội có thể rút quân khỏi Cam Bu Chia sớm hơn.

Dầu cho Cộng Sản Việt Nam rút quân sau khi kế hoạch Việt hóa Cam Bu Chia đã được thực hiện hay sớm hơn, nó cũng sẽ giúp cho họ được tạm yên để phục hồi sức lực và củng cố vị thế. Sau đó, họ có thể dùng hoạt động phiến loạn để làm yếu các nước láng giềng và bành trướng thế lực cộng sản ra khắp Đông Nam Á Châu.

Liên Xô có thể ủng hộ Hà Nội trong kế hoạch Việt hóa Cam Bu Chia và Lào vì kế hoạch này sẽ có lợi cho họ trong trường kỳ. Nhưng kế hoạch này phải cần thời gian mới có kết quả và Moscow phải viện trợ cho Việt Nam về mặt tài chánh để duy trì nền kinh tế Việt Nam cho đến lúc việc rút quân khỏi Cam Bu Chia giúp cho Hà Nội xin được sự viện trợ của các nước Tây Phương.

Mặt khác, có thể Liên Xô e ngại là Cộng Sản Việt Nam sẽ quá mạnh và có khả năng đương đầu lại họ. Liên Xô cũng có thể tìm cách giải quyết nhanh chóng vấn đề Cam Bu Chia vì không thể giúp Hà Nội số viện trợ tài chánh cần thiết trong một thời gian dài hoặc vì muốn gây thiện cảm với các nước Đông Nam Á Châu.

Việc cai trị nước Cam Bu Chia sẽ được giao cho

một chánh phủ liên hiệp gồm các phe quốc gia Khmer và Heng Samrin. Hà Nội sẽ không còn đóng quân ở Cam Bu Chia, nhưng sẽ tham dự một Lục Lượng Hòa Bình Thế Giới mà thành viên khác sẽ là các nước Đông Nam Á Châu như Thái Lan và Indonésia.

Vậy, Cộng Sản Việt Nam chỉ sẽ còn kiểm soát một phần của nước Cam Bu Chia và Liên Xô sẽ có thể đóng vai tuồng bảo đảm để ngăn chặn Cộng Sản Việt Nam vi phạm thỏa ước được ký kết. Vai tuồng này sẽ giúp Liên Xô gây được thiện cảm của các nước Đông Nam Á Châu; ảnh hưởng của họ ở các nước này sẽ tăng gia và sự hiện diện của họ ở Thái Bình Dương sẽ được tăng cường.

Liên Xô vốn muốn để Trung Cộng bên ngoài giải pháp của họ về Cam Bu Chia để không làm cho đồng minh Việt Nam của họ bất mãn và để cho Bắc Kinh không thể có ảnh hưởng ở Đông Nam Á Châu. Họ có thể khai thác sự thất nhân tâm của Khmer Đỏ và sự nghi kỵ của vài nước Đông Nam Á Châu đối với Trung Cộng để cho Bắc Kinh không có vai tuồng gì.

Nhưng nếu không thể loại Trung Cộng ra khỏi một giải pháp về Cam Bu Chia, họ có thể chấp nhận sự hiện diện của Trung Cộng bằng cách cho Khmer Đỏ tham dự chánh phủ liên hiệp của Cam Bu Chia.

Hà Nội sẽ không hài lòng về giải pháp này, nhưng sẽ không thể từ chối theo con đường mà Moscow vạch ra.

Dầu cho có hay không có Trung Cộng tham dự thì giải pháp của Liên Xô về Cam Bu Chia cũng sẽ giúp các nước Đông Nam Á Châu được tạm yên trong đoản kỳ. Nhưng vì chánh sách bành trướng của Liên Xô và tinh thần cuồng tín của Cộng Sản Việt Nam, nền an ninh của Đông Nam Á Châu sẽ không thể bảo đảm được. Các dân tộc Đông Nam Á Châu chỉ sẽ duy trì được nền độc lập và sự tự do của mình trong lúc có một nền kinh tế phồn thịnh và nhận được một sự viện trợ kinh tế quan trọng của các nước Tây Phương, nhứt là Hoa Kỳ.

Nhưng nếu họ gặp khó khăn kinh tế trong khi các nước Tây Phương không thể giúp họ một cách hữu hiệu, họ sẽ là nạn nhân của các hoạt động phiến loạn của Cộng Sản địa phương được cả Hà Nội và Moscow giúp đỡ. Dầu cho Bắc Kinh có một vai tuồng trong giải pháp nhân nhượng giữa Hà Nội và các nước Đông Nam Á Châu, nền an ninh của các nước này cũng không bảo đảm hoàn toàn được.

Một khi họ đã giải quyết được vấn đề Cam Bu Chia bằng cách chia nhau ảnh hưởng ở nước này, Trung Cộng và Liên Xô có thể sẽ thỏa thuận nhau được về việc chia nhau ảnh hưởng ở Đông Nam Á

Châu, như là nếu Mỹ làm cho Trung Cộng thất vọng vì không chịu có một chính sách tích cực hơn để chống lại Liên Xô và để yểm trợ các nước Đông Nam Á Châu.

Một sự thỏa thuận như vậy sẽ có thể đạt được trong tương lai, khi Liên Xô, Trung Cộng và Cộng Sản Việt Nam được đặt dưới sự điều khiển của những thế hệ lãnh tụ mới.

Do đó, thật rất là nguy hiểm nếu ta tìm cách khuyến khích cho Bắc Kinh và Moscow nhân nhượng nhau để có một giải pháp về Cam Bô Chia với hy vọng rằng Trung Cộng sẽ luôn luôn chống lại Liên Xô trong tương lai. Nếu Moscow đạt được một sự thỏa thuận với Bắc Kinh, họ sẽ có thể bắt Cộng Sản Việt Nam theo họ và Cộng Sản Việt Nam sẽ được dùng làm tiên phong trong việc chinh phục Đông Nam Á Châu cho Cộng Sản Quốc Tế.

*

* *

Nói tóm lại, chính vì bản chất của Cộng Sản nói chung, và Cộng Sản Việt Nam nói riêng, ngày nào mà Việt Nam còn đặt dưới quyền điều khiển của người cộng sản thì ngày ấy, ta không có hy vọng bảo đảm sự an ninh của Đông Nam Á Châu.

Các dân tộc Đông Nam Á Châu chỉ có thể sống yên ổn với một nước Việt Nam không cộng sản.

Mục tiêu này có thể đạt được nếu các nước lo âu vì chính sách của Liên Xô, và của Cộng Sản Việt Nam, có sự thay đổi trong chính sách.

1. Trung Cộng phải từ bỏ giấc mộng dùng người cộng sản thân Trung Cộng để thay thế người cộng sản thân Liên Xô ở Việt Nam.

2. Người Tây Phương (kể cả Nhật Bản) phải có một thái độ tích cực hơn đối với Trung Cộng và mặt khác, chịu dung nạp sự tồn tại của Khmer Đỏ đồng minh của Bắc Kinh, để có thể đạt một thỏa thuận với Trung Cộng về việc giúp đỡ các chiến sĩ tranh đấu cho tự do ở Lào, Cam Bu Chia và Việt Nam.

Một số chánh khách Tây Phương đã chấp nhận ý kiến này. Hiện nay, đã có:

- một Ủy Ban Yểm Trợ Việt Nam, Lào và Cam Bu Chia Tự Do do một nguyên dân biểu Hạ Nghị Viện Anh là Huân Tước Patrick Wall lãnh đạo,

- một Ủy Ban Pháp Yểm Trợ Việt Nam Tự Do đặt dưới sự điều khiển của Ông Quận Trưởng Quận 6 Paris là Pierre Bas, và

- một Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do do một nguyên dân biểu Nghị Hội Âu Châu là Ông Paul Vankerkhoven thành lập ở Bruxelles. Ủy Ban

ở Bruxelles đã lập những khu bộ ở các nước Tây Phương khác.

Nhiều nhóm kháng chiến hiện đang tranh đấu ở bên trong hai nước Lào và Việt Nam.

Phần người kháng chiến Khmer thì đã được các nước Tây Phương và các nước Đông Nam Á Châu công nhận.

Với một sự thỏa thuận giữa các nước Tây Phương, các nước Đông Nam Á Châu và Trung Cộng, các chiến sĩ tự do sẽ có thể lật đổ được chánh quyền của Cộng Sản Việt Nam thân Liên Xô và đóng góp vào việc xây dựng một nền hòa bình trường cửu cho Đông Nam Á Châu.

CUỘC HỘI THẢO VỀ ĐỀ TÀI

VIỄN TƯỢNG BANG GIAO GIỮA

HOA KỲ VÀ

CỘNG SẢN HÀ NỘI

LNXB: Bài thuyết trình của cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy sau đây được trình bày vào tháng chạp năm 1987 - tính đến nay đã hơn 3 năm, nhiều biến chuyển mau chóng đã xảy ra trên thế giới và tại Việt Nam - khiến có vài điểm không còn thích hợp, nhưng nhìn chung nó vẫn còn nhiều giá trị độc sáng cho người Việt Nam tranh đấu cho tự do suy ngẫm và hành động.

Vài hàng về cuộc hội thảo: Ngày thứ bảy 12 tháng 12 năm 1987, vào lúc từ 3 giờ đến 6 giờ 30 chiều, một cuộc hội thảo về đề tài *Viễn Tượng Bang Giao Giữa Hoa Kỳ Và Cộng Sản Hà Nội* đã được tổ chức trong khuôn viên trường Kenmore, Arlington, Virginia (Hoa Kỳ).

Cuộc Hội Thảo này do:

Hội Cựu Sinh Viên Quốc Gia Hành Chánh Việt Nam

Miền Đông Hoa Kỳ tổ chức với sự bảo trợ của:

Hội Cựu Quân Nhân Vùng Hoa Thịnh Đốn,

Hội Không Quân,

Hội Thủy Quân Lục Chiến,

Hội Yên Thế,

Hội Luật Gia Việt Nam,
Hội Giáo Dục Việt Mỹ,
Hội Người Việt Maryland,
Liên Đoàn Cử Tri Người Mỹ Gốc Việt
và các báo Việt ngữ:
Hoa Thịnh Đốn Việt báo,
Diễn Đàn Tự Do.

Chủ Tọa Đoàn của buổi hội thảo gồm có quý vị:
Giáo Sư Lê Xuân Khoa, Giám Đốc Cơ Quan IRAC
(Indochinese Resource Action Center), Washington D.C.,
Giáo Sư Cao Thị Lễ, Viện Đại Học George Mason,
Virginia
và Ông Trần Nhựt Thăng, Chủ Tịch Hội Cựu Sinh Viên
Quốc Gia Hành Chánh Miền Đông Hoa Kỳ.
Giáo Sư Lê Xuân Khoa giữ nhiệm vụ điều hợp viên của
buổi hội thảo.

Thuyết trình đoàn gồm có:

Ông Douglas Pike, Chủ Biên tờ Indochina Chronology,
Viện Nghiên Cứu Về Đông Á của Viện Đại Học
California, Berkeley,
Ông Shepard Lowman, Giám Đốc Việt Miên Lào Sự Vụ
của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ,
Ông Jimmy Towey, Phụ Tá Nghị Sĩ Hatfield của Tiểu
Bang Oregon,
Giáo Sư Nguyễn Văn Canh, Viện Nghiên Cứu Hoover
của Viện Đại Học Stanford, California,
Giáo Sư Nguyễn Mạnh Hùng, Viện Đại Học George
Mason, Virginia,
Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy, Viện Đại Học Harvard,
Massachusetts.

Các thuyết trình viên Mỹ đã lần lượt trình bày quan điểm của người học giả Mỹ, như viên chánh quyền Mỹ và như viên dân cử Mỹ đặc biệt lưu tâm đến vấn đề như đạo.

Các thuyết trình viên Việt Nam thì đứng về phía cộng đồng Việt Nam để xét vấn đề:

Giáo Sư Nguyễn Văn Canh đặc biệt nói về chiến thuật của Cộng Sản Hà Nội trong cuộc vận động bang giao với Hoa Kỳ,

Giáo Sư Nguyễn Mạnh Hùng nói về chiến thuật của Hoa Kỳ trong việc vận động bang giao với Cộng Sản Hà Nội,

Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy thì nói về các điều kiện chi phối sự bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội, triển vọng và ảnh hưởng của sự bình thường hóa bang giao đó đến cuộc tranh đấu tự do của người Việt Nam và thái độ người Việt Nam tranh đấu cho tự do nên có về vấn đề này.

Sau đây là bài thuyết trình của Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy.

I. Các điều kiện chi phối sự bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội.

A. ĐIỀU KIỆN TỔNG QUÁT CHI PHỐI SỰ BANG GIAO GIỮA HAI NƯỚC.

Khi nghiên cứu sự bang giao giữa hai nước, chúng ta cần phải lưu tâm trước hết đến nguyên tắc căn bản chi phối sự bang giao giữa các nước nói chung. Nguyên tắc căn bản này là sự bang giao dựa vào quyền lợi và sức mạnh. Không quốc gia nào chịu làm một việc hoàn toàn không có lợi cho mình. Vấn đề lý tưởng và tình cảm có được đặt ra thì cũng chỉ để tô điểm cho lập trường chánh thức được công bố được màu sắc chánh nghĩa hay có tánh cách hấp dẫn mà thôi.

Mặt khác, trong việc phục vụ quyền lợi mình, các quốc gia không phải muốn làm gì thì làm, và quyết định của họ tùy thuộc sức mạnh tương đối của họ so với các quốc gia khác có liên hệ đến vấn đề đặt ra.

Gần đây, người Tây Tạng đã nổi lên tranh đấu cho sự tự do và độc lập của mình và đã bị chánh quyền Trung Cộng đàn áp. Trong khi một số nghị sĩ và dân biểu Mỹ lên tiếng tố cáo Trung Cộng vi phạm nhân quyền ở Tây Tạng thì chánh phủ Hoa Kỳ đã

khẳng định ngay rằng họ xem Tây Tạng là một Khu Tự Trị của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc.

Chánh quyền Ấn Độ đã cho Đúc Đạt Lại Lạt Ma sống lưu vong ở nước mình từ trước đến nay cũng vội vã bảo rằng họ chỉ xem Ngài là một nhà lãnh đạo tinh thần chứ không phải là lãnh tụ chánh trị của Tây Tạng và yêu cầu Ngài đừng có những lời tuyên bố hay những hành động có tánh cách chánh trị trong khi cư trú tại Ấn Độ.

Phần chánh phủ Thái Lan thì từ chối việc cấp chiếu khán cho Ngài đến Bangkok để tham dự lễ kỷ niệm 30 năm phát phần thưởng Magsaysay theo lời mời của Ban Tổ Chức, mặc dầu Thái Lan là nước thờ Phật Giáo làm quốc giáo.

Đó là vì Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc là một đại cường quốc, và cả Hoa Kỳ, Ấn Độ và Thái Lan hiện nay đều có nhu cầu phải duy trì sự giao hảo với đại cường quốc này, thành ra không dám vì binh vực nhơn quyền mà làm mất lòng nó.

B. QUYỀN LỢI CỦA HOA KỲ VÀ CỦA CỘNG SẢN HÀ NỘI TRONG VIỆC BÌNH THƯỜNG HÓA BANG GIAO

Vậy, trong công cuộc vận động bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản Hà Nội, mỗi

bên có những quyền lợi gì?

Phía Cộng Sản Hà Nội tha thiết muốn bình thường hóa bang giao với Hoa Kỳ vì điều này làm cho họ bớt cô lập trên trường chính trị quốc tế, và có thể dọn đường cho một sự viện trợ kinh tế cần thiết để phát triển Việt Nam.

Phần Hoa Kỳ thì nhắm hai mục đích trong việc bình thường hóa bang giao với Cộng Sản Hà Nội, một có tánh cách đoản kỳ, một có tánh cách trường kỳ.

Trong đoản kỳ, chánh phủ Hoa Kỳ cần sự hợp tác của Cộng Sản Hà Nội để giải quyết vấn đề người Mỹ mất tích trong cuộc chiến Đông Dương, là một vấn đề làm cho dư luận Mỹ xốn xang. Riêng giới cựu quân nhơn Mỹ thì bất mãn chánh quyền vì có nhiều tin cho biết rằng Cộng Sản Hà Nội hãy còn giam giữ nhiều quân nhơn Mỹ bị họ bắt được trước năm 1973. Đã có nhiều tổ chức cựu quân nhơn Mỹ tự động quyên góp tiền bạc để tìm dấu vết các tù binh này, và cách đây không bao lâu, một cựu sĩ quan cấp tá đã đưa đơn kiện chánh phủ Reagan vì cho rằng chánh phủ này không lưu tâm đến các hồ sơ ông cung cấp về các tù binh Mỹ còn bị Cộng Sản Hà Nội giam giữ.

Sở dĩ Tổng Thống Reagan đã chọn Đại Tướng

Vessey, nguyên Chủ Tịch Bộ Tham Muu Hỗn Hợp Liên Quân của Hoa Kỳ làm người đại diện cho mình để thương thuyết với Cộng Sản Hà Nội là vì giới quân nhân và cựu quân nhân Hoa Kỳ không còn tin những lời tuyên bố và hứa hẹn của các chánh khách dân sự Mỹ, và chỉ có một tướng lãnh cao cấp mới gây được lòng tin tưởng nơi thiện chí của chánh quyền trong việc cố gắng giải quyết vấn đề người Mỹ mất tích.

Trong trường kỳ, Hoa Kỳ nhắm mục đích bảo vệ quyền lợi kinh tế của mình ở vùng Á Châu - Thái Bình Dương.

Trước đây, trên thế giới, trung tâm kinh tế phát triển hơn hết sau Hoa Kỳ là Tây Âu nên Hoa Kỳ xem Tây Âu là vùng phải bảo vệ bằng mọi giá. Nhưng hiện nay, vùng Á Châu - Thái Bình Dương lại phát triển mạnh về kinh tế và tổng số mậu dịch giữa vùng này với Hoa Kỳ đã cao hơn tổng số mậu dịch giữa Hoa Kỳ với Tây Âu. Do đó, vùng Á Châu - Thái Bình Dương đã trở thành một trọng tâm tối yếu cho nền kinh tế Hoa Kỳ.

Nhưng đồng thời với việc quyền lợi kinh tế Hoa Kỳ gia tăng ở vùng Á Châu - Thái Bình Dương, lực lượng quân sự Hoa Kỳ ở vùng này lại có thể sẽ giảm thiểu vì vấn đề Phi Luật Tân. Việc thanh toán lực lượng cộng sản Phi Luật Tân là một việc không phải

để thực hiện, mà đâu có thực hiện được, chánh quyền không cộng sản của Phi Luật Tân cũng chưa hẳn đã chấp nhận để cho Hoa Kỳ sử dụng các căn cứ quân sự hiện tại của mình ở Phi Luật Tân mãi mãi trong tương lai. Trong khi đó, vì được dùng Việt Nam làm căn cứ quân sự, Liên Xô lại tăng cường thế lực mình ở Thái Bình Dương.

Muốn bảo vệ quyền lợi kinh tế của mình ở vùng Á Châu - Thái Bình Dương một cách chắc chắn, Hoa Kỳ phải làm sao cho Việt Nam không còn là căn cứ quân sự của Liên Xô và điều này đóng một vai trò quan trọng bậc nhất trong sự bình thường hóa bang giao giữa họ với Cộng Sản Hà Nội.

C. SỨC MẠNH TƯƠNG ĐỐI CỦA HOA KỲ VÀ CỦA CỘNG SẢN HÀ NỘI SO VỚI CÁC QUỐC GIA KHÁC CÓ LIÊN HỆ ĐẾN VIỆC BÌNH THƯỜNG HÓA BANG GIAO GIỮA HAI BÊN.

Về mặt sức mạnh thì chúng ta phải công nhận rằng Việt Nam là nước nhỏ và yếu nên Cộng Sản Việt Nam rất kém thế.

Trong cố gắng bình thường hóa bang giao với Hoa Kỳ, Cộng Sản Việt Nam khó đi ngược lại chủ trương của Liên Xô là siêu cường đang giúp đỡ họ về mọi mặt quân sự, chánh trị, kinh tế và chi phối họ rất nặng nề.

Hoa Kỳ thì tuy là một siêu cường cũng không thể đơn phương quyết định về vấn đề Việt Nam vì vấn đề này có liên hệ đến Trung Cộng và các nước Đông Nam Á Châu mà Hoa Kỳ lại có nhu cầu giao hảo với các nước này thành ra không thể vì muốn cải thiện bang giao với Cộng Sản Hà Nội mà làm mất lòng họ được.

Năm 1978, sau khi Cộng Sản Hà Nội bỏ điều kiện tiên quyết cho sự bang giao, là Hoa Kỳ phải thực hiện lời hứa trao cho họ số tiền trên 3 tỷ mỹ kim để tái thiết Việt Nam khi ký Hiệp Định Paris 1973, hai bên đã có sự tiếp xúc và cùng thỏa thuận là sẽ trao đổi đại sứ với nhau. Nhưng cuối cùng, việc trao đổi đại sứ này đã không thực hiện vì lúc đó Hoa Kỳ phải cải thiện bang giao với Trung Cộng mà Trung Cộng thì cho Hoa Kỳ biết rằng nếu Hoa Kỳ giao hảo với Cộng Sản Hà Nội thì họ không cải thiện bang giao với Hoa Kỳ.

Gần đây, một số nghị sĩ và dân biểu Mỹ đã biểu quyết một quyết nghị yêu cầu chánh phủ Reagan thiết lập một số cơ cấu bán chánh thức để giao thiệp với Cộng Sản Hà Nội. Nhưng chánh quyền các nước Đông Nam Á Châu, như là Thái Lan, đã bảo rằng nếu Hoa Kỳ làm như vậy thì áp lực của họ để bắt Cộng Sản Việt Nam phải rút quân khỏi Cam Bu Chia sẽ bị yếu bớt đi. Vì sự giao hảo với các nước Đông Nam Á Châu cần thiết cho Hoa Kỳ hơn là sự

bình thường hóa bang giao với Cộng Sản Hà Nội nên sau khi có sự can thiệp của các nước Đông Nam Á Châu, các nghị sĩ và dân biểu Mỹ lại biểu quyết thêm một điều khoản phụ thêm vào bản nghị quyết trước, theo đó, sự giao thiệp với Cộng Sản Hà Nội qua các cơ cấu bán chánh thức nói trên đây chỉ thi hành nếu Cộng Sản Hà Nội rút quân khỏi Cam Bu Chia.

D. CÁC CẤP BỰC BÌNH THƯỜNG HÓA BANG GIAO GIỮA HOA KỲ VÀ CỘNG SẢN HÀ NỘI VÀ ĐIỀU KIỆN CHO MỖI CẤP BỰC.

Vậy, việc bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội là một vấn đề phức tạp.

Xét vấn đề qua các khía cạnh quyền lợi và sức mạnh tương đối nói trên đây, chúng ta có thể nhận thấy rằng sự bình thường hóa bang giao này gồm có **ba cấp bực** khác nhau và sự thực hiện nó ở mỗi cấp bực tùy thuộc một số điều kiện.

1. Nếu Cộng Sản Hà Nội thỏa mãn các yêu sách của Hoa Kỳ về vấn đề người Mỹ mất tích thì Hoa Kỳ sẽ báo đáp lại Cộng Sản Hà Nội bằng hai việc:

a. Trước hết, Hoa Kỳ sẽ không ngăn cản mà còn khuyến khích các tổ chức tư nhân giúp Cộng Sản Hà Nội về mặt nhơn đạo, đặc biệt là cung cấp các

tay chơn giả cho người tàn phế.

b. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng sẽ không còn phủ quyết việc Cộng Sản Hà Nội vay mượn các cơ quan tín dụng quốc tế như Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, Ngân Hàng Thế Giới v..v..

2. Nếu Cộng Sản Hà Nội rút quân khỏi Cam Bu Chia, Hoa Kỳ sẽ trao đổi đại sứ với họ.

3. Nếu Cộng Sản Hà Nội chấm dứt việc cho Liên Xô sử dụng các căn cứ quân sự tại Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ viện trợ kinh tế cho họ.

II. Triển vọng, ảnh hưởng và cách ứng phó.

A. TRIỂN VỌNG CỦA VIỆC BÌNH THƯỜNG HÓA BANG GIAO GIỮA HOA KỲ VỚI CỘNG SẢN HÀ NỘI.

Cấp bậc bình thường hóa bang giao thứ nhất nói trên đây hiện nay tương đối dễ đạt. Liên Xô không có lý do gì để ngăn cản Cộng Sản Hà Nội cung cấp các tin tức về người Mỹ mất tích cho Hoa Kỳ. Phần Hoa Kỳ cũng không có lợi mà đưa ra những chỉ tiêu quá gắt gao khó thực hiện, như đòi hỏi Cộng Sản Hà

Nội phải lập đầy đủ danh sách người Mỹ mất tích.

Vậy, cứ như đà tiến triển hiện nay thì chẳng bao lâu nữa, hai bên sẽ có thể đi đến cấp bậc bình thường hóa bang giao thứ nhứt, nghĩa là Cộng Sản Hà Nội cung cấp một số dữ kiện về người Mỹ mất tích đủ để xoa dịu dư luận Mỹ và Hoa Kỳ sẽ khuyến khích các tổ chức tư nhơn giúp Cộng Sản Hà Nội một số phương tiện chỉnh hình cho người bị tàn phế, đồng thời không chống lại việc Cộng Sản Hà Nội vay tiền các cơ quan tín dụng quốc tế.

Về việc đạt cấp bậc bình thường hóa bang giao thứ nhì, một số người cho rằng nó hãy còn xa vời nếu không nói là không thể có được. Nhưng mặc dầu vấn đề Cam Bu Chia không phải để giải quyết, tình thế không phải là hoàn toàn bế tắc đối với Cộng Sản Hà Nội.

1. Trước hết họ đang áp dụng chương trình **Việt hóa Cam Bu Chia**. Hiện đã có trên 800.000 người Việt Nam định cư ở nước láng giềng này và số người định cư như vậy vẫn tiếp tục gia tăng.

Trong vài năm nữa, tổng số người Việt Nam định cư ở Cam Bu Chia có thể sẽ lên đến 2 hoặc 3 triệu. Những người này đã được lệnh học nói tiếng Khmer trôi chảy, mang tên Khmer và nhập quốc tịch Cam Bu Chia. Trong số 2 hoặc 3 triệu người Khmer gốc

Việt này, Cộng Sản Việt Nam có thể tuyển mộ khoảng 200.000 binh sĩ và cảnh sát để giữ trật tự với danh nghĩa là dân Cam Bu Chia, nhưng vẫn sẽ triệt để tuân lệnh Cộng Sản Hà Nội. Lúc đó, Cộng Sản Hà Nội có thể chánh thức rút quân của họ mà vẫn kiểm soát Cam Bu Chia một cách chặt chẽ được.

Sở dĩ các giới chức Cộng Sản Hà Nội nhiều lần tuyên bố rằng dầu có một giải pháp thỏa thuận với các nước khác hay không thì đến khoảng 1990 - 1991, họ sẽ rút quân là vì lúc đó, họ đã hoàn tất chương trình Việt hóa Cam Bu Chia rồi.

2. Liên Xô có thể vì chủ trương hòa giải với Trung Cộng và các nước Đông Nam Á Châu mà ép Cộng Sản Hà Nội rút quân khỏi Cam Bu Chia sớm hơn.

Trước đây, Cộng Sản Hà Nội nhứt định không chấp nhận Khmer Đỏ, còn chánh phủ liên hiệp ba phe của nước Cam Bu Chia Dân Chủ thì nhứt định không chấp nhận phe Heng Samrin.

Về việc thương thuyết để giải quyết vấn đề Cam Bu Chia thì trước đây Cộng Sản Hà Nội và Liên Xô chủ trương các phe người Khmer phải hội thảo với nhau trước để tìm một giải pháp chấm dứt chiến tranh.

Phần Trung Cộng, các nước Đông Nam Á Châu

và chánh phủ liên hiệp ba phe người Khmer thì cho rằng làm như vậy là xem cuộc chiến ở Cam Bu Chia là một cuộc nội chiến mà đặt nhẹ việc Cộng Sản Hà Nội đang chiếm đóng Cam Bu Chia.

Bởi đó, họ đòi hỏi Cộng Sản Hà Nội phải hiện diện ngay trong cuộc hội thảo đầu tiên để giải quyết vấn đề Cam Bu Chia.

Nhưng gần đây, Ông Hoàng Sihanouk thuộc chánh phủ liên hiệp ba phe đã có cuộc hội thảo tại Pháp với Ông Hun Sen, Thủ Tướng của chánh phủ Heng Samrin.

Mặt khác, sau khi viếng Liên Xô trở về, Tướng Chaovalit Yongchaiyut, Tổng Tư Lệnh Quân Đội Thái Lan, đã công bố rằng chiến tranh Cam Bu Chia là một cuộc nội chiến.

Các việc trên đây cho thấy rằng: giữa Liên Xô và Cộng Sản Hà Nội một bên, với Trung Cộng và các nước Đông Nam Á Châu một bên, đã có sự tương nhượng để tìm một giải pháp cho vấn đề Cam Bu Chia. Giải pháp này sẽ giúp cho Cộng Sản Hà Nội không mất mặt và bảo đảm quyền lợi tối thiểu của họ ở Cam Bu Chia, nhưng họ sẽ phải chánh thức rút quân khỏi nước này.

Dầu Cộng Sản Hà Nội rút quân khỏi Cam Bu

Chia sớm hay muộn và đầu vì lý do gì mà rút thì Hoa Kỳ cũng trao đổi đại sứ với họ, vì không thể không thực hiện một lời cam kết mà chính phủ Hoa Kỳ đã nhiều lần nêu ra một cách chính thức cho toàn thế giới biết.

Đến như việc đạt cấp bậc bình thường hóa bang giao thứ ba, là Hoa Kỳ viện trợ kinh tế cho Cộng Sản Hà Nội, nó không phải dễ thực hiện. Liên Xô dĩ nhiên là vì quyền lợi của họ mà phải duy trì các căn cứ quân sự họ đang có ở Việt Nam và không thể để cho Cộng Sản Hà Nội đẩy mình ra ngoài. Phần Cộng Sản Hà Nội thì quá yếu, mà lại đang cần dùng sự giúp đỡ của Liên Xô để thỏa mãn các nhu cầu cấp bách của mình, lại bị Liên Xô kèm chế chặt chẽ, nên khó có thể đẩy Liên Xô ra khỏi Việt Nam để thỏa mãn yêu sách của Hoa Kỳ.

B. ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ BÌNH THƯỜNG HÓA BANG GIAO GIỮA HOA KỲ VÀ CỘNG SẢN HÀ NỘI ĐẾN CUỘC TRANH ĐẤU CHO TỰ DO CỦA NGƯỜI VIỆT NAM.

Vậy, Hoa Kỳ và Cộng Sản Hà Nội chắc chắn sẽ đạt cấp bậc thứ nhứt trong việc bình thường hóa bang giao, và sẽ có thể đạt cấp bậc thứ nhì trong một thời gian không xa lắm, nhưng sẽ khó đạt cấp bậc thứ ba.

Việc bình thường hóa bang giao giữa hai bên như vậy sẽ có ảnh hưởng gì đến cuộc tranh đấu cho tự do của người Việt Nam?

1. Về cấp bậc bình thường hóa bang giao thứ nhất, nó không làm thay đổi tình thế hiện tại bao nhiêu.

Trong thực tế, từ trước đến nay, đã có nhiều tổ chức tư nhân Hoa Kỳ, đặc biệt là một vài hội thánh Tin Lành thiên tả, lên giúp đỡ Cộng Sản Hà Nội về mặt tài chánh dưới danh nghĩa viện trợ nhân đạo. Việc bình thường hóa bang giao ở cấp bậc thứ nhất chỉ đưa đến việc xem các việc làm này là hợp pháp và đáng khuyến khích nên sẽ không làm tăng gia nhiều sự giúp đỡ Cộng Sản Hà Nội của một số cá nhân và hội đoàn tư Hoa Kỳ.

Việc Cộng Sản Hà Nội vay mượn các cơ quan tín dụng quốc tế, Hoa Kỳ chỉ hứa là không phủ quyết, và Cộng Sản Hà Nội có vay mượn được hay không hãy còn tùy thuộc nhiều điều kiện riêng của các cơ quan tín dụng này.

Vậy, nói chung, cuộc tranh đấu cho tự do của người Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng nhiều với việc bình thường hóa bang giao ở cấp bậc thứ nhất.

2. Trái lại, sự thực hiện cấp bậc thứ nhì trong sự

binh thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản Hà Nội với việc hai bên trao đổi đại sứ với nhau sẽ có ảnh hưởng lớn đến cuộc tranh đấu cho tự do của người Việt Nam. Nói chung thì Cộng Sản Hà Nội sẽ được hưởng một số ưu thế.

Về mặt tinh thần, họ có thể khoe là cuối cùng, Hoa Kỳ đã phải nhận chịu bất tay với họ.

Về mặt thực tế, họ sẽ được hưởng một số tiện nghi:

- về việc đi lại ở Hoa Kỳ,
- về việc tổ chức những người theo họ ở Hoa Kỳ để phá khuấy cộng đồng Việt Nam Tự Do và
- về hoạt động kinh tài.

Nhưng bù lại, tòa sứ quán của họ tại Hoa Kỳ và các hoạt động của các tòa đại sứ này sẽ là đối tượng cụ thể cho người Việt Nam tranh đấu cho tự do nhắm vào mà qui tập lại và tổ chức cuộc chiến đấu chống lại Cộng Sản Hà Nội một cách tích cực.

3. Nếu Cộng Sản Hà Nội mời được Liên Xô rời các căn cứ quân sự ở Việt Nam thì Hoa Kỳ có thể xem Cộng Sản Hà Nội như bạn và có thể viện trợ nhiều cho họ về kinh tế tài chánh để phát triển nước Việt Nam. Trong trường hợp đó, Cộng Sản Hà Nội sẽ có thể duy trì chế độ cộng sản và chỉ sẽ bị bắt buộc giảm bớt mức kiểm soát của họ đối với nơnon dân.

Nhưng vì Cộng Sản Hà Nội đã bị Liên Xô kèm chế và không thể nào mời Liên Xô rời các căn cứ quân sự tại Việt Nam nên Hoa Kỳ sẽ vẫn phải xem Cộng Sản Hà Nội là kẻ địch. Trong trường hợp đó, sự hiện diện của một tòa đại sứ và một số nhân viên Hoa Kỳ tại Việt Nam chưa hẳn là điều tốt cho Cộng Sản Hà Nội. Hoa Kỳ sẽ lợi dụng sự có mặt này để hoạt động làm yếu Cộng Sản Hà Nội hơn.

Trong chuyện Tây Du Diễn Nghĩa, có chuyện một con yêu nuốt Tôn Hành Giả vào bụng và tưởng rằng làm như vậy là đã thanh toán được Tôn Hành Giả. Nhưng khi vào bụng con yêu, Tôn Hành Giả đã đâm vào tim, vào gan nó, làm cho nó đau đớn không chịu nổi. Việc Hoa Kỳ có tòa sứ quán và nhân viên tại Việt Nam sẽ chẳng khác nào việc Tôn Hành Giả bị nuốt vào bụng con yêu, nếu Cộng Sản Hà Nội không mời được Liên Xô rời các căn cứ quân sự tại Việt Nam. Trong trường hợp đó, cuối cùng sự trao đổi đại sứ giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội sẽ có lợi nhiều hơn là có hại cho người Việt Nam tranh đấu cho tự do.

Chúng ta nên lưu ý rằng việc Hoa Kỳ có đại sứ tại Nicaragua đã không ngăn cản việc chánh quyền Hoa Kỳ giúp cho phe kháng chiến tranh đấu võ trang với chánh quyền cộng sản nước này.

C. THÁI ĐỘ MÀ NGƯỜI VIỆT NAM TRANH ĐẤU CHO TỰ DO NÊN CÓ.

Trước các triển vọng của sự bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản Hà Nội như thế, người Việt Nam tranh đấu cho tự do phải có thái độ nào?

1. Trước hết, chúng ta phải kiên trì tranh đấu, không bao giờ để mất tinh thần.

Hiện nay, Cộng Sản Hà Nội rất muốn thực hiện sự bình thường hóa bang giao này vì nó có lợi cho họ, nên chúng ta phải tranh đấu để chống lại nó.

Nhưng như trên đây chúng tôi đã trình bày, ngay cả đến cấp bậc bình thường hóa cao nhất đưa đến việc Hoa Kỳ viện trợ kinh tế cho Cộng Sản Hà Nội, Cộng Sản Hà Nội vẫn phải giảm bớt mức kiểm soát của họ đối với nhân dân Việt Nam, điều mà chúng ta có thể khai thác được. Nếu sự bình thường hóa chỉ đạt cấp bậc trao đổi đại sứ giữa hai bên, Cộng Sản Hà Nội càng gặp nhiều bất lợi hơn.

Vậy, tuy phải huy động toàn lực để ngăn chặn đến mức tối đa việc bình thường hóa bang giao giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội, chúng ta không nên xem sự thực hiện việc bình thường hóa này là một thất bại lớn khi nó xảy ra mà nên kiên trì tiếp tục cuộc tranh đấu.

2. Muốn có đủ sức mạnh chiến thắng Cộng Sản Hà Nội trong mọi trường hợp, người Việt Nam tranh đấu cho tự do phải kết hợp với nhau. Hiện nay, đã có những tiến triển tốt trong chiều hướng kết hợp như vậy và chúng tôi nghĩ rằng trong một tương lai không xa lắm, một tổ chức kết hợp phần lớn các đoàn thể có thực lực, có quá trình tranh đấu và có khả năng hoạt động cả bên trong lẫn bên ngoài nước Việt Nam sẽ có thể thành hình. Được như vậy thì cuộc tranh đấu chống lại Cộng Sản Hà Nội sẽ có qui củ hơn và có nhiều hiệu lực hơn.

3. Nhưng dầu sao, sức mạnh của khối người Việt Nam tranh đấu cho tự do vẫn còn nhỏ so với Hoa Kỳ và các quốc gia có liên hệ đến Việt Nam. Vì đó, người Việt Nam tranh đấu cho tự do cần phải biết cách tranh đấu.

a. Trước hết, chúng ta không nên có lời nói hay hành động chống chọi hằn dư luận các nước nói chung và các nước Tây Phương nói riêng. Như khi Cộng Sản Hà Nội xin viện trợ nhơn đạo và được một nước Tây Phương chấp nhận mà chúng ta quyết liệt chống lại việc đó thì chúng ta sẽ bị xem là những người bất nhơn và chẳng những không thuyết phục được các nước Tây Phương nghe theo chúng ta, mà còn sẽ bị mất thiện cảm của dư luận Tây Phương và không còn được dư luận này ủng hộ trong các vấn đề khác. Do đó, chúng ta phải có thái độ khéo léo hơn.

Tháng 6 năm 1983, khi tôi đến thăm các dân biểu ủng hộ Việt Nam Tự Do tại trụ sở Nghị Hội Âu Châu ở Strasbourg (Pháp), họ đã hỏi tôi về cách đối phó với việc một số đồng đồng viện của họ đã chấp nhận biểu quyết một ngân sách để cung cấp sữa cho các trẻ em Việt Nam. Tôi đã nêu ý kiến là nếu họ trực diện chống lại việc này thì họ sẽ bị kết án là chống cộng quá khích đến mức trở thành tàn nhẫn. Tôi đề nghị họ nên chấp nhận nguyên tắc viện trợ, nhưng đồng thời đặt điều kiện để cho ngân sách được biểu quyết không bị Cộng Sản Hà Nội lợi dụng để đàn áp giết hại người Khmer ở Cam Bu Chia, mà phải thật sự dùng để mua sữa và sữa này phải thật sự đến trẻ con dùng nó ở Việt Nam. Các bạn của Việt Nam Tự Do làm theo ý kiến trên đây và các điều kiện kiểm soát họ đặt ra làm cho chính Cộng Sản Hà Nội từ khước việc nhận viện trợ của Nghị Hội Âu Châu. Do đó, cuối cùng, sự thắng lợi và chánh nghĩa đã ngã về phía những người tranh đấu cho tự do và chính Cộng Sản Hà Nội đã tự làm rớt mặt nạ của họ.

Đối với vấn đề giúp đỡ về nhơn đạo mà Hoa Kỳ hứa hẹn cho Cộng Sản Hà Nội để được Cộng Sản Hà Nội cung cấp các tin tức về người Mỹ mất tích, chúng ta không nên chống lại nó một cách trực diện, mà chỉ nên đòi hỏi sự giúp đỡ nhơn đạo này thật sự đến người đáng được dùng nó.. Chúng ta có thể yêu cầu chánh phủ Mỹ kiểm soát chặt chẽ để sự giúp đỡ không phải thực hiện bằng tiền mà bằng hiện vật,

tức là tay chơn giả và các tay chơn giả này không phải chỉ dành cho thương phế binh cộng sản mà phải được cung cấp cả cho các thương phế binh của Việt Nam Cộng Hòa chúng ta trước đây và người dân sự bị tàn phế. Đòi hỏi như vậy, chúng ta vừa ngăn chặn được việc Cộng Sản Hà Nội lợi dụng sự giúp đỡ để tăng cường hay thực hiện các kế hoạch chánh trị hoặc quân sự ác hại của họ, vừa thâu hoạch được cảm tình và sự ủng hộ của du luận Hoa Kỳ.

b. Kế đó, chúng ta phải biết thay đổi chiến thuật để bồi bổ các nhược điểm của mình và khai thác nhược điểm của địch trước sự thay đổi lớn như việc Hoa Kỳ và Cộng Sản Hà Nội trao đổi đại sứ với nhau.

Thay vì dai dẳng chống báng lại việc trao đổi đại sứ này làm cho chánh quyền và nhân dân Mỹ bực mình, chúng ta phải khai thác sự hiện diện của sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam và của sứ quán Cộng Sản Hà Nội ở Hoa Kỳ.

Dầu có phải trao đổi đại sứ với Cộng Sản Hà Nội vì quyền lợi quốc gia, người Mỹ nói chung vẫn khó chịu vì đã bỏ rơi người Việt Nam Tự Do vốn là bạn đồng minh của mình. Người Việt Nam Tự Do sợ và họ về việc này thì họ phải chống lại, nhưng nếu người Việt Nam Tự Do yêu cầu họ tiếp tay để đòi hỏi Cộng Sản Hà Nội chấm dứt các vi phạm như

quyền ở Việt Nam thì họ sẽ tận lực giúp đỡ để làm nhẹ bớt mặc cảm tội lỗi đã bỏ rơi một bạn đồng minh.

Mặt khác, chúng ta có thể khai thác sự giao thiệp giữa Hoa Kỳ với Cộng Sản Hà Nội để tăng gia các hoạt động hữu hiệu bên trong Việt Nam và dọn đường cho công cuộc giải phóng đất nước. Công việc này càng dễ dàng hơn nếu vì không mời Liên Xô rời khỏi các căn cứ quân sự ở Việt Nam được mà Cộng Sản Hà Nội bị Hoa Kỳ xem là kẻ thù.

c. Trong mọi trường hợp, người Việt Nam tranh đấu cho tự do có tổ chức và có mạnh thì mới đạt các mục đích của mình.

Riêng đối với người Việt Nam tranh đấu cho tự do ở hải ngoại thì một trong các biện pháp tăng cường sức mạnh hiện nay là kết hợp nhau trong các hiệp hội cử tri người gốc Việt.

Tổng số phiếu của người cử tri gốc Việt có thể không cao lắm ở một địa phương, nhưng nếu tại địa phương đó có sự tranh chấp gay go giữa hai ứng cử viên thì khối cử tri người gốc Việt hợp lại có thể quyết định sự thắng bại của một trong hai ứng cử viên này. Người cử tri gốc Việt có thể khai thác tình trạng trên đây để làm cho các chánh khách các nước Tây Phương trong đó mình sống ủng hộ cuộc tranh

đấu cho tự do của dân tộc mình.

Nói tóm lại thì nếu kiên trì tranh đấu, dám tranh đấu và biết tranh đấu, người Việt Nam phục vụ lý tưởng tự do cuối cùng sẽ có thể đem sự thắng lợi về cho mình.

Vài nét về
Quá trình hoạt động của Cố Giáo Sư
NGUYỄN NGỌC HUY

**1. Tại Việt Nam
dưới thời Pháp thuộc:**

Thuở nhỏ theo học cấp tiểu học tại trường làng nơi nguyên quán là xã Mỹ Lộc. Sau đó lên học cấp 2 tiểu học ở trường tại quận lỵ quận Tân Uyên. Xong bậc tiểu học theo học cấp cao đẳng tiểu học ở trường trung học Pétrus Ký, Sài Gòn.

Năm 1943 làm thơ ký tại Tòa Hành Chánh tỉnh Cần Thơ.

Từ năm 1943 tới 1945 làm một số bài thơ thuộc thể loại hùng tráng ký bút hiệu Đằng Phương, chưa đăng báo.

Đầu năm 1945 gia nhập Đại Việt Quốc Dân Đảng để tranh đấu cho nền độc lập của dân tộc Việt Nam. Biết Việt Minh là một tổ chức của cộng sản và biết đường lối thật sự của cộng sản nên chỉ ở trong phong trào kháng chiến của Việt Minh trong một thời gian ngắn rồi về thành.

Từ năm 1946 về Sài Gòn làm việc trong Thư Viện Quốc Gia và ban đêm ngủ luôn tại nơi làm việc. Trong thời gian

này được Xứ Bộ Nam Việt của Đại Việt Quốc Dân Đảng giao trách nhiệm viết tài liệu chánh trị cho đoàn thể và viết bài cho tờ báo của đoàn thể là tờ Thanh Niên (cơ quan chánh thức của Báo Quốc Đoàn, một tổ chức ngoại vi của Xứ Bộ Nam Việt Đại Việt Quốc Dân Đảng) và tờ Đuốc Việt. Các bài khảo cứu và bình luận chánh trị được ký dưới bút hiệu Hùng Nguyên, các bài trào phúng được ký dưới bút hiệu Cường Nhân (báo Thanh Niên) và Ba Xạo hay Tử Xạo (báo Đuốc Việt), các bài thơ đăng trên Đuốc Việt được ký là Việt Tâm (theo đúng ước hẹn với tòa soạn là các bút hiệu đều có chữ Việt).

Năm 1949 bỏ sở làm để hoạt động toàn thời gian cho đoàn thể Đại Việt Quốc Dân Đảng. Trong thời gian này đảm nhận vai trò huấn luyện viên chánh trị cho Trường Cán Bộ Thanh Niên Nha Trang lúc Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn làm Bộ Trưởng Thanh Niên.

Năm 1951 được đoàn thể đưa ra hoạt động với chi nhánh của Thanh Niên Báo Quốc Đoàn ở Bắc Việt. Trong năm này Thanh Niên Báo Quốc Đoàn bị chánh phủ Nguyễn Văn Tâm giải tán, trở về Sài Gòn dạy quốc văn ở trường trung học tư thục Lê Bá Cang. Trong thời gian này, công tác đoàn thể có ít nên có thì giờ tự học thi lấy bằng Tú Tài Việt Nam.

Năm 1953, Đại Việt Quốc Dân Đảng hợp tác với ông Ngô Đình Nhu và một số nhơn sĩ cùng đoàn thể quốc gia khác thành lập Phong Trào Đoàn Kết Hòa Bình đòi hỏi Pháp phải trả thực quyền cho Việt Nam và Quốc Trưởng Bảo Đại phải dân chủ hóa chế độ. Trong giai đoạn này được chỉ định làm liên lạc viên giữa Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn với Ông Ngô Đình Nhu. Khi Ông Ngô Đình Nhu về nước cầm quyền - chánh phủ Ngô Đình Diệm - đã không giữ lời cam kết

trong Phong Trào Đoàn Kết Hòa Bình là lập một chánh phủ liên hiệp với các đoàn thể quốc gia và dân chủ hóa chế độ, mà lại chủ trương thiết lập một thể chế độc tài và đàn áp các đoàn thể quốc gia nên Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn đã phải rời Việt Nam sang Pháp.

2. Sang Pháp công tác và học tiếp:

Năm 1955 được đoàn thể chỉ định đi Pháp để phụ giúp Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn đồng thời để học hỏi thêm. Trong thời gian này ghi tên học ở Trường Khoa Học Chánh Trị Paris, lúc đó đổi tên là Viện Nghiên Cứu Chánh Trị Paris, và Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Kinh Tế Paris.

Năm 1958 tốt nghiệp Viện Nghiên Cứu Chánh Trị Paris

Năm 1959 đậu Cử Nhơn Luật Khoa

Năm 1960 đậu Cao Học Chánh Trị

Năm 1963 đậu Tiến Sĩ Chánh Trị Học trước ngày chánh quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ.

3. Trở về Việt Nam hoạt động:

Năm 1963, trở về Sài Gòn trong tháng 11 năm 1963.

Năm 1964, sau cuộc chỉnh lý chánh phủ Ông Dương Văn Minh ngày 30 tháng 1 năm 1964, Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn được mời làm Phó Thủ Tướng Đặc Trách Bình Định, được Bác Sĩ Hoàn nhờ giữ chức Đồng Lý Văn Phòng.

Khi Tướng Nguyễn Khánh tung ra Hiến Chương Vũng

Tàu để xây dựng lại chế độ độc tài, Đại Việt Quốc Dân Đảng chống lại việc làm này của Tướng Khánh. Tướng Khánh nhận thấy nếu Bác Sĩ Nguyễn Tôn Hoàn và Nguyễn Ngọc Huy còn ở lại trong nước thì ông ta không thể điều khiển được các sĩ quan thuộc Đại Việt Quốc Dân Đảng. Do đó, ông ta đã bắt cả hai phải rời Việt Nam.

Trong thời gian này sống lưu vong ở Hồng Kông và Nhựt Bản trong 2 tháng 9 và 10 năm 1964.

Khi Tướng Khánh trao quyền lại cho hai Ông Phan Khắc Sửu và Trần Văn Hương, trở về Sài Gòn tiếp tục hoạt động với anh em trong đoàn thể.

Cũng trong thời gian này, ba Xứ Bộ Bắc, Trung và Nam Việt của Đại Việt Quốc Dân Đảng đã có những bất đồng quan điểm lớn nên để tránh sự xung đột với các đồng chí cũ trong Đại Việt Quốc Dân Đảng, thuyết phục các anh em trong Xứ Bộ Nam Việt của Đại Việt Quốc Dân Đảng thành lập một chánh đảng mới có tên là Tân Đại Việt, tham dự các hoạt động chánh trị của Miền Nam Việt Nam trong tư thế bí mật.

Năm 1965 nhận chức giáo sư tại Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, dạy về Chánh Trị Học và Luật Hiến Pháp. Đồng thời làm giảng viên ở nhiều Viện Đại Học khác như: Viện Đại Học Đà Lạt, Viện Đại Học Huế, Viện Đại Học Cần Thơ, Viện Đại Học Vạn Hạnh, Viện Đại Học Minh Đức, Trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Cũng được mời làm giảng viên ở các Trường Cao Đẳng Quốc Phòng, Trường Chỉ Huy Tham Mưu Cao Cấp, Trường Đại Học Chiến Tranh Chánh Trị

Năm 1967 được mời làm Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội Cần Thơ.

Năm 1968 được mời tham dự Phái Đoàn Việt Nam Cộng Hòa trong cuộc đàm thoại ở Paris nên từ chức Khoa Trưởng Trường Đại Học Luật Khoa và Khoa Học Xã Hội Cần Thơ.

Đến Paris, nhận thấy cộng sản Việt Nam chỉ dùng cuộc đàm thoại làm diễn đàn để tuyên truyền nên sau khi giúp phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa xây dựng một hệ thống lý luận để đấu khẩu với chúng, đã dành nhiều thì giờ đi một vòng các nước Âu Châu để trình bày cho kiều bào biết về tình hình chung và lập trường của Việt Nam Cộng Hòa, rồi trở về Sài Gòn tiếp tục hoạt động với anh em trong đoàn thể.

Năm 1969, nhận thấy Miền Nam Việt Nam đã có một Hiến Pháp tương đối dân chủ, mà trong chế độ dân chủ chánh đảng phái hoạt động công khai, anh em Tân Đại Việt đã cùng một số nhơn sự độc lập và anh em trong một số đoàn thể khác, đặc biệt là anh em Việt Nam Quốc Dân Đảng, hợp tác nhau thành lập Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến, được anh em tín nhiệm trong chức vụ Tổng Thư Ký, trong khi Giáo Sư Nguyễn Văn Bông giữ chức Chủ Tịch.

Từ khi thành lập đến năm 1975, lập trường của Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến là ủng hộ chánh phủ quốc gia trong việc đối phó với cộng sản, nhưng không tham dự chánh phủ và đòi hỏi chánh phủ phải áp dụng đúng các qui tắc dân chủ và chấm dứt nạn tham nhũng cũng như nạn bè phái bất tài nắm các chức vụ quan trọng.

Năm 1973, lại được mời tham dự phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa tham dự Hội Nghị La Celle Saint Cloud, nhưng chỉ ở Pháp mấy tháng rồi trở về Việt Nam.

Năm 1974, trong lúc giảng dạy ở nhiều Viện và Trường Đại Học, giúp hai anh Phan Văn Song và Trần Minh Xuân thành lập Trường Đại Học Thương Mại Minh Trí.

4. Sau ngày Việt Nam bị cộng sản cai trị:

Năm 1975, sang Hoa Kỳ vào làm việc khảo cứu cho Trường Đại Học Luật Khoa Harvard. Trong mấy năm đầu công tác chánh là tham dự việc dịch ra tiếng Anh và chú thích bộ luật nhà Lê thường được biết dưới tên là Luật Hồng Đức (thật sự, sau khi nghiên cứu kỹ, Giáo Sư Huy đã phát giác là Bộ luật này đã được Ông Nguyễn Trãi soạn thảo vào đầu đời Lê). Bản dịch và chú thích này đã được Ohio University Press ấn hành năm 1987 dưới tên là The Le Code.

Cũng từ năm này tiếp tục công cuộc chống cộng với các đồng chí cũ và các thân hữu cùng chí hướng.

Năm 1981, cùng các anh em trong Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến và nhiều nhơn sĩ độc lập hợp tác thành lập Liên Minh Dân Chủ Việt Nam và được bầu làm Chủ Tịch Ủy Ban Chấp Hành Trung Ương của tổ chức này.

Cho tới nay, Liên Minh Dân Chủ Việt Nam đã móc nối được với các anh chị em còn ở lại trong nước và đã có tổ chức cơ sở ở Hoa Kỳ, Canada, Úc Đại Lợi và các nước ở Tây Âu.

Sau khi Liên Minh Dân Chủ Việt Nam được thành lập, không còn làm việc toàn thời gian cho Trường Đại Học Luật Khoa Harvard nữa mà chỉ còn giữ chơn nghiên cứu tại đây.

Trong thời gian từ năm này cho đến ngày mệnh chung, ngày 27 tháng 8 năm 1990, đi nhiều nơi trên nhiều quốc gia trên thế giới để vận động quang phục đất nước Việt Nam khỏi sự cai trị độc tài của cộng sản.

Năm 1982, cùng một số thân hữu bắt đầu công cuộc vận

động với nhiều chánh khách nổi tiếng ngoại quốc thành lập Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do.

Năm 1986, Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do được chánh thức ra mắt ngày 4 tháng 12 năm 1986 tại Bruxelles (Vương Quốc Bỉ) với sự đóng góp nhiều công lao của Giáo Sư Huy.

Trong tổ chức này Giáo Sư Huy là một ủy viên danh dự bên cạnh nhiều chánh khách tên tuổi Việt Nam và ngoại quốc.

Từ đây cho đến nay, nhiều Phong Trào Tham Gia Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam tự do được thành lập ở nhiều địa phương thuộc nhiều tiểu bang Hoa Kỳ cũng như ở các quốc gia Tây Âu, Canada, Úc Đại Lợi v.v.. với sự tham dự tích cực của nhiều chánh khách, nhân sĩ và đại diện hội đoàn danh tiếng.

Đồng thời nhiều Ủy Ban địa phương của Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do cũng được thành lập với sự tham dự của nhiều Nghị Sĩ, Dân Biểu và chánh khách địa phương...

Cũng trong thời gian này hầu như dành hết thời giờ để có mặt ở khắp mọi nơi trên thế giới để làm lớn mạnh Ủy Ban Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do và vận động cho được sớm đến ngày quang phục đất nước Việt Nam khỏi sự cai trị độc tài của cộng sản.

Năm 1990, cuối tháng 7, sang Âu Châu chuẩn bị tổ chức Đại Hội Liên Minh Dân Chủ Việt Nam Toàn Thế Giới kỳ I dự trù khai mạc vào ngày 2 tháng 8 năm 1990 tại Hòa Lan, nhưng không may cơn bệnh ác tính đã cướp mất mạng sống trước đó mấy ngày. Tuy nhiên, Giáo Sư Huy cũng qua đời tại Paris, Pháp Quốc, lúc 9 giờ 30 tối (giờ địa phương), trong trạng thái êm ả bên cạnh các chiến hữu sát cánh cùng Giáo

Su trên đường vận động "Quốc Tế Yểm Trợ Việt Nam Tự Do" và tranh đấu quang phục đất nước Việt Nam.

* (Chúng tôi có thể còn thiếu sót chưa ghi lại đầy đủ các hoạt động của Giáo Sư Huy, vốn vô cùng đa dạng và phong phú, nên ước mong trong thời gian sắp tới, nhờ sự giúp đỡ của thân nhân cùng quý vị có dịp gần gũi Giáo Sư Huy, sẽ có thêm nhiều chi tiết được công bố để sự nghiệp văn hóa lẫn chánh trị của cố Giáo Sư Huy được ghi nhận đầy đủ).

MỤC LỤC

	Trang
Tựa	5
Tiểu sử	11
Thương tiếc một vì sao Bắc Đẩu	20
1. Chung quanh vấn đề Vận Động Quốc Tế Cho Cuộc Tranh Đấu Để Giải Phóng Việt Nam Khỏi Ách Cộng Sản	23
2. Cộng Sản Việt Nam và nền văn minh ở Âu Châu	67
3. Bản Thông Cáo của Hội Nghị Bàn Tròn Bangkok	80
4. Việt Nam trong chiến lược toàn cầu của các đại cường	89
5. Cộng Sản Việt Nam và nền an ninh của Đông Nam Á Châu	115
6. Viễn tượng bang giao giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản Việt Nam	151
Vài nét về quá trình hoạt động của cố Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy	175

NHÀ XUẤT BẢN MEKONG-TYNAN
P.O. Box 612101
San Jose, CA 95161
Phone: (415)489-8117

TIẾP BƯỚC ANH ĐI

Con đường DÂN TỘC SINH TỒN
Dấu chân Anh bước như còn âm vang
Con đường QUANG PHỤC QUÊ HƯƠNG
Dấu chân Anh bước trăm đường gian truân
Cả đời một gánh kinh luân
Năm châu giông ruồi tương phùng như mây
Sáng Đông chiều đã sang Tây
Hình mai vóc hạc tâm say mấy ngàn
Hai vai nặng lá cờ vàng
Đường đi chưa đến... trường giang... ngừng chèo
Trời ơi! non nước cheo leo!
Tôi nghe triệu triệu bước theo anh về
Quê hương Xứ Bưởi gần kề
Tượng anh xin đúc mang về cho dân
Tám hương một nén xin dâng
Tám tang xin khắc một lần cho anh
Con đường anh đã rút gần
Chúng tôi tiếp bước... như dân đang chờ...

Mùa Truy Diệu

San Jose, California, tháng 8-90

Huy Phong TRẦN MINH XUÂN